

Phạn Vỡng Bờ Tát Giới

Hòa thượg Thích Trí Quang *dịch giải*

---o0o---

Mục Lục

I. Phần I : Dịch Giải

A. Chương 1 : Dẫn Nhập

1. Tiết 1 : Tài Liệu Sử Dụng
2. Tiết 2 : Các Bản Bờ Tát Giới
3. Tiết 3 : Giải Thích Đầu Đề
4. Tiết 4 : Phẩm 10 Với Phẩm Pháp Môn Tâm Địa
5. Tiết 5 : Thế Giới Phạn Vỡng
6. Tiết 6 : Sự Liên Hệ Của Phạn Vỡng
7. Tiết 7 : Giớ hạn Tụng Bờ Tát Giới Phạn Vỡng
8. Tiết 8 : Đặc Chất Của Bờ Tát Giới Phạn Vỡng
9. Tiết 9 : Bờ Tát Giới Phạn Vỡng Đối Với Người Tại Gia

B. Chương 2 : Dịch Giải Nghi Thức Tụng Bờ Tát Giới Phạn Vỡng

1. Tiết 1 : Qui Kính Khuyến Khích
2. Tiết 2 : Sách Tiên Tu Tập
3. Tiết 3 : Làm Phương Tiện Trước
4. Tiết 4 : Lời Tựa Mở Đầu
5. Tiết 5 : Chất Vấn Thanh Tịnh

C. Chương 3 : Dịch Giải Chính Văn Bờ Tát Giới Phạn Vỡng

1. Tiết 1 : Mở Đầu Về Bờ Tát Giới Phạn Vỡng
2. Tiết 2 : Nói Về Giớ Điều Bờ Tát Giới Phạn Vỡng
3. Tiết 3 : Kết Thúc Và Khuyến Cáo Thọ Trì Bờ Tát Giới Phạn Vỡng
8. Kết Thúc Toàn Bộ Phẩm Bờ Tát Tâm Địa Giới - Phẩm Pháp Môn Tâm Địa
9. Phụ Lục Kết Thúc Bờ Tát Giới Bằng Văn Chính Cú

II. Phần II : Phụ Lục

A. Phụ Lục 1 : Danh Sách Bờ Tát Giới Phạn Vỡng

B. Phụ Lục 2 : Phân Loại Bờ Tát Giới Phạn Vỡng Đối Với Xuất Gia Tại Gia

Ghi Sau Khi Duyệt Bồ Tát Giới Phạm Võng

Thành thực mà nói, tôi chưa có được niềm tin rằng mỗi khi có thể bị tai nạn gì thì nên tụng Bồ tát giới Phạm võng, nhưng có một điều rõ rệt là mỗi khi làm gì cho giới ấy thì đang bệnh cũng thư thái thấy rõ. Từ trước đến nay đã có 5 lần như vậy.

Tôi tự ghi tiêu truyện để sau Bồ tát giới Phạm võng là cố ý. Khi được bốn sư là ngài Phổ minh truyền cho giới ấy, thì từ đó đến nay thật sự tôi chưa có một nỗi xúc động nào tương tự. Thế rồi gần 50 năm nay, tôi có gì đáng gọi là làm, là biểu diện của cái nỗi xúc động ấy. Và lời ghi này chính là lòng biết ơn của tôi.

Bồ tát giới Phạm võng phải được gọi là Đại thừa giới. Đại thừa giới là bản nguyên của chúng sinh, là Phật tánh đầy phẩm chất Phật. Đại thừa giới xác nhận thân là thân chúng sinh, tâm là tâm chúng sinh, nhưng thân ấy tâm ấy đều nhập cả vào giới pháp Phật tánh: đều đem ra mà thọ và trì Đại thừa giới. Đại thừa giới căn cứ quan điểm hiếu thuận: hiếu thuận với tất cả chính là giữ giới. Đại thừa giới lại xác định là cái Phật đi, cái Phật làm, nên thọ giới ấy là nhập vào cương vị của Phật.

Căn bản của Đại thừa giới là gì? Một là tự tín mình sẽ là Phật, như Phật là Phật đã thành. Hai là tôn thờ vị thầy gọi là pháp sư đại thừa (để được dạy cho Đại thừa giới, truyền cho giới ấy, hướng dẫn, khuyến tiến và giám hộ sự giữ giới ấy).

Đại thừa giới đã tạo ra bao nhiêu tập tục tốt đẹp: hiếu thuận, phóng sinh, nuôi bệnh, chữa bệnh ...

Đại thừa giới đặc biệt nghiêm khắc răn dạy sự trung thành với Phật pháp tăng: cấm xu phụ quyền thế, cấm phỉ báng đồng đạo, cấm thuyết pháp hại đạo, cấm không cứu chuộc đồng đạo, cấm nạp tặng tịch cho chính quyền, cấm mặc cho đồng đạo bị chính quyền sai sử ... Đại thừa giới lại cấm trở ngại sự xuất gia hành đạo, sự kiến thiết tự viện, sự tạo lập đạo tràng ... Đặc biệt hơn nữa, Đại thừa giới cấm hại nước hại dân: làm gián điệp, nhất là gián điệp ngoại giao ... Chỉ có thế mà thôi, Đại thừa giới cũng đã là 1 vị Hộ pháp.

Mười sáu tháng tư, 2537

Trí Quang

Lời Nói Đầu

Bồ tát giới Phạm võng tôi đã dịch giải năm 2.505 (1961), do Giáo hội Tăng già Thừa thiên ấn hành. Nay sửa chữa lại, cẩn trọng hơn nhiều lắm. Làm xong việc ấy rồi, tôi xin ghi ở đây - ghi đầu tiên để thấy quan trọng - về 2 điều trong sự kính giữ Bồ tát giới Phạm võng.

Một là khi gặp nghịch cảnh thì nên nghĩ đến Phật, tưởng nhớ đến ngài. Điều này Pháp hoa (phẩm 13) và Ưu bà tắc (Chính 24/1051) đều nói đến.

Hai là riêng người tại gia còn phải học việc đời (nghề nghiệp) cho tinh thông rồi kiếm của một cách hợp với Phật pháp. Ưu bà tắc dạy rõ như vậy (Chính 24/1048).

Rằm tháng 3, 2531 (1987)

Trí Quang

Chương I:

Dẫn Nhập

Tiết 1: Tài Liệu Sử Dụng

Năm 2505 (1961), tôi dịch giải Bồ tát giới Phạn võng chỉ có 6 tài liệu để sử dụng, và sử dụng nhiều nhất là bản chú thích của ngài Hoàng tán (Vạn 60/387-462). Nay thì tài liệu khá nhiều, và tất cả đều nằm trong Đại tạng kinh bản Đại chính tân tu (ký hiệu là Chính) và Tục tạng kinh bản chữ Vạn (ký hiệu là Vạn). Về chính văn, vẫn lấy Chính 24/1003-1010 làm căn bản; phụ vào là bản khắc in riêng của Phật giáo Bắc, mang tên Bồ tát giới kinh, bản này nay được tụng theo nếu tụng nguyên Hoa văn. Nhưng xin nói rõ rằng chính văn Bồ tát giới Phạn võng không phải chép như nhau. Đối chiếu thấy các bản tương đối xưa và bảo đảm hơn thì chép như nhau, trong đó có Chính 24/1003-1010, khác với các bản tương đối nay, trong đó có bản Bồ tát giới kinh vừa nói. Sự lựa chọn tất nhiên nghiêng về các bản xưa và bảo đảm hơn, nhưng không phải hoàn toàn theo các bản ấy, mà là chọn cách chép nào xét có lý hơn. Rất may sự khác nhau không nhiều lắm, cũng không quan trọng bao nhiêu, và tôi sẽ ghi rõ những chỗ cần thiết trong khi dịch giải. Còn tài liệu tham khảo thì quan trọng nhất là toàn văn Phạn võng (Chính 24/997-1010) và kinh Anh lạc (Chính 24/1010-1023), kế đó là 19 bản chú thích về Phạn võng: 17 bản nằm trong Vạn 59/192 đến Vạn 61/182; 1 bản nằm trong Vạn 95/1; 1 bản nằm trong Vạn 107/196, bản này là nghi thức sám hối về Bồ tát giới Phạn võng; 1 bản nằm trong Chính 62/4-262, tác phẩm của Nhật, tổng hợp rất đáng khen về các chú giải Bồ tát giới Phạn võng. Tài liệu tham khảo tuy nhiều như vậy, nhưng khi sử dụng thì cố đơn giản càng nhiều càng tốt.

Tiết 2: Các Bản Bồ Tát Giới

Bồ tát giới có 4 bản. Bản 1 là của kinh Phạn võng, do ngài La thập dịch. Bản 2 và 3 đều của luận Du đà, nhưng do ngài Đàm mô sám và ngài Huyền tráng dịch khác nhau. Bản 4 là của Ưu bà tắc giới kinh, cũng do ngài Đàm mô sám dịch. Bản 1 phổ cập nhất. Các bản 2 và 3 ít phổ cập nhưng khá đặc biệt và vẫn có người thọ trì. Bản 4 không phổ cập.

Tiết 3: Giải Thích Đầu Đề

Dịch chủ La thập chỉ dịch phẩm thứ 10 của kinh Phạn võng. Nay gọi là kinh Phạn võng chỉ là phẩm ấy. Phẩm ấy có cái tên mà chép đầy đủ thì như sau: Phật thuyết Phạn võng kinh, Lô xá na phật thuyết Bồ tát tâm địa giới phẩm đệ thập: phẩm Tâm địa giới bồ tát của đức Lô xá na nói, phẩm thứ 10 của kinh Phạn võng do đức Thích ca tuyên thuyết.

Phạn võng là tràng lưới của Đại phạn thiên vương. Tràng lưới ấy các mắt kết ngọc, khác nhau mà ảnh hiện lẫn nhau, trùng trùng điệp điệp. Nhìn tràng lưới như vậy, Phật nói mọi thế giới cũng vậy, các pháp môn cũng vậy, vô cùng vô tận. Thích ca là đức Phật bản sư của chúng ta. Lô xá na nghĩa là chiếu soi khắp cả, danh hiệu của bản thân đức Thích ca. Tâm địa giới Bồ tát là 30 tâm, 10 địa và 58 giới của Bồ tát tu tập thọ trì, và toàn là những pháp môn y như mắt lưới của tràng lưới Đại phạn thiên vương. Nội dung phẩm Tâm địa giới Bồ tát ấy có 2 phần thành 2 cuốn: cuốn trên là Bồ tát tâm địa (còn có tên là phẩm Pháp môn tâm địa) do đức Thích ca nói bằng cách đưa thỉnh chúng đến đức Lô xá na, hỏi để đức Lô xá na nói; cuốn dưới là Bồ tát giới (còn có tên là phần Giới pháp vô tận) do đức Thích ca tụng lại giới pháp mà đức Lô xá na đã tụng khi nói về Bồ tát tâm địa. Như vậy là gián tiếp do đức Thích ca tuyên thuyết cả.

Tiết 4: Phẩm 10 Với Phẩm Pháp Môn Tâm Địa

Trong chính văn, tên gọi phẩm 10 là Pháp môn tâm địa. Pháp môn tâm địa là 40 pháp môn, tức 30 tâm và 10 địa (cuốn trên, Chính 24/998). Nhưng sau 30 tâm và 10 địa, phẩm Pháp môn tâm địa còn có 10 giới nặng và 48 giới nhẹ, nghĩa là còn có phần Giới pháp vô tận (cuốn dưới, Chính 24/1009), vì đó "là giới pháp duy nhất mà đức bản thân Lô xá na của ta đã nói trong phẩm Pháp môn tâm địa của ngài, giới pháp mà từ khi mới phát tâm ngài vẫn thường tụng" (Chính 24/1003), là giới pháp mà "nay ta cứ nửa tháng nửa tháng tụng lại ... Các người, những vị Bồ tát mới phát tâm cho đến những vị Bồ tát 10 phát thứ 10 trường dưỡng 10 kim cang và 10 địa, cũng phải tụng y như vậy" (Chính 24/1004).

Liên quan điều này, rất nên nhìn sang kinh Anh lạc. Kinh ấy, sau khi nói về Bồ tát vị (Bồ tát tâm địa) cũng nói về Bồ tát giới. Trong Bồ tát giới, mỗi giới pháp vô tận (giới nặng) đều nói nếu phạm thì không còn là Bồ tát, mất hết 42 pháp hiện thánh (Bồ tát vị) (Chính 24/1020). Như vậy có nghĩa minh bạch nói Bồ tát giới là căn bản từ đầu đến cuối của Bồ tát vị. Điều này phụ cho Phạn võng khá nhiều: không những chứng minh sau Bồ tát vị nói Bồ tát giới mà còn giải thích vì sao.

Tiết 5: Thế Giới Phạn Võng

Thắng ứng thân của Phật tên Lô xá na, hóa chủ Hoa tạng thế giới, tượng trưng bằng 1 hoa sen. Hoa tạng thế giới ấy có 1000 đại thiên thế giới, như hoa sen có 1000 cánh; hóa chủ 1000 đại thiên thế giới này là 1000 đức Thích ca liệt thắng ứng thân, do thắng ứng thân của Phật hóa ra. Mỗi đại thiên thế giới có trăm ức tiểu thế giới, thành 1000 lần trăm ức tiểu thế giới; và hóa chủ là 1000 lần trăm ức đức Thích ca liệt ứng thân, do 1000 liệt thắng ứng thân của Phật hóa ra. Đức Thích ca bản sư của chúng ta là 1 trong số 1000 lần trăm ức này. Và ức đây là ngàn vạn, trăm ức là 1 tỷ: là số lượng của đại thiên thế giới. Kinh Phạn võng, trong đó quan trọng và tổng kết là phẩm 10, phẩm Pháp môn tâm địa, được Phật nói với Phật và Phật nói cho chúng sinh, khắp trong thế giới Phạn võng như vậy.

Điều nên nói liền ở đây, là nói về thân Phật và cõi Phật như vậy, chỉ là nói thân và cõi của đức Thích ca, chưa phải đã nói tất cả thân và cõi của chư Phật. Ngay thân và cõi của đức Thích ca mà nói như vậy cũng chưa đủ: trên chưa thấu tự thọ dụng thân độ, dưới chưa gồm Phật hiện thân từ Bồ tát đến địa ngục, lại càng chưa gồm Phật hiện thân làm cảnh vật. Lại nữa, đây chỉ là nói thân và cõi Phật theo số lượng. Mà Phật thì siêu việt số lượng. Ngay đức Thích ca bốn sư và cõi Phật của ngài mà thôi, ta thấy là liệt ứng thân, là tiểu thế giới nhỏ và bản, nhưng đối với Bồ tát đại căn thì là thắng ứng thân độ (tha thọ dụng thân độ): thân là vi trần tướng hải thân, độ là hoa tạng thế giới hải. Thế giới Phạn võng là như vậy.

Tiết 6: Sự Liên Hệ Của Phạn Võng

Liên hệ sát và quan trọng nhất là với kinh Anh lạc, tài liệu mà tôi đã kê và đã nói đến phần nào trong tiết 1. Kế đó, Phạn võng là đồng bộ với Hoa nghiêm (Vạn 60/300B). Sau hết, bóng dáng kinh Phạn động (hay Phạn võng) của Trường a hàm cũng có đối với kinh Phạn võng ở đây. Chỉ khác là ở kia nói giới không bằng tuệ, khen Phật qua giới pháp không bằng hiểu Phật qua tuệ giác siêu việt 62 kiến chấp; ở đây trái lại, nói thật tướng bát nhã là căn bản của giới pháp và do giới pháp thể hiện. Nhưng sự liên hệ này chỉ do tôi đề cập. Một sự liên hệ khác cũng do tôi nghĩ, ấy là giới pháp Phạn võng rất gần với giới pháp Tỷ kheo; riêng sự ái hộ Tam bảo và Tăng bảo ái hộ lẫn nhau thì giới pháp Phạn võng nói rõ ràng, thực tế và thiết tha hơn. Do vậy mà giới pháp Phạn võng đặc biệt răn sự phản bội Phật pháp, chạy theo bạo quyền mà hại đạo và đồng đạo.

Tiết 7: Giới Hạn Tụng Bồ Tát Giới Phạn Võng

Bồ tát giới Phạn võng xưa chỉ bắt đầu từ văn chính cú. Còn kết thúc thì có bản chỉ đến cây hỷ đượ thọ trì (hoan hỷ và phần chân mà thọ trì), có bản hết trọn cuốn dưới. Có người phân khoa giải thích Phạn võng, mở đầu phần Bồ tát giới từ câu Nhĩ thời Thích ca mâu ni Phật từng sơ hiện Liên hoa đài tạng thế giới (Bấy giờ đức Thích ca mâu ni từ Hoa tạng thế giới mà khởi đầu ngài đã hiện ra ở đó). Lấy trọn từ đầu đến cuối cuốn dưới thì chỉ có một ít nhà chú thích Phạn võng và Bồ tát giới kinh đượ tụng hiện nay. Nay bản dịch này cũng làm như vậy. Dẫu rằng xét ra lấy từ văn chính cú và kết thúc ở câu hỷ đượ thọ trì thì gọn và xác hơn.

Đó là nói về chính văn. Còn nghi thức mở đầu tụng Bồ tát giới thì cũng chỉ Bồ tát giới kinh sau này mới có. Ngài Hoàng tán có chú thích nghi thức ấy (Vạn 60/457-461), nhưng cũng nói không biết do ai soạn, chỉ "xét tìm thì thấy phần nhiều trích ra từ Bồ tát giới bản kinh (của luận Du đà, do ngài Đàm mô sấm dịch) và giới bản của Hữu bộ". Nói tổng quát, nghi thức mở đầu ấy biến thể nghi thức tụng giới Tỷ kheo, nên biến thể thế nào cũng có bất ổn. Nhưng mở đầu Bồ tát giới Phạn võng thì không có lời lẽ mở đầu nào quan trọng và đặc biệt cho bằng trong chính văn đã tự có. Do đó, thiết nghĩ nghi thức mở đầu dùng cũng đượ, không cũng không thiếu sót gì, lại tránh đượ những sự miễn cưỡng và bất ổn.

Trường hợp không dùng nghi thức mở đầu thì tụng bài kệ khai kinh rồi đi ngay vào chính văn là được.

Tiết 8: Đặc Chất Của Bồ Tát Giới Phạm Võng

Ở đây tôi bỏ hết mọi sự đặc biệt của Bồ tát giới Phạm võng mà tôi đã nói đến trong bản in năm 2505, chỉ nói lại 1 chi tiết mà thôi. Ấy là tính chất ái hộ Tam bảo, trong đó có sự ái hộ lẫn nhau của Tăng bảo. Ái hộ trước bạo lực và quyền lực đã đành, lại còn ái hộ trong đời sống và trong quyền lợi, nhất là ái hộ trong sự đối xử, ái hộ bằng cách không phản bội Phật pháp, chạy theo bạo quyền mà hại đạo và đồng đạo, thì Bồ tát giới Phạm võng đã biến mọi lời khuyên thành những điều luật, nhưng là điều luật đầy đạo tình và chính hướng giải thoát. Chỉ có đặc chất này mới giữ được đạo tình trong Tăng bảo, nhất là trong những lúc đạo tình ấy bạo lực và quyền lực không muốn có. Cảm khái nhất khi tụng Bồ tát giới Phạm võng là điều này đây.

Tiết 9: Bồ Tát Giới Phạm Võng Đối Với Người Tại Gia

Trong tiết 6 đã nói Bồ tát giới Phạm võng rất gần Tỷ kheo giới, vậy tại sao cho người tại gia thọ trì, mà lại cho khá rộng rãi như đã nói trong chính văn qui định điều kiện lãnh thọ? Vấn đề chưa thấy ở đâu nêu lên và giải thích. Nay xét thẳng chính văn thì thấy Bồ tát giới Phạm võng tuy phần nhiều nói cho xuất gia, nhưng có những giới nói chung cho cả tại gia xuất gia, có những giới nói chung mà tại gia nhiều hơn, có những giới chỉ nói cho tại gia (như giới 1 và giới 47 trong 48 giới nhẹ). Chính ở 2 giới nói cho tại gia này, cùng tất cả giới khác riêng cho xuất gia hay chung cho cả xuất gia tại gia, đều biểu thị rõ rệt sự duy trì Phật pháp. Giả sử chỉ có người xuất gia thọ trì Bồ tát giới Phạm võng để thực hiện sự duy trì ấy, còn người tại gia không thọ trì Bồ tát giới Phạm võng, nghĩa là không duy trì Phật pháp, thì sự xuất gia đã bị họ chướng ngại rồi, còn đâu để thực hiện được sự duy trì ấy! Nên, chính trong sự duy trì Phật pháp mà không những thấy người tại gia phải thọ trì Bồ tát giới Phạm võng, lại còn ngạc nhiên thấy sao Phật biết trước đến như vậy.

Chương 2:

Dịch Giải Nghi Thức Tụng Bồ Tát Giới Phạn Vãng

Trước khi tụng, vị tụng giới lạy và qui mà thưa:

Con là tử kheo XX, kính bạch Đại đức tăng, Đại đức tăng bảo con tụng giới, nhưng con e có sự lầm lẫn trong khi tụng, vậy kính xin Đại đức tăng từ bi chỉ bảo cho con.

Đây là lời tác bạch trước khi đi vào nghi thức, và là lời của vị Tăng sai tụng giới. Nếu tụng giới là vị thượng tọa trong buổi bố tát thì không cần tác bạch lời này. Điều kiện của sự tụng giới là tụng rõ ràng, và tụng ở đây là đọc một cách trang trọng, chứ không phải tụng như tụng kinh. Tụng rõ ràng là âm thanh rõ ràng, âm điệu đúng với mạch lạc giới văn.

Nghi thức tụng Bồ tát giới có 5 tiết.

Tiết 1: Qui Kính Khuyến Khích

Chúng Bồ tát giới lắng nghe !

**Qui y kính lạy
đức Lô xá na,
và Kim cang phật
khắp cả mười phương;
lại lạy phân thân
đức Lô xá na
là ngàn trăm ức
các đức Thích ca.
Nay tôi kính tụng
về Bồ tát giới
mà đại cương là
ba loại tịnh giới;
chúng Bồ tát giới
hãy cùng lắng nghe!
Giới như ngọn đèn
đã sáng lại lớn,
có thể xua tan
bóng tối đêm dài;
giới như đài gương
trong sáng quý báu,**

**hiện rõ các pháp
đủ cả không sót;
giới lại y như
ngọc báu ma ni,
tuôn ra cửa cải
giúp kẻ khốn cùng.
Siêu thoát thế gian,
chóng thành Phật đà,
làm được như vậy
giới này hơn cả!
Vì lý do ấy
chúng Bồ tát giới
cần phải nỗ lực
kính cần mà giữ!**

Đoạn chính cú này lấy của Bồ tát giới Du đà, do ngài Đàm mô sám dịch, nội dung kính Phật kính Giới và khuyến khích kiên trì. Kim cang phật là các vị sau kim cang đạo thì phá đi thực thức, chứng bất hoại tánh, tức các vị viên mãn báo thân như đức Lô xá na. Các câu 5-8 là đối cho đúng trường hợp Bồ tát giới Phạn võng. Trong đó câu là ngàn trăm ức có nghĩa một ngàn và một ngàn lần trăm ức. Nếu không đối mà theo chính văn, thì phải dịch "lại xin kính lạy luận chủ Du đà, là Phật đương lai Từ thị thế tôn". Ba loại tịnh giới là "kết mọi giới pháp lại làm 3 môn: nhiếp thiện pháp giới là tám vạn bốn ngàn pháp môn; nhiếp chúng sinh giới là từ bi hỷ xả phổ cập chúng sinh, làm cho tất cả đều được an lạc; nhiếp luật nghi giới là mười giới pháp nặng làm chính yếu " (Anh lạc, Chính 24/1020).

Tiết 2: Sách Tiển Tu Tập

Chư đại đức, hôm nay bốn tháng của mùa xuân đã qua mất nửa tháng mà chỉ thiếu một đêm, còn lại chỉ thừa một đêm và ba tháng rưỡi. Già bệnh đã gần, Phật pháp sắp ảm. Chư đại đức, và ưu bà tắc ưu bà di, muốn được đạo quả, các vị phải nhất tâm nỗ lực mà tinh tiến. Tại sao, vì đến như chư Phật cũng phải nhất tâm nỗ lực mà tinh tiến mới thành tựu vô thượng bồ đề, huống chi những kẻ khác đang còn tu tập các thiện pháp khác. Các vị nghe như vậy thì trong lúc còn khỏe mạnh phải nỗ lực mà siêng tu thiện pháp, đâu được không cấp tốc cầu đạo mà đợi đến tuổi già. Đợi đến tuổi già là các vị còn muốn vui thú nổi gì?

**Ngày nay đã qua,
mạng sống cũng bớt,
như cá thiếu nước,
đâu có vui gì !**

Đoạn này trừ 4 câu chính cú cuối cùng, toàn lấy của giới bản Hữu bộ, nội dung nói sự vô thường để thúc dục cấp bách tu tập. Mùa xuân mới hết nửa tháng, còn đến 3 tháng rưỡi, nhưng không nói mới hết, còn đến, mà nói đã qua mất, chỉ còn lại, là dụng ngữ có ý. Sau đây là những chỗ cần ghi chú.

Ấn độ có 3 mùa, mùa xuân từ 16/12 đến 15/4, mùa hè từ 16/4 đến 15/8, mùa đông từ 16/8 đến 15/12. Tháng của Ấn độ lấy trăng bắt đầu tàn làm đầu tháng (tức đêm 16 mỗi tháng âm lịch) và lấy trăng thật tròn sáng làm cuối tháng (tức đêm rằm mỗi tháng âm lịch), không như âm lịch trăng bắt đầu có là đầu tháng, trăng đã tối hẳn là cuối tháng. Nhưng nửa tháng trăng sáng và nửa tháng trăng tối thì như nhau: nói theo ngày âm lịch thì 1-15 là trăng sáng, 16-30 hay 29 là trăng tối. Bồ tát tụng giới thì nửa tháng 1 kỳ, cử hành vào ngày cuối cùng nửa tháng (tức rằm và ba mươi hay âm chín) và thường cử hành ban ngày, như vậy còn 1 đêm mới hết nửa tháng; 1 đêm ấy đối với nửa tháng trước là thiếu mà đối với nửa tháng sau là thừa. Lời trong tiết 2 này là nói trong kỳ bồ tát tụng giới đầu năm lịch Ấn, tức cuối năm âm lịch. Những kỳ sau đó có 4 chỗ phải đổi mà ai cũng phải biết. Chỗ 1, bốn tháng phải thêm "và 1 tháng nhuận" nếu có tháng ấy; nhưng tháng nhuận ấy vẫn gọi theo tháng chính chứ không gọi riêng. Chỗ 2, mùa xuân tùy đó mà đổi: 16/4-15/8 đổi nói mùa hạ, 16/8-15/12 đổi nói mùa đông. Chỗ 3, nửa tháng tùy đó mà đổi theo bảng kê dưới đây, kê theo ngày tháng âm lịch cho dễ đổi, và chỉ lấy mùa xuân làm mẫu, 2 mùa hạ và đông so theo mà đổi.

hết tháng chạp : nửa tháng
rằm tháng giêng : một tháng
hết tháng giêng : một tháng rưỡi
rằm tháng hai : hai tháng
hết tháng hai : hai tháng rưỡi
rằm tháng ba : ba tháng
hết tháng ba : ba tháng rưỡi
rằm tháng tư : bốn tháng

Chỗ 4, ba tháng rưỡi thì tùy đó mà đổi theo bản kê dưới đây, cũng kê theo ngày tháng âm lịch và chỉ lấy mùa xuân làm mẫu.

hết tháng chạp : ba tháng rưỡi
rằm tháng giêng : ba tháng
hết tháng giêng : hai tháng rưỡi
rằm tháng hai : hai tháng
hết tháng hai : một tháng rưỡi
rằm tháng ba : một tháng
hết tháng ba : nửa tháng rằm
tháng tư : thừa một đêm

Tiết 3: Làm Phương Tiện Trước

Tặng tុ tập không?

Tặng hòa hợp không?

Tặng tុ tập hòa hợp để làm gì?

Những người chưa thọ Bồ tát giới, hay thọ mà không thanh tịnh, đã ra khỏi đây chưa?

Có bao nhiêu người thọ Bồ tát giới không đến tុ tập mà có dặn nhờ nói muốn và thanh tịnh?

Đây là kiểm điểm Tặng chúng, chuẩn bị và quyết định cho sự bố tát tụng giới cử hành được hay không. Sự kiểm điểm này, như vậy, rất quan trọng, và chỉ quan trọng cho Tỷ kheo tặng hay Tỷ kheo bồ tát tặng.

Kiểm điểm bằng 5 câu hỏi, nhưng cần nhất là 2 câu đầu. Tặng chúng ở một chỗ, khi kiết ma bố tát tụng giới, phải đầy đủ 2 yếu tố thì việc ấy mới thành, ấy là tុ tập đông đủ, không ai vắng mặt mà không nói muốn và thanh tịnh; là hòa hợp với nhau, không ai tុ tập để chống phá. Nói cách khác, muốn kiết ma bố tát tụng giới thì Tặng chúng ở một chỗ phải thân và tâm cùng hợp lại và ưng muốn; thân không hợp lại mà tâm ưng muốn thì được, thân hợp lại mà tâm không ưng muốn thì hỏng.

Nói muốn và thanh tịnh là dặn nhờ một hay hơn một vị khác, bạch với Tặng chúng, rằng mình ưng muốn việc kiết ma bố tát tụng giới và mình cũng thanh tịnh. Như vậy chỉ được phép nói muốn và thanh tịnh với lý do vì bận việc Tam bảo, vì bệnh hay vì coi bệnh, và với điều kiện là trong nửa tháng vừa qua không có phạm giới (mình tự biết không phạm giới, Tặng chúng cũng không ai thấy, nghe hay nghi mình phạm giới). Lời dặn nhờ có thể nói thông thường như sau, "Bạch đại đức, tôi là tỷ kheo XX, vì lý do XX nên không thể tុ tập kiết ma bố tát tụng giới, nhưng đối với việc ấy tôi ưng muốn, và tôi cũng thanh tịnh. Xin nhờ đại đức bạch lại với Đại đức tăng như vậy". Dặn nhờ như vậy, nếu không nói được thì có thể ra dấu. Lời bạch lại cũng có thể nói thông thường như sau, "Bạch đại đức tăng, con là tỷ kheo XX, có nhận lời dặn nhờ của tỷ kheo XX, vắng mặt vì lý do XX, nhưng nửa tháng vừa qua vị ấy không có phạm giới. Vị ấy dặn nhờ con bạch lại với Đại đức tăng rằng, đối với việc kiết ma bố tát tụng giới hôm nay của Đại đức tăng, vị ấy nói muốn và thanh tịnh".

Cả 5 câu hỏi là của vị tụng giới, người trả lời là vị tri sự hay vị nào biết rõ tình trạng của Tặng chúng cùng ở một chỗ. Câu 1, không có ai vắng mặt, ai vắng mặt có nói muốn và thanh tịnh, thì trả lời "Tặng tុ tập". Câu 2, không có ai tុ tập với dụng ý để phá, cãi,

thì trả lời "Tăng hòa hợp". Câu 3, trả lời "Đề kiết ma bồ tát tụng Bồ tát giới Phạm võng". Câu 4, có thì bảo ra và trả lời "Người chưa thọ Bồ tát giới, hay người thọ rồi mà không thanh tịnh, đã ra cả rồi"; nếu không có thì trả lời "Trong Tăng chúng đây không có người chưa thọ Bồ tát giới hay thọ rồi mà không thanh tịnh". Câu 5, có ai dặn nhờ nói muốn và thanh tịnh thì người được dặn nhờ bước ra mà bạch lại, không thì trả lời "Trong Tăng chúng đây không có người thọ Bồ tát giới không đến tụ tập mà có dặn nhờ nói muốn và thanh tịnh".

Tiết 4: Lời Tựa Mở Đầu

Chư Phật tử, hãy chấp tay lắng nghe. Nay tôi sắp nói đến lời mở đầu giới pháp rộng lớn của chư Phật, các vị tụ tập, yên lặng mà lắng nghe. Và tự xét có tội lỗi thì phải sám hối; sám hối thì yên vui, không sám hối thì tội lỗi càng sâu nặng. Không có tội lỗi thì yên lặng; do sự yên lặng ấy mà tôi biết các vị thanh tịnh.

Chư đại đức, và ưu bà tắc ưu bà di, hãy nghe cho kỹ. Sau khi đức Thế tôn nhập diệt, trong thời kỳ Phật pháp cuối cùng, càng phải tôn kính Ba la đề mộc xoa. Ba la đề mộc xoa là giới pháp này đây. Phụng trì giới pháp này thì như đêm tối mà gặp ánh sáng, như nghèo nàn mà được vàng ngọc, như bệnh tật mà được lành mạnh, như tù đầy mà thoát lao ngục, như đi xa mà được về nhà. Phải biết giới pháp này là đức thầy cao cả của các vị. Đức Thế tôn còn ở đời cũng không khác gì giới pháp này.

Lòng sợ tội lỗi khó mà sinh được, tâm có đức lành khó mà phát ra. Nên trong khế kinh đã dạy:

**Đừng khinh tội lỗi nhỏ,
cho là không tai họa;
giọt nước tuy là ít,
chảy mãi đầy hồ lớn.
Tội lỗi gây chốc lát,
họa ở vô gián ngục;
một khi mất thân người,
muôn kiếp khó được lại.
Sự khỏe đẹp không bền,
qua mau như ngựa chạy;
mạng người vốn vô thường,
quá hơn nước núi đổ:
hôm nay đâu còn đó,
ngày mai khó bảo tồn.**

Các vị phải nhất tâm mà nỗ lực tinh tiến, cẩn thận đừng giải đãi, đừng biếng nhác, đừng ham ngủ, đừng phóng ý. Thân đêm cũng phải tập trung tâm ý lại mà

tướng niệm Phật pháp tăng. Đừng để đời mình trôi qua một cách trống rỗng, một nhọc một cách vô ích, để rồi sau đó phải hối hận sâu xa.

Các vị hãy nhất tâm, kính cẩn mà phụng hành cho thật chính xác đối với giới pháp này. Phải học như vậy.

Lời tựa này có trong Chính 24/1003. Có lẽ trước khi có nghi thức, sự mở đầu tụng Bồ tát giới Phạm võng chỉ có lời tựa này mà thôi. Lời tựa này kết hợp cả kinh Di giáo và Pháp cú, nhưng không có gì gượng ép vì chấp vá và biến thể như các tiết trước và sau tiết này. Lời tựa này được soạn khá sớm, vì câu thời kỳ Phật pháp cuối cùng, chính văn vốn là thời kỳ Phật pháp tương tự. Phật pháp tồn tại có 3 thời kỳ: nguyên chất (chánh pháp) tương tự (tượng pháp) và cuối cùng (mạt pháp). Mỗi thời kỳ có 1000 năm. Nay kỷ nguyên Phật giáo đã 2527 năm, là đã hơn một nửa thời kỳ cuối cùng.

Vô gián ngục là địa ngục kết quả của 5 tội nghịch (cũng gọi là 5 tội vô gián, 5 nghiệp vô gián). Năm tội nghịch là giết cha, giết mẹ, giết La hán, làm chảy máu thân Phật, phá Tăng hòa hợp. Thêm giết Hoà thượng và giết Xà lê vào nữa thì gọi là 7 tội nghịch, được nói đến trong giới nhẹ 40. Nhưng xét 5 tội nghịch còn như kinh Địa tạng nói, cho người xuất gia nhiều hơn nằm trong phạm 3 của kinh ấy. Ở đó, sự phỉ báng Tam bảo và khinh thường kinh pháp cũng là làm chảy máu thân Phật. Trong 5 tội nghịch, tội phá Tăng hòa hợp nặng nhất, xét ra vì lẽ tội này làm rã Tăng hòa hợp mà thực chất là biệt lập giáo phái để làm giáo lãnh. Năm tội nghịch còn 1 pháp số nữa, của kinh Ni kiền tử: Một là phá hủy chùa tháp, đốt phá kinh tượng, chiếm đoạt của Tam bảo. Hai là phỉ báng tiểu thừa và đại thừa, phá hoại và trở ngại, làm cho các pháp ấy khuất lấp. Ba là bắt bớ, tù đày, tra tấn, hành hung, khinh khi, làm nhục, buộc hoàn tục hay hại tính mạng đối với người xuất gia. Bốn là làm 1 trong 5 tội nghịch thông thường (mà đã nói ở trên). Năm là bài bác nhân quả thiện ác, thường làm 10 ác nghiệp, không sợ đời sau, tự làm và xúc sử người làm mà ngoan cố không bỏ.

Kết quả của 5 tội nghịch là đọa vô gián ngục. Vô gián là không cách hở. Tuệ viễn đại sư, trong Đại thừa nghĩa chương, cuốn 7, nói 5 tội nghịch làm cho đọa vô gián ngục thì có 4 sự không cách hở. Một, nhân quả không cách hở: thân này chết rồi thì thân kế tiếp đọa vô gián ngục mà chịu liên quả báo của 5 tội nghịch, không có đời nào hay nghiệp gì làm cho cách hở nữa. Hai, chịu khổ không cách hở: đọa vô gián ngục thì trong một thời kỳ dài, khổ khổ liên tục, không có sự vui nào xen vào làm cho cách hở. Ba, sinh mạng không cách hở: đọa vô gián ngục thì trong một thời kỳ dài, chết đi sống lại liên liên mà sinh mạng không chết hẳn. Bốn, thân hình không cách hở: đọa vô gián ngục thì ai cũng thấy thân mình tràn đầy cả ngục, không chướng ngại cách hở lẫn nhau. Bốn sự này bao gồm đủ cả 5 sự đã nói trong phạm 3 của kinh Địa tạng. Trong 4 sự, sự đầu rất quan trọng, Thành thật luận và Câu xá luận đều nói, chứng tỏ 5 tội nghịch rất khó cầu cho siêu độ.

Một khi mất thân người muôn kiếp khó được lại là nói thân người rất quý. Nói theo trường hợp Bồ tát giới Phạm võng thì có thân mới thọ và trì được giới pháp ấy. Do vậy, đem thân người làm những việc mệt nhọc một cách vô ích, có hại, đã đành đáng trách, nhưng lỗi thuyết pháp thóa mạ, khinh thị thân thể, cũng không phải là thái độ hợp ý với Phật.

Tiết 5: Chất Vấn Thanh Tịnh

Chư đại đức, hôm nay là ngày mười lăm của nửa tháng trăng tối, ngày bố tát tụng Bồ tát giới. Các vị hãy nhất tâm mà nghe cho khéo. Ai có lỗi thì xin nói ra, ai không lỗi thì xin yên lặng. Yên lặng nên biết chư vị đại đức thanh tịnh, có thể tụng Bồ tát giới. Như vậy là tôi đã nói lời mở đầu Bồ tát giới. Nay xin hỏi, chư đại đức, trong các vị có thanh tịnh cả không? Chư đại đức, các vị thanh tịnh cả, vì các vị cùng yên lặng. Việc ấy tôi xin ghi nhận như vậy.

Đây là biến thể lời tác bạch kiết ma bố tát tụng giới mà thành sự chất vấn thanh tịnh. Nay xin hỏi, chư đại đức, trong các vị có thanh tịnh cả không, là hỏi trong nửa tháng vừa qua, có ai phạm giới không. Không ai phạm giới mới có thể tụng giới.

Việc này tôi xin ghi nhận như vậy, chính vẫn là thị sự như thị trì. Chử trì nghĩa đen là nắm giữ, ở đây là nắm giữ trong trí, tức là nói về sự ghi nhớ, về ký ức, và ở đây là xác nhận. Nên chữ ấy đi đôi với chữ thọ thì thọ trì nghĩa là tiếp nhận và ghi nhớ. Nghĩa chữ trì như vậy nên đã được cắt nghĩa là liễu đạt bất vong (thấu hiểu không quên). Thị sự như thị trì, dịch sát là việc ấy tôi nắm chắc như vậy (nghĩa là hiểu và nhớ như vậy). Nhưng chữ nắm chắc rất nên chuyển ra chữ ghi nhận cho sát việc và dễ hiểu hơn. Chủ từ tôi phải thêm, vì đây là lời của vị tụng giới. Nói gián dị, vị tụng giới nói, "các ngài thanh tịnh, vì các ngài yên lặng: việc này tôi xin ghi nhận như vậy".

Tiết này có vài chỗ cần chú ý. Một, hết tháng thì nói trăng tối, rằm thì nói trăng sáng; trăng tối thì ngày 15 có khi phải đổi ra 14 nếu tháng ấy thiếu. Hai, câu nay tôi xin hỏi, chư đại đức, trong các vị có thanh tịnh cả không, phải nói 3 lần, sau mỗi lần phải đợi vài ba giây.

Tụng giới xong, vị tụng giới đứng dậy mà thưa, Bạch Đại đức tăng, con là tử kheo XX, xin kính tạ lỗi Đại đức tăng; Đại đức tăng bảo con tụng Bồ tát giới, nhưng thân miệng ý của con không tinh cần, tụng giới vẫn không thông suốt, làm cho chư vị ngồi lâu hơn lên, không khỏi phát phiền. Con xin chư vị từ bi hoan hỷ cho con.

Cũng như lời tác bạch đầu tiên, lời tác bạch này, nếu vị tụng giới là thượng tọa trong buổi bố tát thì không cần nói.

Chương 3:

Dịch Giải Chính Văn Bồ Tát Giới Phạn Vỡng

**Bồ tát giới Phạn vỡng
là giới pháp vô thượng,
trăm ngàn vạn ức kiếp
vẫn khó mà gặp được;
nay con đã thấy nghe
lại còn được thọ trì,
nguyện cầu sớm thành tựu
pháp tánh thân thường trú.**

Kính lạy đức Lô xá na như lai. Kính lạy đức Thích ca mâu ni như lai. Kính lạy kho tàng Bồ tát giới Phạn vỡng.

Đây là bài kệ khai kinh và kính lạy giáo chủ Bồ tát giới Phạn vỡng. Bài kệ khai kinh này là bài thông thường mà tôi đổi và dịch cho đúng với trường hợp tụng Bồ tát giới Phạn vỡng. Pháp tánh thân thường trú là như chính văn sau đây nói, "Hết thấy chúng sinh đều có Phật tánh, nên toàn bộ thân tâm của chúng sinh, thân ấy tâm ấy đều nhập vào trong giới pháp Phật tánh, và đương nhiên có cái nhân như vậy thì đương nhiên thực hiện pháp thân thường trú". Chú thích: nhập vào trong giới pháp Phật tánh là thọ và trì giới pháp ấy.

Bài kệ khai kinh này, Bồ tát giới kinh để nguyên và đặt trước nghi thức mở đầu. Để và đặt như vậy không thích hợp ý nghĩa mà cũng không thích hợp nghi thức.

Kinh Phạn Võng, phẩm thứ 10

"Tâm địa giới bồ tát của đức Lô xá na tuyên thuyết", phần dưới I. Mục 1 : Nói về Xuất Xứ Của Bồ Tát Giới Phạn Võng Bằng Thẻ Trường Hàng

A. Đoạn 1 : Nói Xuất Xứ Gián Tiếp Của Bồ Tát Giới Phạn Võng

1. Số 1 : Đức Lô Xá Na Tổng Kết Về Phẩm Pháp Môn Tâm Địa

2. Số 2 : Chư Phật Chuyển Dạy Phẩm Pháp Môn Tâm Địa Cho Chúng Sinh

B. Đoạn 2 : Nói Xuất Xứ Trực Tiếp Của Bồ Tát Giới Phạn Võng

1. Số 1 : Đức Thích Ca Bốn Sư Thuật Ngài Cũng Chuyển Dạy Phẩm Pháp

Môn Tâm Địa Như Chư Phật

2. Số 2 : Đức Thích Ca Bốn Sư Nói Sẽ Nói Lại Bồ Tát Giới Phạn Võng

II. Mục 2 : Nói về Xuất Xứ Của Bồ Tát Giới Phạn Võng Bằng Thẻ Chính Cú

A. Đoạn 1 : Đức Thích Ca Bốn Sư Thuật Lời Đức Phật Bản Thân Tụng Bồ Tát Giới

B. Đoạn 2 : Đức Thích Ca Bốn Sư Thuật Sự Tụng Lại Bồ Tát Giới Của Chư Phật Hóa Thân

C. Đoạn 3 : Đức Thích Ca Bốn Sư Mở Đầu Đề Tụng Lại Bồ Tát Giới Y Như Chư Phật Hóa Thân

III. Mục 3 : Qui Định Máy Điều Cốt Yếu Về Bồ Tát Giới Phạn Võng

A. Đoạn 1 : Qui Định Hiếu Là Giới

B. Đoạn 2 : Qui Định Tất Cả Bồ Tát Vị Phải Tụng Bồ Tát Giới Phạn Võng

C. Đoạn 3 : Qui Định Điều Kiện Lãnh Thọ Bồ Tát Giới Phạn Võng

Số 1: Đức Lô Xá Na Tổng Kết Về Phẩm Pháp Môn Tâm Địa

Khi ấy đức Lô xá na đã vì đại chúng mà khai thị một cách tóm tắt, chỉ bằng đầu sợi lông, về pháp môn tâm địa, một trong các pháp môn nhiều đến số lượng không thể nói hết, như cát của trăm ngàn sông Hằng. Và kết thúc rằng, pháp môn tâm địa ấy hết thảy chư Phật quá khứ đã nói, chư Phật vị lai sẽ nói, chư Phật hiện tại đang nói, tất cả Bồ tát trong quá khứ vị lai và hiện tại đã học sẽ học và đang học. Như lai đã trải qua cả trăm vô số kiếp tu hành tâm địa ấy, kết quả thành Phật, danh hiệu Lô xá na. Chư vị Phật đà, các ngài hãy chuyển pháp môn của Như lai đã nói cho hết thảy chúng sinh, khai thị tâm địa cho họ. Bây giờ trên Sư tử tòa sáng chói rực rỡ ở Liên hoa đài, tức Hoa tạng thế giới, đức Lô xá na phóng ra ánh sáng, khuyến cáo một ngàn đức Thích ca trên một ngàn cánh hoa, rằng các ngài hãy đem phẩm Pháp môn tâm địa của Như lai mà đi, nói lại một cách tuần tự phẩm ấy cho một ngàn lần

trăm ức đức Thích ca, và hết thầy chúng sinh, với lời khuyến cáo rằng các người hãy thọ trì, đọc tụng, nhất tâm mà phụng hành.

Đây là đức Lô xá na tổng kết về phẩm Pháp môn tâm địa mà trong đó có phần Giới pháp vô tận (Bồ tát giới) khuyến cáo chư Phật hóa thân chuyển dạy pháp môn ấy cho chúng sinh.

Sư tử tòa là Phật như sư tử, Phật ngồi ở đâu chỗ ấy cũng gọi là sư tử tòa. Sư tử tòa ở đây của đức Lô xá na, và chư Phật hóa thân của ngài, là ở Hoa tạng thế giới. Hoa tạng thế giới tượng trưng như Liên hoa đài (đài sen), nên gọi đủ là Liên hoa đài tạng thế giới. Tách ra, chuyển dịch "Liên hoa đài, tức Hoa tạng thế giới" là để ăn liền với ngàn cánh hoa ở câu dưới. Liên hoa đài cũng là từ ngữ dùng trong văn chính cú ở dưới.

Đưa đại chúng đến hỏi để đức Lô xá na nói về pháp môn tâm địa là ngàn lần trăm ức đức Thích ca, nhưng đức Lô xá na gọi ngàn đức Thích ca mà nói, ấy là Phật nói với Phật về tâm địa; còn ngàn đức Thích ca nói với ngàn lần trăm ức đức Thích ca, ấy là Phật nói với Phật về cách nói tâm địa cho chúng sinh. Nói một cách tuần tự cho ngàn lần trăm ức đức Thích ca, và hết thầy chúng sinh, câu này nói tắt, nói rõ thì phải là nói cho ngàn lần trăm ức đức Thích ca để chư Phật ấy dạy lại cho hết thầy chúng sinh, khuyến cáo chúng sinh thọ trì tâm địa. Nói một cách tuần tự là nói bằng 10 chỗ thuyết pháp.

Số 2: Chư Phật Chuyển Dạy Phẩm Pháp Môn Tâm Địa Cho Chúng Sinh

Khi ấy một ngàn đức Thích ca trên một ngàn cánh hoa, và một ngàn lần trăm ức đức Thích ca, đều đứng dậy từ Sư tử tòa rực rỡ ở Hoa tạng thế giới. Ngài nào cũng cáo thoái bằng cách khắp mình phóng ra ánh sáng bất khả tư nghị, cùng hóa hiện vô lượng đức Phật nữa, và cùng trong một lúc dùng vô số sắc hoa xanh vàng đỏ trắng hiển cúng đức Lô xá na, tiếp nhận và ghi nhớ trọn vẹn phẩm Pháp môn tâm địa mà ngài đã tuyên thuyết. Rồi các ngài từ Hoa tạng thế giới ẩn đi. Ẩn rồi nhập định tên Bông hoa ánh sáng của thể tánh thanh tịnh in như hư không, trở về dưới cây bồ đề ở châu Diêm phù của thế giới mình, xuất định nói trên, ngồi trên Kim cang tòa đầy bông hoa ánh sáng, và tại Diệu quang đường nói về mười biển cả thế giới, lại rời chỗ ấy đến Đế thích cung nói về mười trú, đến Diệm thiên nói về mười hành, đến Đâu suất thiên nói về mười hương, đến Hóa lạc thiên nói về mười định, đến Tha hóa thiên nói về mười địa, đến Sơ thiên nói về mười kim cang, đến Nhị thiên nói về mười nhẫn, đến Tam thiên nói về mười nguyện, đến cung Đại tự tại thiên vương thuộc Tứ thiên nói lại phẩm Pháp môn tâm địa mà bản thân là đức Lô xá na ở Hoa tạng thế giới đã nói. Toàn thể một ngàn lần trăm ức đức Thích ca đều làm như vậy, không khác gì nhau, như phẩm Hiền kiếp đã nói.

Đây là chư Phật hóa thân chuyên dạy phẩm Pháp môn tâm địa cho chúng sinh bằng cách thị hiện 8 tướng thành đạo và 10 chỗ thuyết pháp.

Định tên Bông hoa ánh sáng của thể tánh thanh tịnh in như hư không , nói vắn tắt và nói cách khác, là diệu dụng của bản tánh thanh tịnh ; diệu dụng ấy là thị hiện 8 tướng thành đạo và 10 chỗ thuyết pháp. Nhập định rồi xuất định ấy là từ bản tánh thanh tịnh mà hiện khởi diệu dụng như vậy. Trở về dưới cây bồ đề ở châu Diêm phù của thế giới mình, xuất định nói trên, ngồi trên Kim cang tòa là nói tắt về sự thị hiện 8 tướng thành đạo.

Trong 10 chỗ thuyết pháp, Kim cang tòa đầy bông hoa ánh sáng , cũng có thể dịch Kim cang tòa rực rỡ hoa myđ Kim cang tòa này ở dưới Bồ đề thọ của Tịch diệt tràng. Cách 3 dặm về phía đông nam của Tịch diệt tràng là Diệu quang đường (Phổ quang minh điện). Tại chỗ thứ 1 này chư Phật nói về 10 biển cả thế giới, là nói về vi trần thế giới - nói về vô tận Hoa tạng thế giới, thế giới Phạm võng. Còn 8 chỗ kế tiếp nói về Bồ tát hạnh vị. Hạnh vị ấy tuy có 8 số 10, nhưng chính yếu là 30 tâm (10 trú 10 hạnh 10 hướng) và 10 địa, còn những hạnh vị khác chỉ chuẩn bị (10 tín, chính văn này lược đi) hay bồ tát. Đến chỗ thứ 10 nói lại phẩm Pháp môn tâm địa mà, như đã nói, trong đó có Bồ tát giới. Ngang đây lẽ đáng còn phải có câu như chính văn số 2 của đoạn 2 sau đây nói, "Rời từ cung thiên vương ấy trở xuống ngồi dưới cây bồ đề của châu Diêm phù, vì hết thấy chúng sinh phạm phu mê ám trên đất này, nói lại giới pháp duy nhất mà đức bản thân Lô xá na đã nói trong phẩm Pháp môn tâm địa của ngài".

Và như vậy, Bồ tát giới được từ đức Phật bản thân đến chư Phật hóa thân đều nói, tại Liên hoa đài, tại Đại tự tại thiên cung, tại Bồ đề thọ.

Về pháp đã thuyết qua 10 chỗ, cuối Bồ tát giới Phạm võng tổng kết như sau, "Nói tóm, ngàn lần trăm ức thế giới, Hoa tạng thế giới, và các Hoa tạng thế giới khác nhiều như vi trần, cũng diễn về tất cả kho tàng chánh pháp của chư Phật là kho tàng tâm, kho tàng địa, kho tàng giới, kho tàng vô lượng hạnh nguyện và kho tàng nhân quả Phật tánh thường trú".

Số 1: Đức Thích Ca Bổn Sư Tự Thuật Ngài Cũng Chuyên Dạy Phẩm Pháp Môn Tâm Địa Như Chư Phật

Bấy giờ đức Thích ca mâu ni từ Hoa tạng thế giới mà khởi đầu ngài đã hiện ra ở đó, hướng về phía đông, đi vào cung thiên vương, nói xong kinh Ma vương chịu giáo hóa, rồi hạ sinh ở nước Ca di la thuộc châu Diêm phù, mẹ là hoàng hậu Ma da, cha là hoàng đế Bạch tịnh, "Như lai tên Tất đạt, bảy năm xuất gia, thành đạo lúc ba mươi tuổi, danh hiệu Thích ca mâu ni, đầu tiên ngồi Kim cang tòa đầy bông hoa ánh sáng tại Tịch diệt tràng, cuối cùng đến cung Đại tự tại thiên vương, tuần tự thuyết pháp cả mười chỗ". Trong khi thuyết pháp tại cung Đại tự tại thiên vương,

đức Thích ca mâu ni nhìn tràng lưới của các Đại phạm thiên vương, nhân đó nói với họ, rằng vô lượng thế giới in như mắt lưới, mỗi mỗi khác nhau, vô cùng vô tận; pháp môn đức Lô xá na dạy cũng y như vậy. Như lai nay đến thế giới này đã tám ngàn lần, vì cả thế giới Sa bà mà ngôi Kim cang tòa đầy bông hoa ánh sáng, nói về mười biển cả thế giới, cho đến đến cung Đại tự tại thiên vương này, tóm tắt khai thị hoàn tất phẩm Pháp môn tâm địa cho đại chúng ở đây.

Đây là đức Thích ca bốn sư tự thuật ngài cũng chuyển dạy phẩm Pháp môn tâm địa cho chúng sinh bằng 8 tướng thành đạo và 10 chỗ thuyết pháp ; nói cách khác, ngài cũng thể hiện diệu dụng của định Bông hoa ánh sáng của thể tánh thanh tịnh.

Thích ca mâu ni , hay Thích ca, ở đây là đức Thích ca bốn sư. Ngài cũng thị hiện 8 tướng thành đạo và 10 chỗ thuyết pháp. Tám tướng thành đạo là giáng thân, nhập thai, trú thai, xuất thai, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập niết bàn. Sự tích như sau. Giáng thân là từ nội viện Đâu suất, Phật giáng thân bằng hình tướng cỡi voi trắng mà xuống vương cung Bạch tịnh. Nhập thai là Phật nhập vào hông trái của hoàng hậu Ma da. Trú thai là Phật ở trong thai mà không hôn mê, vẫn thuyết pháp cho chư thiên. Xuất thai là ngày trăng tròn tháng tư, từ hông phải của hoàng hậu Ma da, Phật sinh ra ở hoa viên Lâm tỳ ni. Xuất gia là 25 (23?) tuổi, Phật thoát vương cung, vào núi học đạo. Thành đạo là sau 6 năm khổ hạnh, và sau khi ngồi trên tòa Kim cang, hàng phục ma vương, Phật thành chánh giác dưới gốc bồ đề. Chuyển pháp luân là Phật thuyết pháp, quảng độ chúng sinh trong 50 năm. Nhập niết bàn là 80 tuổi, Phật nhập diệt dưới cây Sa la song thọ. Cả 8 tướng như vậy đều là sự thị hiện, và nói thị hiện, hay nói đức Lô xá na hóa ra đức Thích ca, là như thế đó, chứ không phải như là ảo thuật. Cả 8 tướng như vậy toàn là tác dụng độ sinh, chứ không phải chỉ có thuyết pháp mới độ sinh. Và cả 8 tướng như vậy hợp thành một đức Phật liệt ứng thân, nói cách khác, toàn là "bông hoa ánh sáng của thể tánh thanh tịnh". Chính văn trên đây, 8 tướng này nói đã lược, lại lược luôn cả chữ thị hiện.

Hướng về phía đông là vì Sa bà thế giới ở về phía đông Hoa tạng thế giới. Vào cung thiên vương là cung Đại tự tại thiên vương (Vạn 60/334B) Tịch diệt tràng là Bồ đề tràng; ở đó hóa thân của Phật thị hiện chứng hữu dư niết bàn nên gọi là Tịch diệt tràng, thị hiện chứng vô thượng Bồ đề nên gọi là Bồ đề tràng.

Nói thế giới và pháp môn mà ví dụ như Phạm võng, là nói đạo lý trùng trùng duyên khởi. Thị hiện 8 tướng thành đạo ở Diêm phù, 1 trong 1 tỷ thành phần của đại thiên thế giới Sa bà, mà nói "vì cả thế giới Sa bà mà thuyết pháp 10 chỗ", thì biết đức Thích ca bốn sư không phải chỉ là một chiều thuộc về số lượng ngàn lần trăm ức đức Thích ca hóa thân, thế giới ngài giáo hóa cũng không phải là một chiều thuộc về số lượng ngàn lần trăm ức tiểu thế giới. Tóm tắt khai thị hoàn tất phẩm Pháp môn tâm địa tức là cũng đã tóm tắt tụng lại Bồ tát giới (phần Giới pháp vô tận trong phẩm Pháp môn tâm địa) cho các vị đại căn đương cơ ở Đại tự tại thiên cung, chứ không phải chỉ nói Bồ tát tâm địa còn Bồ tát giới về Diêm phù mới nói.

Số 2: Đức Thích Ca Bổn Sư Nói Sẽ Nói Lại Bồ Tát Giới Phạm Võng

Rồi từ cung thiên vương ấy, Như lai trở xuống, ngồi dưới cây bồ đề của châu Diêm phù, vì hết thấy chúng sinh phàm phu mê ám trên đất này, nói lại giới pháp duy nhất mà đức bản thân Lô xá na của Như lai đã nói trong phẩm Pháp môn tâm địa của ngài, giới pháp mà từ khi mới phát tâm ngài đã thường tụng. Giới pháp ấy như ngọc kim cương sáng chói, và là bản nguyên của chư Phật, của Bồ tát, là hạt giống Phật tánh. Hết thấy chúng sinh đều có Phật tánh, nên toàn bộ thân tâm của chúng sinh, thân ấy tâm ấy đều nhập vào trong giới pháp Phật tánh, và đương nhiên có cái thân như vậy thì đương nhiên thực hiện pháp thân thường trú. Về mười Ba la đề mộc xoa mà Như lai sẽ nói lại sau đây, khi xuất hiện ở thế giới này, thì đó chính là giới pháp của Phật pháp, là giới pháp mà hết thấy chúng sinh trong quá khứ vị lai và hiện tại nên kính phụng thọ trì. Như lai sắp sửa vì cả đại chúng ở đây mà trùng tuyên phần Giới pháp vô tận - giới pháp của hết thấy chúng sinh, bản nguyên là tự tánh thanh tịnh.

Đây là đức Thích ca bổn sư nói sẽ nói lại Bồ tát giới Phạm võng (Giới pháp vô tận) cho chúng sinh Diêm phù, Bồ tát giới mà bản thân Lô xá na của ngài đã nói trong phẩm Pháp môn tâm địa và đã tụng từ khi mới phát tâm, cho đến thành Phật rồi cũng vẫn thường tụng.

Như lai trở xuống, ngồi dưới cây bồ đề của châu Diêm phù, vì hết thấy chúng sinh phàm phu mê ám trên đất này, nói lại giới pháp duy nhất mà đức bản thân Lô xá na của Như lai đã nói trong phẩm Pháp môn tâm địa của ngài, giới pháp mà từ khi mới phát tâm ngài vẫn thường tụng là nói Bồ tát giới là giới pháp mà thánh phàm cùng được truyền thọ và thọ trì. "Nói lại giới pháp duy nhất ..." chính vẫn là thuyết ngã bản Lô xá na phát tâm địa trung sơ phát tâm trung thường sở tụng nhất giới. Tâm địa ở đây không phải là nhân địa để dịch tu nhân, mà là gọi tắt tên phẩm Pháp môn tâm địa - như đã gọi như vậy ở đoạn đầu và còn gọi như vậy ở đoạn cuối Bồ tát giới Phạm võng. Phật tụng giới, không phải chỉ tụng trong khi tu nhân, lại càng không phải chỉ tụng lúc mới phát tâm. Cả chính văn chính cú và trường hàng trong đoạn 1 mục 2 và đoạn 2 mục 3 sau đây sẽ chứng tỏ từ khi mới phát tâm cho đến lúc thành Phật rồi, Phật vẫn thường tụng. Chưa thành Phật thì tụng để được thành, thành Phật rồi thì tụng để truyền thọ - như Phật bản thân tụng lại và Phật hóa thân tụng lại nữa, tụng thành Bồ tát giới Phạm võng này đây.

Phật tánh ở đây vừa có nghĩa bản thể vừa có nghĩa khả năng: bản thể là Phật, và khả năng làm Phật, gọi là Phật tánh. Bản thể và khả năng ấy, chính là thân tâm chúng ta đây. Như vậy, vì chúng sinh có Phật tánh, nên thân là thân chúng sinh, tâm là tâm chúng sinh, mà thân tâm ấy vẫn có thể thọ và trì được giới pháp Phật tánh, nên chính văn nói "Hết

thầy chúng sinh đều có Phật tánh, nên toàn bộ thân tâm của chúng sinh, thân ấy tâm ấy đều nhập vào trong giới pháp Phật tánh".

Câu trên đây, chính vẫn là nhất thể chúng sinh giai hữu Phật tánh, nhất thể ý thức sắc tâm, thị tình thị tâm giai nhập Phật tánh giới trung. Trước hết, phải hiểu các chữ ý, thức, sắc, tâm, tình, tâm. Ý, thức, tâm, 3 chữ ấy chỉ là "một nghĩa mà khác tên", vậy có thể và cần phải gồm lại mà chỉ nói là tâm, cho rõ và đủ hơn. Còn sắc ở đây là 5 sắc căn, tức nhãn căn cho đến thân căn; 5 căn này ngài La thập cũng hay dịch là ngũ tình. Việc này không những thấy trong Pháp hoa (như phẩm 24), mà Trí độ luận (như cuốn 40) nói càng rõ, "5 tình là mắt vân vân, gọi là nội thân; 5 trần là sắc vân vân, gọi là ngoại thân". Như vậy thì chữ sắc ở đây cũng chính là chữ tình ở đây. Và sắc hay tình là 5 căn, là chính cái thân tổng hợp 5 giác quan, vậy có thể và cần phải gồm lại mà chỉ nói là thân, cho rõ và sát hơn. Sát hơn, vì lẽ Bồ tát giới cũng như bao nhiêu giới pháp khác, không có thân như chư thiên Vô sắc giới thì không thọ được, nên chính vẫn đoạn 3 mục 3 sau đây kể ai cũng được thọ Bồ tát giới mà không kể chư thiên Vô sắc giới. Vậy thì biết thân là yếu tố cần nhất trong việc thọ và trì giới pháp Phật tánh, thân là Phật tánh.

Nên nói thêm chút nữa. Nói Phật tánh mà chỉ nói tâm thì không ai lạ gì, nhưng nói thân vào (nói sắc vào) thì có nhiều người lúng túng. Lúng túng đến nỗi phải lướt bỏ chữ sắc đi, lại hiểu chữ tình là tình thức. Lúng túng như vậy là quên đi rằng, nói Phật tánh thì đúng là nói tâm, nhưng tâm ấy là tâm tánh, gồm cả thân tâm và ngoại cảnh: toàn bộ thân tâm và ngoại cảnh của tâm tánh đều bản thể là Phật, đều thành khả năng làm Phật, nên gọi là Phật tánh cả. Phải hiểu như vậy về chữ Phật tánh, nhất là chữ ấy ở đây. Và hiểu như vậy thì thấy chữ sắc trong 6 chữ ý, thức, sắc, tâm, tình, tâm, chữ sắc ấy đúng là sắc căn (nội sắc), nhưng nếu hiểu thêm rằng chữ sắc ấy cũng chỉ cho cả trần cảnh (ngoại sắc), thì dầu quá xa cũng vẫn đúng. Đúng, vì không cần luận đến bản thể mà chỉ nói sự dụng, thì ngoại cảnh cũng là phương tiện và khả năng giúp cho sự thọ trì Bồ tát giới, thực hiện Phật tánh.

Sau hết, chính văn chỗ này có một định thức: có Phật tánh thì có thể thọ trì Phật giới, thọ trì Phật giới thì thành tựu Phật quả là pháp thân thường trú.

Mười ba la đề mộc xoa là 10 giới nặng. Nói về Bồ tát giới, phần nhiều hay nói 10 giới nặng ấy, vì 10 giới nặng ấy là căn bản, còn 48 giới nhẹ toàn là đăng lưu. Nói 10 giới nặng xuất hiện thế gian là nói Bồ tát giới xuất hiện, và 10 giới nặng ấy cũng gọi là 10 giới pháp vô tận hay phần Giới pháp vô tận.

Về 10 giới pháp vô tận, kinh Anh lạc cũng gọi như vậy, và cũng có ý như Phạn võng, chỉ thứ tự có xê xích chút ít. Gọi là giới pháp vô tận, vì giới pháp ấy thọ rồi, đời này đời khác, vẫn thường không mất, đi theo hành giả cho đến thành Phật, lại nữa, giới pháp ấy lấy tâm làm thể, tâm vô tận nên giới vô tận (Anh lạc, Chính 24/1020).

Giới pháp của Phật pháp , chính vẫn chỉ là pháp giới. Nhưng do từ ngữ Phật pháp trung giới tạng (giới tạng trong Phật pháp, kho tàng giới pháp trong Phật pháp) trong đoạn 3 mục 2 sau đây, và từ ngữ chư Phật pháp giới (giới pháp của Phật pháp) ở đầu đoạn 2 mục 3 sau đây nữa, mà biết pháp giới là gọi tắt những từ ngữ ấy, nên phải dịch rõ ràng như vậy. Giới pháp của hết thảy chúng sinh, bản nguyên là tự tánh thanh tịnh là gián tiếp định nghĩa về giới: giới là tự tánh thanh tịnh, nên giới là của chúng sinh. Vì giới là của chúng sinh như vậy, nên chúng sinh có thể và nên thọ trì. Và giới là tự tánh thanh tịnh của chúng sinh, đó cũng là một cách nói về xuất xứ của Bồ tát giới Phạm võng.

Đoạn 1: Đức Thích Ca Bổn Sư Thuật Lời Đức Phật Bản Thân Tụng Bồ Tát Giới

**Như lai Lô xá na
an tọa Liên hoa đài,
xung quanh Liên hoa đài
có cả một ngàn cánh.
Trên ngàn cánh hoa ấy
Như lai hiện ngàn Phật,
tất cả đồng một hiệu
hiệu Thích ca thế tôn.
Mỗi cánh hoa nói trên
có trăm ức thế giới,
mỗi thế giới lại có
một đức Thích ca nữa;
các đức Thích ca này
cùng trong một thì gian
ngồi dưới bồ đề thọ
thành tựu vô thượng giác.
Ngàn và ngàn trăm ức
đức Thích ca nói trên,
toàn thể chỉ là một
bản thân Lô xá na.
Một ngàn lần trăm ức
đức Thích ca như vậy
cùng tiếp dẫn đại chúng
số lượng như vi trần,
tất cả đều đưa đến
chỗ Như lai an tọa,
để nghe Như lai tụng
giới pháp của chư Phật.
Như lai tụng hoàn tất**

**giới pháp của chư Phật
là cửa ngõ Cam lộ
tức thì được khai mở.**

Các câu 21-28 là nói ngàn trăm ức đức Thích ca đưa đại chúng đến chỗ đức Lô xá na, hỏi để ngài nói phẩm Pháp môn tâm địa, lại nghe ngài tụng Bồ tát giới thành phần Giới pháp vô tận của phẩm Pháp môn tâm địa. Đối với tâm địa thì nói Phật nói, đối với giới pháp thì nói Phật tụng, chữ tụng ấy đưa Bồ tát giới Phạm võng lên tột đỉnh của sự quan trọng. Cửa ngõ Cam lộ là niết bàn: niết bàn là thần dược bất tử, nên cũng có tên Cam lộ.

Đoạn 2: Đức Thích Ca Bổn Sư Thuật Sự Tụng Lại Bồ Tát Giới Của Chư Phật Hóa Thân

**Bấy giờ ngàn trăm ức
đức Thích ca thể tôn
về lại bồ đề tràng
ngồi dưới bồ đề thọ,
cùng tụng lại giới pháp
của đức Phật bản thân,
gồm có mười giới nặng
và bốn tám giới nhẹ.
Giới pháp ấy in như
vàng thái dương sáng chói
ánh trắng rằm quang rạng
và chuỗi ngọc quý báu;
hết thảy các Bồ tát
nhiều như số vi trần,
đều do giới pháp này
mà thành Đẳng chánh giác.**

Tám câu cuối cùng là tán dương năng lực của Bồ tát giới: giới ấy thực hiện trí tuệ như nhật nguyệt và viên mãn phước đức như chuỗi ngọc, nên làm cho vi trần Bồ tát được thành Phật đà. Đó là lý do vì sao đức Phật bản thân đã tụng ra và chư Phật hóa thân còn tụng lại về Bồ tát giới. Đẳng chánh giác hay chánh biến tri, là tuệ giác của Phật chứng ngộ một cách như sở hữu tánh về bản thể và tận sở hữu tánh về hiện tượng.

Đoạn 3: Đức Thích Ca Bổn Sư Mở Đầu Để Tụng Lại Bồ Tát Giới Y Như Chư Phật Hóa Thân

Giới pháp đức bản thân

Lô xá na đã tụng,
Nhu lai cũng tụng lại
hoàn toàn y như vậy.
Nên tất cả các người -
Bồ tát mới tu học,
hãy hết lòng tôn kính
thọ trì giới pháp ấy.
Các người đã thọ trì
giới pháp như vậy rồi,
lại đem giới pháp ấy
chuyên trao cho chúng sinh.
Vậy tất cả các người
hãy chú ý lắng nghe
Nhu lai tụng chính xác
giới tạng trong Phật pháp.
Giới tạng ấy chính là
Ba la đề mộc xoa,
nên hết thấy đại chúng
chí tâm mà thâm tín;
thâm tín rằng chính mình
là đức Phật sẽ thành
y như Nhu lai đây
là đức Phật đã thành,
thường thâm tín như vậy,
giới pháp đã đầy đủ.
Bất cứ là loài nào
hễ vốn có tâm tánh,
thì đều nên lãnh thọ
giới pháp của chư Phật.
Chúng sinh mà lãnh thọ
giới pháp của chư Phật,
thì kẻ ấy tức thì
nhập vào cương vị Phật;
cương vị đã đồng thể
với chư Phật đại giác,
thì người ấy đích thực
là con của chư Phật.
Vậy tất cả đại chúng
cung kính mà lắng nghe,
Nhu lai sẽ tụng lại
giới pháp của chư Phật.

Đức Thích ca bốn sư mở đầu tụng lại Bồ tát giới với 4 cách. Một, khuyên Bồ tát tự mình thọ trì, lại truyền thọ cho chúng sinh. Bồ tát mới tu học là mới phát đại bồ đề tâm học tập làm Phật. Nói Bồ tát mới tu học không có nghĩa chỉ các vị Bồ tát này mới cần thọ trì và truyền thọ Bồ tát giới, mà là nói ngay như các vị này đã phải làm như vậy, hướng chi các vị trên nữa. Hai, nói muốn có giới pháp đại thừa thì phải có đức tin đại thừa. Đức tin ấy là tin mình sẽ làm Phật. Ba, vừa khuyên vừa nói yếu tố thọ trì giới pháp. Yếu tố ấy là có tâm tánh thì có thể và nên thọ trì. Tâm tánh là thể tánh của cả thân tâm và ngoại cảnh. Bốn, nói hiệu lực của giới pháp. Là chúng sinh, nhưng thọ Phật giới thì nhập Phật vị và được gọi là Phật tử. Cương vị Phật là Phật vị: cương vị của các đấng đại giác. Cương vị ấy kể từ khi mới phát đại bồ đề tâm cho đến lúc đã thành vô thượng bồ đề. Cắt nghĩa như vậy là nói về tiệm nhập (vào dần). Nhưng thật ra cũng có trường hợp đốn nhập (vào ngay). Văn khí chỗ này nói tuy có vẻ đốn nhập, nhưng nói để khuyến khích, chứ không phải chỉ đề cao và thừa nhận sự đốn nhập.

Đoạn 1: Qui Định Hiếu Là Giới

Bấy giờ đức Thích ca mâu ni ngồi dưới cây bồ đề, thành tựu tuệ giác vô thượng rồi, bắt đầu qui định về Bồ tát giới, rằng sự hiếu thuận đối với cha mẹ, đại sư, chư tăng, đối với Tam bảo - sự hiếu thuận phù hợp chánh pháp chí thượng, sự hiếu thuận ấy gọi là giới, cũng gọi là năng lực chế ngự đình chỉ mọi sự tội lỗi. Đức Thế tôn liền từ miệng vàng phóng ra ánh sáng vô lượng. Lúc ấy đại chúng có đến trăm vạn ức, các vị Bồ tát, các vị Phạm thiên trong mười tám tầng trời cõi Sắc, các vị thiên nhân trong sáu tầng trời cõi Dục, các vị quốc vương của mười sáu nước cường đại, đều chấp tay, khuyh tận tâm trí, lắng nghe đức Thế tôn tụng lại giới pháp đại thừa của hết thầy chư Phật.

Bấy giờ đức Thích ca mâu ni ngồi dưới cây bồ đề, thành tựu tuệ giác vô thượng rồi, bắt đầu qui định về Bồ tát giới, nói như vậy là nói tắt; rõ thì phải nói thị hiện thành đạo, tuần tự thuyết pháp 10 chỗ, rồi trở lại ngồi dưới bồ đề thọ, tụng lại Bồ tát giới, bằng cách trước hết qui định về giới ấy. Hiếu thuận đối với cha mẹ, đại sư, chư tăng, trong chữ cha mẹ gồm có chúng sinh, vì lẽ hiếu thuận ở đây là coi tất cả chúng sinh đều đã là sẽ là và đang là cha mẹ bà con của mình. Còn đại sư là 2 vị đại sư: đại sư hòa thượng (vị thầy truyền giới) và đại sư xà lê (vị thầy chỉ dạy cách nói và làm trong sự thọ giới). Không dịch đại sư hòa thượng và đại sư xà lê, chỉ dịch đại sư, là vì Bồ tát giới thì 1 vị mà làm 2 nhiệm vụ này (đến giới nhẹ 41 sẽ nói rõ hơn), nên nhiều chỗ chính văn sau đây hay nói là vị pháp sư (đặc biệt trong giới nhẹ 23). Hiếu thuận đối với cha mẹ, đại sư, chư tăng, đối với Tam bảo, sự hiếu thuận ấy căn bản phù hợp Phật pháp tối thượng. Sự hiếu thuận như vậy chính là giới pháp, có sức mạnh ngăn chặn và loại bỏ tội ác. Các pháp số 18 tầng trời cõi Sắc, 6 tầng trời cõi Dục, 16 nước cường đại, đều dễ tra cứu.

Sau hết, nên nói lại từ ngữ tuệ giác vô thượng. Từ ngữ ấy chính vẫn là vô thượng giác. Do chữ này của chính vẫn ở đây mà biết không phải ngài La thập chỉ dịch tất A nậu đa la tam miệu tam bồ đề là vô thượng đạo, mà cũng dịch tất là vô thượng giác. Chữ bồ đề, ngài cũng dịch là giác, chứ không phải chỉ dịch là đạo.

Đoạn 2: Qui Định Tất Cả Bồ Tát Vị Phải Tụng Bồ Tát Giới Phạm Võng

Đức Thế tôn dạy các vị Bồ tát, nay Như lai cứ nửa tháng nửa tháng đích thân tụng lại giới pháp của Phật pháp. Các người, những vị Bồ tát mới phát tâm cho đến những vị Bồ tát mười phát thú mười trưởng dưỡng mười kim cang và mười địa, cũng phải tụng y như vậy. Vì lý do ấy mà ánh sáng giới pháp từ miệng Như lai tuôn ra. Ánh sáng ấy có lý do chứ không phải không có. Nhưng ánh sáng ấy không phải xanh vàng đỏ trắng đen, không phải vật lý tâm lý, không phải khái niệm có không, không phải tính cách nhân quả; mà là bản nguyên của chư Phật, là căn bản của Bồ tát, căn bản của chính đại chúng Phật tử các người. Vì vậy, đại chúng Phật tử các người phải thọ trì, phải đọc tụng, phải khéo học.

Bồ tát vị, như đã nói, ngoài sơ phát tâm và thập tín trước đó, chính yếu gồm có thập trú (phát thú) thập hạnh (trưởng dưỡng) thập hướng (kim cang) và thập địa. Hoa nghiêm nói thập trú thập hạnh thập hướng và thập địa, còn Phạm võng nói 30 tâm và 10 địa, ý nghĩa thì đồng, chỉ danh từ có khác (Vạn 60/305B). Tất cả Bồ tát vị này đều phải bố tát tụng Bồ tát giới, vì giới ấy căn bản là thật tướng bát nhã (biểu thị bằng ánh sáng siêu việt của Phật).

Đoạn 3: Qui Định Điều Kiện Lãnh Thọ Bồ Tát Giới Phạm Võng

Phật tử, lắng nghe cho kỹ. Muốn lãnh thọ giới pháp của chư Phật thì không cứ quốc vương, vương tử, tể tướng, bách quan, tử kheo, tử kheo ni, phạm thiên mười tám tầng trời cõi Sắc, thiên nhân sáu tầng trời cõi Dục, tất cả dân chúng, những kẻ hoàng môn, dân nam dân nữ, nô bộc tỳ thiếp, quỷ thần trong tám bộ, thần Kim cang, súc sinh, cho đến những kẻ biến hóa, hễ ai hiểu được tiếng nói của vị pháp sư truyền giới, thì đều có thể thọ giới và được giới - đều có thể trở thành người thanh tịnh bậc nhất.

Điều kiện thọ Bồ tát giới chỉ là và phải hiểu rõ tiếng nói của vị thầy truyền giới. Chính văn trên đây kể ra khá nhiều kẻ mà đối với Tử kheo giới không được thọ, vậy mà những kẻ ấy được thọ Bồ tát giới, chứng tỏ giới pháp này cực kỳ bao dung và quảng đại. Tuy nhiên, những loài không có sắc thân như Vô sắc giới, hay những kẻ có sắc thân mà thân ấy đi đôi với tâm quá dữ, quá đàn, vô tín ngưỡng (như giới nhẹ 42 nói) thì cũng không

thọ được Bồ tát giới. Dầu vậy, việc thọ Bồ tát giới vẫn tương đối dễ dàng. Nhưng để thọ không có nghĩa Bồ tát giới không tôn, không nghiêm, không khó như Tỷ kheo giới; chỉ vì Tỷ kheo giới là bản thể Tăng bảo nên điều kiện thọ giới ấy phải tương đối khó hơn mà thôi.

Tiết 2: Nói Về Giới Điều Của Bồ Tát Giới Phạn Vỡng

I. Mục 1 : Nói Về 10 Giới Nặng Của Bồ Tát Giới Phạn Vỡng

A. Đoạn 1 : Mở Đầu Nói Về 10 Giới Nặng Của Bồ Tát Giới Phạn Vỡng

B. Đoạn 2 : Nói Về 10 Giới Nặng Của Bồ Tát Giới Phạn Vỡng

1. Số 1 : Không Được Tàn Sát
2. Số 2 : Không Được Trộm Cướp
3. Số 3 : Không Được Dâm Dục
4. Số 4 : Không Được Vọng Ngũ
5. Số 5 : Không Được Buôn Rượu
6. Số 6 : Không Được Nói Xấu Đồng Đạo
7. Số 7 : Không Được Khen Minh Chê Người
8. Số 8 : Không Được Tiếc Lẫn Tài Pháp
9. Số 9 : Không Được Giận Dữ Không Nguôi
10. Số 10 : Không Được Phi Báng Tam Bảo

C. Đoạn 3 : Kết Thúc Về 10 Giới Nặng Của Bồ Tát Giới Phạn Vỡng

II. Mục 2 : Nói Về 48 Giới Nhẹ Của Bồ Tát Giới Phạn Vỡng

A. Đoạn 1 : Mở Đầu Nói Về 48 Giới Nhẹ Của Bồ Tát Giới Phạn Vỡng

B. Đoạn 2 : Nói Về 48 Giới Nhẹ Của Bồ Tát Giới Phạn Vỡng

1. Số 1 : Không Được Bất Kính Thầy Bạn
2. Số 2 : Không Được Uống Các Thứ Rượu
3. Số 3 : Không Được Ăn Các Thứ Thịt
4. Số 4 : Không Được Ăn Đồ Cay Nồng
5. Số 5 : Không Được Không Khuyên Sám Hối
6. Số 6 : Không Được Không Cầu Chánh Pháp
7. Số 7 : Không Được Không Đi Nghe Pháp
8. Số 8 : Không Được Phản Đại Thừa Giới
9. Số 9 : Không Được Không Giúp Bệnh Tật
10. Số 10 : Không Được Tàng Trữ Khí Cụ
11. Số 11 : Không Được Làm Kẻ Quốc Tặc
12. Số 12 : Không Được Buôn Bán Tàn Nhẫn
13. Số 13 : Không Được Phi Báng Không Thật
14. Số 14 : Không Được Cố Ý Thiêu Đốt
15. Số 15 : Không Được Chỉ Dạy Sai Lệch
16. Số 16 : Không Được Nói Pháp Rối Loạn
17. Số 17 : Không Được Ỡ Thế Ham Cầu

18. Số 18 : Không Được Mù Mờ Làm Thầy
 19. Số 19 : Không Được Phi Báng Giữ Giới
 20. Số 20 : Không Được Không Cứu Phóng Sinh
 21. Số 21 : Không Được Giận Dữ Báo Thù
 22. Số 22 : Không Được Kiêu Ngạo Không Học
 23. Số 23 : Không Được Không Truyền Kinh Giới
 24. Số 24 : Không Được Học Các Sách Khác
 25. Số 25 : Không Được Lạm Dụng Gây Rối
 26. Số 26 : Không Được Không Đãi Khách Tăng
 27. Số 27 : Không Được Thọ Thỉnh Riêng Biệt
 28. Số 28 : Không Được Thỉnh Tăng Riêng Biệt
 29. Số 29 : Không Được Sống Bằng Tà Mạng
 30. Số 30 : Không Được Bất Kính Hảo Thời
 31. Số 31 : Không Được Không Cứu Không Chuộc
 32. Số 32 : Không Được Tồn Hại Chúng Sinh
 33. Số 33 : Không Được Tà Dâm Làm Quấy
 34. Số 34 : Không Được Rời Bỏ Đề Tâm
 35. Số 35 : Không Được Không Phát Đại Nguyện
 36. Số 36 : Không Được Không Phát Đại Thệ
 37. Số 37 : Không Được Mạo Hiểm Tai Nạn
 38. Số 38 : Không Được Ngồi Không Thứ Tự
 39. Số 39 : Không Được Không Làm Lợi Lạc
 40. Số 40 : Không Được Chọn Lựa Truyền Giới
 41. Số 41 : Không Được Vụ Lợi Làm Thầy
 42. Số 42 : Không Được Thuyết Giới Ác Nhân
 43. Số 43 : Không Được Cố Tâm Phạm Giới
 44. Số 44 : Không Được Không Trọng Kinh Luật
 45. Số 45 : Không Được Không Có Giáo Hóa
 46. Số 46 : Không Được Thuyết Không Đúng Phép
 47. Số 47 : Không Được Kèm Chế Phi Lý
 48. Số 48 : Không Được Phá Hoại Đạo Pháp
- C. Đoạn 3 : Kết Thúc Về 48 Giới Nhẹ Của Bồ Tát Giới Phạn Vỡng

Đoạn 1: Mở Đầu Nói Về Giới Nặng Của Bồ Tát Giới Phạn Vỡng

Đức Thế tôn dạy, các Phật tử, giới pháp nặng có mười điều. Nếu thọ Bồ tát giới mà không tụng mười giới pháp nặng ấy thì không phải Bồ tát, không phải hạt giống làm Phật. Vì chính Như lai cũng tụng như vậy, hết thọ Bồ tát thì đã học sẽ học và đang học. Và như vậy là Như lai đã vẫn tất nói đến tướng mạo Bồ tát giới. Các người phải học, kính cẩn mà phụng trì.

Như đã nói, nói 10 giới nặng là nói về Bồ tát giới. Vì lẽ 10 giới nặng là phần căn bản của Bồ tát giới, còn 48 giới nhẹ chỉ là phần đăng lưu của phần căn bản ấy. Tướng mạo Bồ tát giới là thọ giới ấy rồi thì phải nửa tháng 1 lần bố tát tụng giới ấy: hình thức của giới ấy, trước tiên, là điều này.

Số 1: Không Được Tàn Sát

Phật tử nếu tự mình tàn sát, bảo người tàn sát, tàn sát bằng phương tiện, bằng cách tán dương sự tàn sát, bằng sự tán đồng khi thấy kẻ khác tàn sát, cho đến tàn sát bằng chú thuật - tàn sát với nguyên nhân, trợ duyên, phương pháp và động tác của sự tàn sát; nhưng, đối với bất cứ loài nào, hễ có sinh mạng thì không được cố ý tàn sát. Là Bồ tát thì phải phát khởi lòng từ bi và lòng hiếu thuận thường trú, phương tiện cứu giúp và che chở cho hết thảy mọi loài sinh vật, vậy mà đảo ngược lại, mặc sức khoái ý mà tàn sát, thì đó là tội ba la di của Bồ tát.

Bảo người tàn sát, chữ bảo ở đây, và những chỗ khác sau đây, tùy trường hợp và địa vị người sử dụng mà có nghĩa là hạ lệnh, chỉ thị, sai khiến, khuyên bảo, xúi dục, xúc sử, bày vẽ, huấn luyện, gợi ý, nói khích ... Tàn sát bằng phương tiện, bằng cách tán dương sự tàn sát, Chính 24/1004 chép khác, theo đó thì phải dịch "tàn sát bằng cách dùng mọi phương tiện mà tán dương sự tàn sát". Nếu nói tàn sát bằng phương tiện, thì phương tiện ấy là mưu mô, khí giới, và những việc làm trước khi giết chết. Nếu nói dùng mọi phương tiện mà tán dương sự tàn sát, thì phương tiện ấy là mọi sách lược, thể thức, khen thưởng ... Tàn sát bằng sự tán đồng khi thấy kẻ khác tàn sát, sự tán đồng, chính văn là tùy hỷ, nghĩa đen là mừng theo, là sự thích thú thỏa mãn như chính mình làm. Tàn sát với nguyên nhân, trợ duyên, phương pháp và động tác của sự tàn sát, nguyên nhân của sự tàn sát là ý muốn tàn sát, trợ duyên của sự tàn sát là những yếu tố làm cho ý muốn tàn sát được liên tục, phương pháp của sự tàn sát là sự sử dụng các phương tiện, động tác của sự tàn sát là ý muốn tàn sát được thực hiện. Giải thích này làm mẫu để hiểu các giới sau. Hễ có sinh mạng là cơ thể tổ chức thế nào, hay trình độ tri thức ra sao đi nữa, hễ có sự sống mà giết chết sự sống ấy đi là tàn sát. Cố ý tàn sát là tàn sát một cách cố ý thức, không phải chỉ do bản năng, thác loạn, làm lẫn ... Lòng từ bi và lòng hiếu thuận thường trú, thường trú ở đây vừa có nghĩa bất biến vừa có nghĩa thường trực. Ba la di, ngài La thập dịch ý là đọa bất như ý xứ, ngài Huyền tráng dịch ý là tha thắng xứ, đều có nghĩa là sự bị thua, bị cái khác chiến thắng; cái khác ấy là tội ác, cái bị thua là giới thể.

Số 2: Không Được Trộm Cướp

Phật tử nếu tự mình trộm cướp, bảo người trộm cướp, trộm cướp bằng phương tiện, bằng chú thuật - trộm cướp với nguyên nhân, trợ duyên, phương pháp và động tác của sự trộm cướp; nhưng, cho đến tài vật quỷ thần, tài vật có chủ, tài vật đạo tặc, tài vật công cộng, dầu bằng cây kim ngọn cỏ mà thôi, cũng không được cố ý trộm cướp. Là Bồ tát thì phải phát sinh tâm hiếu thuận và tâm từ bi của Phật tánh,

thường xuyên giúp người làm phước đức và được yên vui, vậy mà đảo ngược lại, đã không làm như trên mà còn trộm cướp tài vật của người, thì đó là tội ba la di của Bồ tát.

Cho đến tài vật quý thần, tài vật có chủ, tài vật đạo tặc, tài vật công cộng, chính văn câu này có lắm cách giải thích; tôi dịch như vậy là theo ý Vạn 59/359B, ý này sát hơn cả. "Cho đến" là nói lược tài vật thuộc Tam bảo, tài vật của loài người, của các loài khác. Giúp người làm phước đức và được yên vui, như vậy trộm cướp là trộm cướp phước đức và yên vui của người.

Số 3: Không Được Dâm Dục

Phật tử nếu tự mình dâm dục, bảo người dâm dục ; nhưng, đối với bất cứ nữ nhân nào, cho đến giống cái trong súc vật, phái nữ trong chư thiên và quỷ thần, hoặc những chỗ không phải bộ phận sinh thực, đều không được cố ý dâm dục - dâm dục với nguyên nhân, trợ duyên, phương pháp và động tác của sự dâm dục. Là Bồ tát thì phải sinh tâm hiếu thuận, cứu độ tất cả, bằng cách đem pháp thanh tịnh mà cho người, vậy mà đảo ngược lại, đã không làm như trên mà còn nổi dậy sự dâm dục đối với mọi người, không chừa cả súc vật, đến nỗi đối với mẹ, con gái, chị, em gái, bà con nội ngoại, cũng hành dâm cả, không còn gì gọi là lòng từ bi, thì đó là tội ba la di của Bồ tát.

Chính văn này lấy người nam làm điển hình mà nói, nên đối tượng dâm dục là nữ, như vậy nói người nữ thì đối tượng phải đổi ra nam cả. Lại nữa, vấn đề phải nêu lên trước, ấy là giới này đối với người xuất gia thọ Bồ tát giới thì đúng - Đối với người xuất gia, nói tổng quát, tất cả động tác gây nhục cảm và nhục dục đều cấm chỉ. Nhưng đối với người tại gia thọ Bồ tát giới, thì giới này cũng không nói chỉ cấm tà dâm. Như vậy, đối với họ, chỉ còn đem ngũ giới ra mà nói họ chỉ bị cấm chỉ tà dâm, và ở Bồ tát giới thì họ nên mong ước và cố mà đi đến sự cấm chỉ dâm dục. Trong sự cấm chỉ tà dâm, dâm với người khác đã đành cấm chỉ, và không cần phải nói đến. Điều phải nói đến, là đối với bản thân và đối với vợ chồng, cũng có những sự cấm chỉ nghiêm ngặt. Đối với bản thân mà ý dâm, thủ dâm, cho dâm, thì không những là tà dâm mà còn chính là dâm dục. Đối với vợ chồng mà dâm dục không phải bộ phận (là ngoài bộ phận sinh thực) không phải nơi chỗ (là ngoài phòng ngủ) không phải thì gian (là những ngày đáng kính, nên làm phước, những lúc trai giới, bị bệnh, có thai ...) không phải chừng mực (là ham dâm) đều là tà dâm cả. Luyến ái và dâm dục với 5 loại bất nam, hay đồng tính luyến ái, lại càng bị coi là tà dâm và dâm dục nặng nề.

Không phải bộ phận sinh thực , chính văn là phi đạo (không phải đường tiểu), nhưng dịch đúng hơn nữa là phi chi (không phải bộ phận sinh thực). Pháp thanh tịnh là phạn hạnh, trái lại, dâm dục là phi phạn hạnh, và danh từ này mới thật là điển ngữ của sự dâm dục. Nổi dậy sự dâm dục đối với mọi người , nếu sát chính văn hơn, và nếu đối chiếu với

chính văn các giới thứ 4 và thứ 5 sau đây mà dịch, thì phải là "làm nổi dậy sự dâm dục nơi mọi người": đã không cho mọi người pháp thanh tịnh mà lại làm cho mọi người nổi thói ô nhiễm. Như vậy, làm nổi dậy sự dâm dục nơi mọi người là không những làm những cách khiêu dâm khác, mà trước hết là đem ngay thói dâm dục của mình kích động thói ấy nơi mọi người, bất kể người đó là người nào, loài nào. Mọi cách khiêu dâm khác là tình ca, tình sử, nhạc loạn, tranh ảnh, hóa chất, dược phẩm ...

Số 4: Không Được Vọng Ngữ

Phật tử nếu tự mình vọng ngữ, bảo người vọng ngữ, vọng ngữ bằng phương tiện - vọng ngữ với nguyên nhân, trợ duyên, phương pháp và động tác của sự vọng ngữ, cho đến không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, vọng ngữ cả thân thể lẫn tâm trí; nhưng Bồ tát thì phải thường tự phát sinh ngôn ngữ chân chính và kiến thức chân chính, lại phát sinh cho người hai thứ ngôn ngữ chân chính và kiến thức chân chính ấy, vậy mà đảo ngược lại, đã không làm như trên mà còn làm nổi dậy nơi mọi người những thứ ngôn ngữ bất chính, kiến thức bất chính và hành động bất chính, thì đó là tội ba la di của Bồ tát.

Vọng ngữ ở đây bao gồm cả 4 khẩu nghiệp là vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu. Lại bao gồm những ngôn ngữ bất chính, là trong mọi sự thấy nghe hay biết của 6 giác quan, có nói không, không nói có. Không thấy nói thấy, thấy nói không thấy là nói 1 sự thấy để làm tiêu biểu; đủ và tất thì phải nói không thấy nghe hay biết mà nói có, có thấy nghe hay biết mà nói không. Ngoài ra, vọng ngữ ở đây còn bao gồm cả sự đại vọng ngữ là dối trá rằng mình hiện đã tu chứng. Cái nhân gây vọng ngữ (ngôn ngữ bất chính) là kiến thức bất chính, cái quả vọng ngữ là hành động bất chính, và mình vọng ngữ chính là một trong những nguyên nhân mạnh nhất tạo ra 3 thứ bất chính ấy nơi kẻ khác. Vọng ngữ cả thân thể lẫn tâm trí là từ ý nghĩ cho đến cử động không có gì thành thực cả.

Số 5: Không Được Buôn Rượu

Phật tử nếu tự mình buôn rượu, bảo người buôn rượu - buôn rượu với nguyên nhân, trợ duyên, phương pháp và động tác của sự buôn rượu; nhưng hết thấy loại rượu đều không được mua bán, vì lẽ rượu là yếu tố gây ra mọi thứ tội lỗi. Là Bồ tát thì phải phát sinh cho chúng sinh cái tuệ minh đạt, vậy mà đảo ngược lại, đã không làm như trên mà còn phát sinh cho người cái tâm thác loạn, thì đó là tội ba la di của Bồ tát.

Buôn rượu , chính văn là cô tửu, cô nghĩa là mua bán.

Số 6: Không Được Nói Xấu Đồng Đạo

Phật tử nếu tự mình nói xấu những sự lầm lỗi của những người xuất gia tại gia thọ Bồ tát giới, hay của các vị tỷ kheo tỷ kheo ni, lại bảo người khác nói xấu - nói xấu với nguyên nhân, trợ duyên, phương pháp và động tác của sự nói xấu; nhưng Bồ tát nghe những kẻ ác tâm trong hàng ngũ ngoại đạo và nhị thừa công kích sự phi giáo pháp và phi giới luật trong tổ chức Phật giáo, thì thường sinh tâm từ bi, giáo hóa những kẻ ác tâm ấy, làm cho họ có được đức tin đại thừa, vậy mà đảo ngược lại, đã không làm như trên mà còn tự mình nói xấu những sự lầm lỗi của trong tổ chức Phật giáo, thì đó là tội ba la di của Bồ tát.

Nói xấu là huyền truyền, tổ giác. Nói không đúng là giới vọng ngữ, không phải giới này. Giới này nói có phần đúng sự thực, nhưng sự thực ấy chỉ được cử tội đúng luật, chứ không được nói với cách nói xuyên tạc, bừa bãi, nói với dụng ý triệt hạ cá nhân, gây hậu quả tổn thương đạo pháp. Nói như vậy không phải là cử tội đúng luật. Cử tội đúng luật là nếu mình thấy, nghe hay nghi đồng đạo có lỗi, thì phải nghiêm chỉnh nói ra, nhắm mục đích bảo tồn giới đức cho đồng đạo và bảo trì mạng sống của đạo pháp. Nhưng, nói ra với hảo ý như vậy mà nói ở chỗ nào, nói với người nào, nói bằng cách nào, nói vào lúc nào, nhất nhất phải đúng luật. Không nói ra thì phạm giới nhẹ thứ 5, mà nói không đúng luật thì phạm tội nói xấu này.

Tiểu thừa công kích đại thừa, ngoại đạo công kích cả hai, sự công kích ấy đều vì bất đồng lý thuyết, vì tranh thủ danh lợi, hay vì bất mãn cá nhân, cũng tan biến cả khi có đức tin đại thừa, tin rằng mình sẽ làm Phật, nhất là khi đức tin ấy được giúp cho phát sinh bởi lòng từ bi chân thành.

Số 7: Không Được Khen Minh Chê Người

Phật tử nếu tự tán dương mình mà phỉ báng người khác, lại bảo kẻ khác phỉ báng - phỉ báng với nguyên nhân, trợ duyên, phương pháp và động tác của sự phỉ báng; nhưng Bồ tát thì phải thay thế hết thấy chúng sinh mà chịu lấy bao nhiêu sự phỉ báng và tủ nhục, việc xấu thì xoay về nơi mình, việc tốt thì đưa cho người khác, vậy mà đảo ngược lại, tự khoe cái hay của mình, giấu cái tốt của người, làm cho họ phải chịu mọi sự phỉ báng, thì đó là tội ba la di của Bồ tát.

Tồn đức và giết chết chí tiến thủ của người nhất chính là sự phỉ báng. Không có cái đức nào hơn cái đức chịu nhục cho người, không có sự nâng đỡ nào hơn sự tán dương ưu điểm của họ.

Số 8: Không Được Tiếc Lẫn Tài Pháp

Phật tử nếu tự mình tiếc lẫn, bảo người tiếc lẫn - tiếc lẫn với nguyên nhân, trợ duyên, phương pháp và động tác của sự tiếc lẫn; nhưng Bồ tát thì bất cứ người nghèo thiếu nào đến cầu xin, cũng phải tùy nhu cầu của họ mà cung cấp những thứ

mình có, vậy mà đảo ngược lại, vì tâm địa không tốt, tâm lý hờn giận, nên đến nổi một đồng tiền, một cây kim, một ngọn cỏ, cũng không cho ai; có ai đến cầu xin Phật pháp, đã không nói cho họ được một câu đủ nghĩa, một bài chỉnh cú, một chút bằng hạt bụi, lại còn nhục mạ họ nữa, thì đó là tội ba la di của Bồ tát.

"Không được tiếc lẫn tài pháp" là răn sự tiếc lẫn tài vật và tiếc lẫn Phật pháp mà còn nhục mạ những người cầu xin. Làm mất giống Phật là do sự tiếc lẫn Phật pháp, làm dứt thiện duyên đối với chúng sinh là do sự tiếc lẫn tài vật. Một câu đủ nghĩa, chỉnh văn là nhất cú, là 1 câu có nghĩa, đủ nghĩa, như câu ai cũng có Phật tánh. Một bài chỉnh cú, chỉnh văn là nhất kệ, chỉ cho bất cứ 1 bài 4 câu nào trong thể loại chỉnh cú của các kinh, lại chỉ cho bất cứ 4 câu 8 chữ (thành 32 chữ) nào liên tiếp với nhau, thuộc mọi thể loại trong các kinh. Một chút như hạt bụi là nói mà không đủ 1 câu hay 1 bài như trên, hoặc chỉ lộ 1 ý niệm hay phác 1 cử chỉ tốt đẹp, ý nghĩa.

Số 9: Không Được Giận Dữ Không Nguôi

Phật tử nếu tự mình giận dữ, bảo người giận dữ - giận dữ với nguyên nhân, trợ duyên, phương pháp và động tác của sự giận dữ; nhưng Bồ tát thì phải phát sinh cho người mọi thứ thiện căn, nhất là đức tính hòa bình, thường phát sinh nơi mình tâm từ bi và tâm hiếu thuận, vậy mà đảo ngược lại, đã không làm như trên mà, đối với chúng sinh, thậm chí đối với phi chúng sinh, còn nhục mạ bằng miệng tiếng độc dữ, da thêm sự đánh đập bằng tay chân và khí cụ, lòng vẫn chưa nguôi, người ta cầu xin sám hối, tạ tội bằng ngôn ngữ khả ái, cũng vẫn giận dữ không thôi, thì đó là tội ba la di của Bồ tát.

"Không được giận dữ không nguôi", rõ thì phải thêm không cho sám hối. Đức tính hòa bình, chỉnh văn là vô tranh cãi, đấu đá. Phi chúng sinh là cảnh vật, là người và vật do biến hóa hay ảo thuật mà có, là các vị đã giải thoát. Đánh đập bằng tay chân và khí cụ, dịch sát là đánh đập bằng tay, bằng dao, gậy, nói tóm là sự hành hung.

Số 10: Không Được Phỉ Báng Tam Bảo

Phật tử nếu tự mình phỉ báng Tam bảo, bảo người phỉ báng - phỉ báng với nguyên nhân, trợ duyên, phương pháp và động tác của sự phỉ báng; nhưng Bồ tát nghe cái tiếng của những kẻ ngoại đạo hay những người ác tâm buông một lời phỉ báng đến Phật thì đã thấy như tim mình bị ba trăm mũi nhọn đâm vào, hướng chỉ chính miệng mình phỉ báng; đã không phát sinh sự tín ngưỡng và lòng hiếu thuận cho mọi người mà còn đảo ngược lại, giúp thêm vào sự phỉ báng của những kẻ ác tâm, những người tà kiến, thì đó là tội ba la di của Bồ tát.

Phật tử mà phỉ báng Tam bảo là hết lẽ rồi, nhất là sự phỉ báng bằng cách qui y Tam bảo rồi lại theo phe phái hay thủ lĩnh khác. Vậy mà việc này vẫn thấy xảy ra, không

những nơi tín đồ mà nơi tăng sĩ cũng có, và lỗi không phải chỉ ở đệ tử, mà ở chính vị bổn sư thiếu kiến thức, thiếu giáo huấn, thiếu cả gương mẫu.

Đoạn 3: Kết Thúc Về 10 Giới Nặng Của Bồ Tát Giới Phạm Võng

Các nhân giả khéo học, như thế đó là mười giới pháp nặng của Bồ tát, các nhân giả phải học. Trong đó nhất nhất không được phạm vào bằng một hạt bụi, huống chi phạm đủ cả mười giới pháp. Ai phạm thì người đó thân hiện tại không thể phát bồ đề tâm, phẩm vị quốc vương và luân vương đã mất, lại mất phẩm vị tỷ kheo tỷ kheo ni, mất các Bồ tát vị mười phát thú mười trưởng dưỡng mười kim cang và mười địa, bao nhiêu thành quả vi diệu và thường trú của Phật tánh cũng mất tất cả, sa vào ba đường dữ, đến nỗi hai kiếp ba kiếp không nghe được cái tiếng Cha Mẹ hay danh hiệu Phật Pháp Tăng. Vì lẽ ấy, nhất nhất không nên phạm. Bồ tát các người đang học bây giờ, sẽ học về sau, đã học trong quá khứ, đối với mười giới pháp nặng như vậy phải cung kính phụng trì, như Như lai sẽ nói rộng rãi trong phẩm Tám vạn uy nghi.

Đây là kết thúc 10 giới nặng, tức là kết thúc Bồ tát giới phần căn bản. Kinh Anh lạc nói, phạm 10 giới này thì 10 trú, 10 hạnh, 10 hướng và 10 địa đều mất cả. Nên 10 giới này là căn bản của hết thầy Phật đà, Bồ tát. Hết thầy Phật đà, Bồ tát không do 10 giới này mà thu hoạch đạo quả hiện thánh là điều không thể có được. Mười giới này ở sơ trú rồi lần lên 9 trú thì dần dần rộng thêm ra, cho đến lần lên 10 hạnh, 10 hướng và 10 địa thì dần dần rộng thêm ra nữa cho đến trên cả tầm nghĩ bàn (Chính 24/1012). Rộng thêm ra là đẳng lưu ra, thành phần đẳng lưu của Bồ tát giới. Như vậy phần ấy, ở đây, nói 48 giới nhẹ chỉ là rộng thêm ra ở địa vị phạm phu mà thôi.

Chính văn nói mất phẩm vị quốc vương luân vương và phẩm vị tỷ kheo tỷ kheo ni, là nói phạm 10 giới nặng thì không còn tư cách để đảm nhận những nghĩa vụ cầm quyền hay làm người xuất gia. Không nghe được cái tiếng Cha Mẹ hay danh hiệu Phật Pháp Tăng: cái tiếng kêu gọi cảm tình cuối cùng là tiếng Cha hay tiếng Mẹ, cái tiếng kêu gọi lòng hướng thiện nhất là các tiếng Phật Pháp Tăng. Quả báo mà đến 2 hay 3 kiếp không được nghe các tiếng như vậy mới nặng đến tội bực. Khổ nhiều chưa nặng; cái yếu tố kêu gọi cảm tình tốt đẹp và lòng hướng thiện mà mất đi, đến nỗi những danh từ cuối cùng của các tác dụng ấy cũng không còn được nghe đến, ấy mới thật quá vô phước. Qui định "hiếu là giới", rồi nói quả báo cực nặng của sự phạm giới là không được nghe đến các tiếng Cha mẹ, lại đưa các tiếng ấy lên ngang danh hiệu Phật pháp tăng, điều này quả thật là đặc thù của Bồ tát giới Phạm võng.

Đoạn 1: Mở Đầu Nói Về 48 Giới Nhẹ Của Bồ Tát Giới Phạm Võng

Đức Thế tôn dạy các vị Bồ tát, Như lai đã nói mười giới pháp nặng rồi, bốn mươi tám giới pháp nhẹ bây giờ Như lai sẽ nói.

Đã nói 10 giới nặng là nói phần căn bản của Bồ tát giới Phạn vãng rồi, bây giờ nói 48 giới nhẹ là nói phần đăng lưu của phần căn bản ấy. Nói bằng cách chia ra 3 lần 10 và 2 lần 9, chỉ để dễ nhớ mà thôi.

Số 1: Không Được Bất Kính Thầy Bạn

Phật tử nếu sắp nhận địa vị quốc vương, địa vị luân vương, địa vị bách quan, thì trước đó phải lãnh thọ Bồ tát giới. Những người như vậy sẽ được quý thần hộ trì, được chư Phật hoan hỷ. Lãnh thọ Bồ tát giới rồi, phải sinh tâm hiếu thuận và tâm tôn kính; khi thấy các vị thượng tọa, hòa thượng, xà lê, các vị đại đức, thấy các người cùng một sở học, cùng một kiến giải, cùng một sở hành, thì hãy đứng lên, đón tiếp, thi lễ, hỏi han. Là Bồ tát mà đảo ngược lại, sinh tâm kiêu ngạo, tâm khinh lờn, tâm ngoan cố, tâm giận dữ, không chịu đứng lên, đón tiếp, thi lễ, hỏi han, mọi sự nhu cầu cũng không cung phụng đúng với chánh pháp; trong khi lễ đáng nên hy sinh cả bản thân, địa vị, con cái, của báu và tài vật linh tinh mà hiến cúng các ngài. Nếu không làm như vậy thì phạm tội khinh cầu.

Trước khi đảm nhận địa vị cầm quyền mà phải thọ giới là vì địa vị cầm quyền dễ phạm tội ác. Địa vị ấy càng cao thì tội ác càng dễ có và có nhiều, nên phải thọ giới để răn mình cho xã hội và dân chúng khỏi tai họa. Trong những sự răn mình ấy có sự lễ độ.

Trong khi lễ đáng nên hy sinh cả bản thân, địa vị, con cái, của báu và tài sản linh tinh mà hiến cúng các ngài, câu này nên chú ý 3 điều. Một, câu này tôi chuyển văn mà dịch cho rõ như vậy. Dịch sát là "tự bán thân thể, quốc thành, con trai, con gái, 7 thứ quý báu, trăm vật, mà cung cấp các ngài". Hai, ý câu này là nói lễ đáng như vậy, chứ không phải sự việc phải đến như vậy. Sau này, những cách nói như vậy, hay tương tự như vậy, thì cũng phải hiểu như vậy. Ba, tự bán là hy sinh. Hy sinh bản thân là đem tư tưởng và sức lực của mình mà hiến cúng. Hy sinh địa vị, chính văn là quốc thành, là vương quốc và hoàng thành, nhưng ý chính là hy sinh địa vị vua chúa quan quyền đối với quốc thành, chứ không phải hy sinh quốc thành. Ở đây chỉ có nghĩa nếu phải hy sinh địa vị mới hiến cúng được thì cũng không từ nan. Sự hy sinh con cái cũng chỉ có nghĩa như vậy. Nhưng sự hiến cúng phải đúng chánh pháp. Một trong sự đúng chánh pháp ấy là chỉ hiến cúng những thứ và những số lượng theo nhu cầu đúng chánh pháp.

Số 2: Không Được Uống Các Thứ Rượu

Phật tử nếu cố ý uống rượu, mà rượu thì dẫn ra vô số làm lỗi; tự tay mình trao rượu cho người khác uống mà năm trăm đời kiếp cánh tay không có, hưởng chi chính mình tự uống. Cũng không được chỉ bảo cho mọi người uống rượu hay luyện tập cho các sinh vật khác uống, hưởng chi chính mình uống lấy. Nên bất cứ rượu gì cũng không được uống. Nếu cố ý tự uống hay bảo người khác uống thì phạm tội khinh cầu.

Đưa rượu cho người khác uống, quá hơn nữa, chỉ cách cho người khác uống, luyện tập cho sinh vật uống, thì tội còn nặng hơn chính mình tự uống lấy.

Số 3: Không Được Ăn Các Thứ Thịt

Phật tử nếu cố ý ăn thịt, nhưng thịt nào cũng không được ăn. Ăn thịt thì hồng mắt hạt giống Phật tánh vốn rất từ bi, mọi loài sinh vật thấy thì bỏ chạy. Vì lý do ấy, tất cả Bồ tát không được ăn dùng bất cứ thứ thịt gì của sinh vật nào. Ăn thịt thì tội lỗi vô lượng. Nếu cố ý ăn thì phạm tội khinh cầu.

Không được ăn thịt là vì ăn thịt thì mắt giống Phật tánh từ bi và chúng sinh kinh sợ, ác cảm. Tất cả Bồ tát không được ăn dùng bất cứ thứ gì của sinh vật nào thì không còn phân biệt tại gia xuất gia, không còn nói đến không thấy không nghe không nghĩ.

Số 4: Không Được Ăn Đồ Cay Nồng

Phật tử thì không được ăn năm loại cay nồng là tỏi, kiệu, hành, nén, hẹ. Năm loại ấy, trong bất cứ thức ăn nào cũng không được ăn. Nếu cố ý ăn thì phạm tội khinh cầu.

Đồ cay nồng là 5 thứ thường gọi là ngũ vị tân. Ăn 5 thứ này thì tụng kinh trì chú không linh nghiệm mà còn tai họa. Nhưng 5 thứ này có lắm giải thích, và rốt cuộc có người cho là tế toái, không đáng bàn kỵ Giải thích thì có 2 ý kiến đáng ghi. Một, trong 5 thứ, thứ hung cù ở Tàu không có, còn 4 thứ kia là tỏi, hành, hẹ, nén. Hai, 5 thứ là tỏi, kiệu, hành, nén và hẹ. Xét cách dùng chữ của ngài La thập thì ngoài thứ đầu là đại toán (tỏi) và thứ cuối là hung cù (?), 3 thứ giữa toàn là thông: các thông, từ thông, lan thông. Thông là hành, và như vậy thì tất cả loại hành, và cùng loại với hành, đều cấm dùng. Hung cù có hay không có ở Tàu, không quan trọng, quan trọng là trong 5 thứ tất phải có kiệu như giải thích thứ hai đã kể. Kiệu không những cay nồng, mà còn tệ là sinh đằm chứ không có giá trị dược liệu. Dịch tỏi, kiệu, hành, nén và hẹ, là theo ý kiến Vạn 59/207B.

Số 5: Không Được Không Khuyên Sám Hối

Phật tử nếu thấy ai phạm tám giới, năm giới, mười giới, các giới khác, bảy tội nghịch, và những tội ác bị tám tai nạn, thấy tất cả tội phạm giới như vậy đều phải khuyên và chỉ cho họ cách thức sám hối. Là Bồ tát mà không khuyên và chỉ cho họ cách thức sám hối, lại cùng họ cư trú, cùng họ nhận đồ hiến cúng, cùng họ bố tát và đồng chúng thuyết giới mà không cử tội để khuyên và chỉ cách cho họ sám hối, thì phạm tội khinh cầu.

Sám hối, nguyên nghĩa là xin sự chịu đựng, sự tha thứ ở người mình phạm lỗi, diễn thành nghĩa tự ghét việc mình làm, nghĩa ăn năn chừa bỏ. Sám hối có cách thức mà luật

đã ấn định. Nếu thấy ai phạm giới, đã không khuyên và chỉ cách sám hối, lại còn ở chung, hưởng chung đồ hiến cúng, chung nhau bồ tát mà không cử tội, thì đó là nguyên nhân làm bại hoại Tam bảo. Nhưng cử tội phải đúng luật, nếu không thì phạm giới nặng thứ 6.

Số 6: Không Được Không Cầu Chánh Pháp

Phật tử nếu thấy các vị pháp sư đại thừa, các vị cùng học cùng hiểu và cùng làm về đại thừa, đến tăng phường, đến nhà cửa, thành thị, thôn ấp của mình, và dẫu ở xa cách trăm dặm ngàn dặm mà đến đi nữa, cũng tức thì đứng lên, đón rước, tiễn đưa, kính lạy, hiến cúng. Mỗi ngày hiến cúng ba lần, và giả sử tốn đến vài ba lạng vàng đi nữa, hết thấy đồ uống đồ ăn, đồ nằm, đồ ngồi, đồ mặc, thầy thuốc, thuốc, đều cung đốn cho vị pháp sư. Mọi sự nhu cầu của vị ấy cung phụng đủ cả. Mỗi ngày ba lần, phải thường thỉnh cầu vị pháp sư thuyết pháp cho. Mỗi ngày kính lạy ba lần mà vẫn không nổi dậy trong lòng sự giận dữ, phiền bức. Vì pháp mà mất mạng đi nữa cũng vẫn cầu pháp không chán. Nếu không như vậy thì phạm tội khinh cầu.

"Không được không cầu chánh pháp", có người thêm không cúng pháp sư, nhưng xét cốt ý và kết thúc thì thấy giới này cốt răn sự không thỉnh cầu chánh pháp. Trong chính văn nói sự hiến cúng vị pháp sư, chỉ là nói giả sử, không phải nói thật sự hay nói bắt buộc. Tinh thần giới này là "vì pháp mà mất mạng" cũng không từ, huống chi từ chối vì mệt nhọc và hao tổn. Tinh thần như vậy là tinh tiến mà cầu pháp. Nhưng đó là nói người hiến cúng và cầu pháp, còn vị pháp sư thì thế nào? Pháp sư ở đây là pháp sư đại thừa. Pháp sư đại thừa ở đây, xét ra, là chỉ cho vị có thể làm 2 nhiệm vụ hòa thượng và giáo thọ trong việc truyền thọ Bồ tát giới. Vị pháp sư đại thừa này phải có tư cách đúng với Bồ tát giới, nhất là các giới 15, 16, 17, 18, 23, 30, 40 và 41 sau đây, liên quan đến tư cách ấy. Nói tối thiểu, vị pháp sư đại thừa cũng phải biết tinh tiến chỉ dạy chánh pháp và biết thiếu dục tri túc. Nhác, xa hoa, hoặc làm khó trong việc chỉ dạy chánh pháp, thì không còn là pháp sư, huống chi là pháp sư đại thừa, pháp sư đáng hiến cúng.

Tăng phường: khu vực cư trú của chư Tăng, nói hẹp lại thì Tăng phường là Tăng xá, tự viện.

Số 7: Không Được Không Đi Nghe Pháp

Phật tử thì bất cứ chỗ nào có diễn giảng kinh luật nói về giới pháp, chỗ ấy dẫu là nhà to cửa lớn mà có đặt chỗ diễn giảng, các vị Bồ tát mới học cũng phải đem kinh luật đến mà lắng nghe, tiếp nhận và thưa hỏi nơi vị pháp sư. Trong núi rừng, dưới đại thọ, nơi tăng địa, trong tăng phường, bất cứ chỗ nào có giảng thuyết giới pháp thì càng đến để lắng nghe, tiếp nhận. Nếu không đến thì phạm tội khinh cầu.

Nhà to cửa lớn là nhà cửa giàu sang của thế gian. Kinh luật nói về giới pháp, chính yếu là Bồ tát giới Phạm võng. Không có chỗ nào diễn giảng giới pháp đại thừa thì phải vận động tổ chức cho có, hưởng chi có chỗ như vậy mà không đến để nghe, học.

Câu "kinh luật nói về giới pháp" có bản chép hơi khác, theo đó thì phải dịch kinh luật nói về giáo pháp và giới luật. Câu "chỗ nào giảng thuyết giới pháp" cũng phải dịch theo, rằng chỗ nào giảng thuyết giáo pháp và giới luật. Nhưng tôi chọn cách chép như đã dịch, vì rõ ràng ở đây kinh luật là kinh mà nội dung nói về luật.

Số 8: Không Được Phán Đại Thừa Giới

Phật tử nếu tư tưởng phản bội kinh luật thường trú của đại thừa, cho rằng kinh luật ấy không do Như lai tuyên thuyết, và đảo ngược lại, thọ trì những kinh luật của nhị thừa thanh văn và ngoại đạo ác kiến mà nội dung gồm có giới pháp và lý thuyết phủ nhận Phật tánh, thì phạm tội khinh cầu.

Kinh luật thường trú của đại thừa là Bồ tát giới Phạm võng mà bản nguyên là Phật tánh thường trú, nên gọi là kinh luật thường trú. Nhị thừa thanh văn, ở đây thanh văn là cỗ xe cấp hai, thứ yếu, nên gọi là nhị thừa thanh văn, chứ không phải như ở chỗ khác nhị thừa là Duyên giác và Thanh văn.

Không phản bội giới pháp đại thừa bằng cách thọ trì cấm giới và sách vở của ngoại đạo thì điều ấy khỏi phải nói đến. Điều phải nói đến là giới này bảo thọ trì cấm giới của thanh văn cũng là phản bội đại thừa giới. Cách nói này phải quyết trạch. Giới pháp thanh văn là Tỷ kheo giới. Giới pháp ấy là bản thể của Tăng bảo. Như vậy không thọ Tỷ kheo giới thì quyết định không phải là Tăng. Nhưng thọ Tỷ kheo giới mà cố chấp giới ấy mới là Phật chế và bài xích Bồ tát giới thì đó là điều mà giới thứ 8 này gọi là phản bội và cấm chỉ. Trái lại, thọ Tỷ kheo giới và thọ Bồ tát giới để thành Tỷ kheo bồ tát tăng, thì đó là điển hình mà Bồ tát giới Phạm võng cố tạo ra. Và đó là nói hàng xuất gia. Hàng tại gia mà thọ Bồ tát giới thì đối với tam qui ngũ giới cũng phải hiểu như vậy. Không thọ tam qui ngũ giới thì nhất định không phải Phật tử tại gia. Không có cái vụ thọ Bồ tát giới mà không thọ tam qui ngũ giới. Thọ tam qui ngũ giới mà thọ Bồ tát giới thì đó là Tại gia bồ tát mà Bồ tát giới Phạm võng cố tác thành.

Số 9: Không Được Không Giúp Bệnh Tật

Phật tử nếu thấy bất cứ người bệnh tật nào cũng phải giúp đỡ thường xuyên y như phụng sự Phật đà. Bởi lẽ trong tám đám ruộng sinh trưởng phước đức, sự chăm sóc bệnh tật là đám ruộng tốt nhất. Nếu cha mẹ, đại sư, chư tăng, hay đệ tử bị bệnh tật, bị thiếu các bộ phận nơi cơ thể, bị hàng trăm thứ bệnh dày vò, thì mình phải chăm nuôi cho lành mạnh. Là Bồ tát mà vì tâm lý tàn nhẫn, tâm lý giận ghét, nên không chăm sóc bệnh tật cho người, đến nỗi nơi tăng phường, nơi thành thị,

thôn ấp, nơi hoang dã, núi rừng, nơi đường sá, thấy bệnh nhân cũng không cứu giúp thì phạm tội khinh cầu.

Nỗi khổ con người không chi phiền hơn bệnh tật, nên sự chăm sóc bệnh tật được giới này đưa lên ngang với sự phụng sự Phật. Thấy bệnh mà bỏ đi, nhất là đối với những người mình có bốn phận mà bệnh tật không chăm sóc cho lành mạnh, thì tâm địa tàn nhẫn đó còn chi gọi là người, huống chi gọi là người thọ Bồ tát giới.

Số 10: Không Được Tàng Trữ Khí Cự

Phật tử thì không được tàng trữ dao, gậy, cung, tên, giáo, búa, và những khí giới chiến đấu khác. Bao nhiêu dụng cụ để bẫy lưới săn bắt, sát hại sinh vật, cũng không được tàng trữ. Là Bồ tát thì đến nỗi kẻ giết cha mẹ mình, mình cũng không giết lại để báo thù, huống chi đối với người khác và vật khác. Nên không được tàng trữ khí giới và dụng cụ tàn sát. Nếu cố ý tàng trữ thì phạm tội khinh cầu.

Chữ tàng trữ, ngoài sự sắm cất còn có sự buôn bán. Tàng trữ khí giới chiến tranh và dụng cụ tàn sát, thì không những phạm tội sát sinh mà còn chính mình làm cho kẻ khác phạm vào tội ác này.

Sự trả thù không có giá trị đình chỉ tội ác. Nên phải thay vì sự trả thù bằng sự cảm hóa. Đó là giải thích vì sao không giết lại kẻ đã giết cha mẹ mình; chứ không phải không giết lại kẻ ấy là vì vô tình đối với cha mẹ.

Mười giới pháp nhẹ như vậy các người phải học, phải cung kính phụng trì, như trong sáu phẩm sau Như lai sẽ nói rõ.

Kết thúc 10 giới nhẹ thứ nhất. Sáu phẩm sau, có bản chép khác, theo đó thì phải dịch phẩm Sáu ba la mật sau đây.

Số 11: Không Được Làm Kẻ Quốc Tặc

Phật tử thì không được vì lợi lộc hay vì ác ý, làm sứ thần cho quốc gia mà liên minh quân sự, động binh đánh nhau, tàn hại vô số sinh mạng. Là Bồ tát thì sự qua lại trong quân binh còn không được có, huống chi cố ý làm tên quốc tặc. Nếu cố ý làm thì phạm tội khinh cầu.

Làm sứ thần gây chiến tranh là làm gián điệp ngoại giao, là làm sứ thần cho chính thể gây hấn: là làm quốc tặc. Chiến tranh do những tên quốc tặc này gây ra, đầu là giữa quốc gia mình với quốc gia khác, đầu là giữa các quốc gia khác, đều là những cuộc chiến tội ác. Và như vậy, những tên quốc tặc còn là những tên giặc quốc tế. Nhưng đó là nói sứ thần gây chiến. Sứ thần vận động hòa bình thì giới này không nói đến.

Số 12: Không Được Buôn Bán Tàn Nhẫn

Phật tử nếu cố ý buôn bán lương dân, buôn bán nô bộc tỳ thiếp, buôn bán súc vật, buôn bán quan quách và những dụng cụ tẩn liệt; nhưng mọi sự buôn bán ấy chính mình còn không được làm, huống chi chỉ bảo người khác. Nếu cố ý tự làm hay chỉ bảo người khác thì phạm tội khinh cầu.

Buôn người, buôn súc vật, là sống trên sinh mạng. Buôn đồ tẩn liệt là sống trên cái chết.

Số 13: Không Được Phỉ Báng Không Thật

Phật tử nếu vì tâm địa độc ác mà, một cách không có sự thật, phỉ báng những người hiền lương, những vị thiện đức, những bậc pháp sư, đại sư hòa thượng, đại sư xà lê, quốc chúa, quý nhân, rằng phạm bảy tội nghịch, mười giới nặng ... Nhưng, đối với những người nên coi như cha mẹ chú bác anh em trong hàng lục thân ấy, mình phải phát sinh tâm hiếu thuận, tâm từ bi, vậy mà đảo ngược lại, đã không làm như trên, lại còn da thêm sự trái ý, sự tổn thương, khiến họ hảm vào tình trạng khổ tâm, thì phạm tội khinh cầu.

Đã coi tất cả đều là bà con, nhất là "bà con Phật pháp", mà lại làm cho họ khổ tâm, thì còn gì gọi là từ bi, gọi là hiếu thuận. "Không thật" hay không có sự thật, là không có tội lỗi mình thấy, nghe hay nghi, mà vu khống, phỉ báng là có. Nếu thật có tội lỗi mà mình thấy, nghe hay nghi thì phải cử tội đúng luật, không được dung túng, cũng không được rêu rao.

Số 14: Không Được Cố Ý Thiêu Đốt

Phật tử nếu vì tâm địa tàn ác mà phóng lửa lớn, đốt cháy núi rừng, đồng nội; tháng tư đến tháng chín cũng phóng lửa; phóng lửa đến nỗi có thể cháy lan đến cả nhà cửa, phòng ốc, thành thị, thôn ấp, tăng phường, ruộng vườn và cây cối của người, cháy lan đến vật quý thần, vật công hữu. Nhưng hết thấy đều là vật có chủ, không được cố ý thiêu đốt. Nếu cố ý thiêu đốt thì phạm tội khinh cầu.

Vật quý thần, vật công hữu. Nhưng hết thấy đều là vật có chủ, chính văn tôi chọn để dịch là "quý thần quan vật. Nhất thể hữu chủ vật". Trong cách dịch này, "hết thấy đều là vật có chủ", dịch sát là "hết thấy vật có chủ". Nếu nói hết thấy vật có chủ thì có nghĩa còn có vật vô chủ và có thể thiêu đốt vật ấy. Nhưng giới này đã kể vật quý thần và vật công hữu, thì không còn nhận có vật gì là vô chủ, nên phải dịch như đã dịch. Chưa hết, chính văn câu này có những bản chép hữu chủ vật ra hữu sinh vật, theo đó thì phải dịch "những chỗ có sinh vật"; lại có những bản chép quan vật ra cung vật, hữu chủ vật ra hữu sinh vật, theo đó thì phải dịch "cung miếu và tài vật của quý thần; nhưng tất cả những chỗ

có sinh vật". Giới này, xét kỹ thì thấy rằng sự đốt phá vô trách nhiệm nhiều hơn hẳn sự đốt phá tàn hại sinh mạng, nên Vạn 60/87B nói chữa hữu chủ ra hữu sinh là sai. Tinh thần giới vẫn cấm chỉ nhất là đốt rừng. Xét đến bao nhiêu tác dụng trọng đại không thể thay thế của rừng rú mới thấy sự quan trọng của giới này.

Tháng tư đến tháng chín là những tháng ở Ấn độ thảo mộc còn trùng sinh sản nhiều hơn và bị cấm thiêu đốt nhiều hơn, chứ không phải chỉ cấm những tháng ấy mà thôi. Sau hết, giới này là cấm đốt kéo cháy lan đến của cải và tánh mạng của người và vật; nếu cốt đốt cháy của cải và tánh mạng của người và vật thì phạm tội trộm cướp và tàn sát.

Số 15: Không Được Chỉ Dạy Sai Lệch

Phật tử thì với những người cùng là Phật tử như mình, với ngoại đạo, với kẻ ác, với bà con, với những người quen biết tốt, với ai cũng hướng dẫn cho họ thọ trì kinh luật đại thừa, hướng dẫn cho họ lý giải được nghĩa ý của kinh luật ấy, làm cho họ phát bồ đề tâm; mười tâm phát thú, mười tâm trưởng dưỡng, mười tâm kim cang, ba mươi tâm ấy nhất nhất hướng dẫn cho họ hiểu rõ pháp dụng thứ tự. Nếu là Bồ tát mà vì tâm lý xấu xa, tâm lý hiểm ghét, một cách rất vô lý chỉ dạy cho người kinh luật của nhị thừa thanh văn và học thuyết của ngoại đạo tà kiến thì phạm tội khinh cầu.

"Không được chỉ dạy sai lệch", cũng có thể nói không được không dạy đại thừa. Đối với bất cứ ai, nhưng với sự cẩn trọng tuyệt đối, người thọ Bồ tát giới phải hướng dẫn cho họ 3 điều: học hiểu bồ tát giới, phát bồ đề tâm, học hiểu bồ tát vị. Dạy khác đi là sai lệch. Pháp dụng: cái dụng trừ mê lầm chứng chân lý của các pháp phải học ở trên.

Về việc dạy Tỷ kheo giới (kinh luật của nhị thừa thanh văn) hay tại gia giới, thì tinh thần và sự việc đã nói trong khi giải thích giới nhẹ số 8.

Số 16: Không Được Nói Pháp Rối Loạn

Phật tử thì bằng một tâm nguyện tốt đẹp, trước tiên học tập uy nghi và giới pháp của kinh luật đại thừa, lý giải một cách sâu rộng nghĩa lý và ý vị của uy nghi và giới pháp ấy. Rồi thấy các vị Bồ tát mới học mà có người từ trăm dặm ngàn dặm đến cầu học kinh luật đại thừa, thì phải nói cho họ, một cách đúng như chánh pháp, về những khổ hạnh như thiêu đốt thân phần, cánh tay, ngón tay. Nếu thấy họ tỏ ý e ngại sự thiêu đốt ấy, mặc dầu đã được bảo là thiêu đốt để hiển lên chư Phật đi nữa, thì biết không phải là Bồ tát xuất gia. Bồ tát xuất gia thì dẫn đến hổ lang, sư tử và quỷ thần đang đói, cũng nên xả thịt hay tay chân của mình mà cung cấp. Sau khi nói những pháp khổ hạnh rồi, nhất nhất tuần tự nói cho họ về giới pháp chính yếu, làm cho tâm của họ mở rộng, ý của họ giải tỏa. Nếu là Bồ tát mà vì ý niệm lợi lộc nên điều đáng giải đáp không giải đáp, nói một cách rối loạn văn nghĩa của kinh luật đại

thừa, không có thứ tự trước sau, nói tóm, nói một cách phỉ báng Tam bảo, thì phạm tội khinh cầu.

"Không được nói pháp rồi loạn" là phải nói một cách tuần tự. Trước hết phải thử nghiệm và nung nấu tâm chí cho người học đạo bằng cách trình bày các pháp khổ hạnh, sau đó ngó được mới dạy Bồ tát giới. Uy nghi và giới pháp của kinh luật đại thừa là chi tiết và giới điều của Bồ tát giới Phạm võng. Thiêu đốt năm trong nghĩa hy sinh, phóng xả. Thiêu đốt để hiển lên chữ Phật là hiển lên chữ Phật cái chí nguyện kiên cố như trong sự thiêu đốt. Nhưng đây là nói để thử. Thử coi nói đến hiển lên chữ Phật mà họ có mạnh mẽ tâm chí không. Không thì phải dạy bảo từ từ, cốt sao cho họ có được tâm chí kiên cường để thọ trì Bồ tát giới. Đối với thân thể, nói tổng quát, Bồ tát giới Phạm võng bảo trọng (như giới 37 nói) hay khinh xả (như giới này nói) đều cốt để học tập Bồ tát giới.

Số 17: Không Được Ý Thế Ham Cầu

Phật tử nếu tự mình vì đồ ăn, vì thức uống, vì tiền của, vì quyền lợi, vì danh vọng, thân cận với quốc vương, vương tử, tể tướng, bách quan, rồi ý thế làm oai, yêu sách, hành hung, chiếm đoạt tiền tài sản vật của người một cách ngang ngược; nhưng mọi sự cầu lợi như vậy là ham cầu tàn ác, ham cầu quá đáng, vậy mà còn chỉ bảo kẻ khác ham cầu nữa, không còn gì là từ bi, là hiếu thuận, thì phạm tội khinh cầu.

Trong những cách ham cầu mà giới này nói còn thiếu mấy sự thường thấy, nhất là đem kinh pháp ra nói sao cho vừa lòng phụ nữ và chính quyền. Yêu sách, hành hung, dịch sát là xin, đòi, đánh, tát, lôi, kéo.

Số 18: Không Được Mù Mờ Làm Thầy

Phật tử nếu học và tụng Bồ tát giới thì ngày đêm sáu buổi nắm giữ giới ấy trong trí, lý giải ý nghĩa giới ấy, nghĩa là lý giải về tánh của Phật tánh. Là Bồ tát mà không lý giải được một câu đủ nghĩa, một bài chính cú, lý do của giới pháp cũng không rành, lại nói dối trá rằng lý giải được, như vậy là tự lừa đảo mình và lừa đảo người khác. Nên, nhất nhất mù mờ, giới pháp giáo pháp nào cũng không hiểu, vậy mà làm pháp sư truyền thọ giới pháp cho kẻ khác, thì phạm tội khinh cầu.

Đầu giới này có bản chép thêm, theo đó thì phải dịch "nếu Phật tử thì phải học tập 12 thể loại kệ kinh, hằng ngày 6 buổi trì tụng Bồ tát giới" ... Học và tụng Bồ tát giới là học hiểu và tụng thuộc lòng giới ấy. Ngày đêm sáu buổi: ở chỗ khác là cách nói 24 giờ trên 24 giờ, nhưng ở đây là buổi đầu, buổi giữa và buổi cuối, của ngày và đêm. Nắm giữ trong trí, chính vẫn là trì, là lấy 1 pháp hạnh để nói 5 pháp hạnh: thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, giải nghĩa thú, như thuyết hành (hoặc: thọ trì, đọc, tụng, giải thuyết, viết chép). Lý giải ý nghĩa giới ấy, nghĩa là lý giải về tánh của Phật tánh là lý giải Bồ tát giới, và sự lý giải Bồ tát giới có nghĩa lý giải về bản nguyên của giới ấy là tánh của Phật tánh. Tánh

của Phật tánh là những đức tính của Phật tánh, trong đó có từ bi hiếu thuận diễn thành Bồ tát giới. Lý do của giới pháp là nguyên nhân, trường hợp, chi tiết và tương quan của mỗi giới điều. Người thọ Bồ tát giới, khoan nói để làm thầy truyền giới ấy cho ai, mà chính mình phải học cho thật hiểu và thật thuộc về giới ấy.

Số 19: Không Được Phi Báng Giữ Giới

Phật tử nếu vì tâm lý xấu và ác, thấy vị tỷ kheo giữ giới tay nâng lư hương thực tập Bồ tát hạnh, mà đâm thọc bên này bên kia, phi báng vu khống người thánh thiện, không từ điều xấu nào mà không dựng đứng lên, thì phạm tội khinh cầu.

"Không được phi báng giữ giới", rõ hơn thì phải thêm không được phi báng sự giữ giới bằng cách thực tập Bồ tát hạnh, nhất là sự phi báng ấy dùng lưỡng thiệt mà vu khống và ly gián. Tay nâng lư hương thực tập Bồ tát hạnh là nói tắt đến 2 lớp: nói tắt về sự hiến hương, lễ bái, trì niệm, và mọi sự này chỉ là nói một chút về sự thực tập Bồ tát hạnh. Thực tập Bồ tát hạnh là giữ Bồ tát giới. Ai thực tập như vậy mình cũng tùy hỷ cả, không nên đổ kị mà tổn đức.

Số 20: Không Được Không Cứu Phóng Sinh

Phật tử thì phải đem tâm từ bi mà thực hành sự phóng sinh. Phải nghĩ như vậy: tất cả nam tính là cha ta, tất cả nữ tính là mẹ ta, ta đời đời kiếp kiếp không khi nào không sinh ra từ cha mẹ ấy. Nên sáu đường chúng sinh đều là cha mẹ của ta, ta giết mà ăn là giết mà ăn cha mẹ của mình. Lại cũng giết mà ăn chính thân cũ của mình, vì lẽ hết thấy thể cứng thể lỏng và sức nóng sức động toàn là thân thể cũ của ta. Vì nghĩ như vậy nên thường phóng sinh. Đời đời thọ sinh, đó cũng là một sự thực có tính cách bất biến, nên càng phải chỉ bảo khuyến khích mọi người phóng sinh. Khi thấy thể nhân tàn sát sinh vật thì phải tìm cách cứu hộ, giải thoát khổ nạn cho chúng. Rồi thời thường phải giáo hóa, giảng nói Bồ tát giới cho người để cứu hộ chúng sinh. Gặp ngày chết của cha mẹ anh em thì phải cung thỉnh pháp sư diễn giảng kinh luật của Bồ tát giới. Cái phước ấy giúp cho người chết được thấy chư Phật, hoặc sinh trong nhân loại hay trên chư thiên. Nếu không làm như vậy thì phạm tội khinh cầu.

"Không được không cứu phóng sinh" là phải cứu sinh (cứu thoát sinh vật) và phóng sinh (phóng thả sinh vật). Đời đời thọ sinh là chúng ta không phải chỉ có đời này mà đã có vô lượng đời kiếp, và đời kiếp nào cũng chịu sự sinh ra bởi cha mẹ và tứ đại. Do vậy mà sinh vật nào cũng đã là cha mẹ cũ của ta, và tứ đại nơi sinh vật nào cũng đã là thân cũ của ta. Tứ đại là 4 thể lực tạo ra cơ thể và vũ trụ vật lý, tức cứng, lỏng, nóng, động (kiên, thấp, noãn, động: cố thể, dịch thể, nhiệt lực, động lực); 4 thể lực này mới là tứ đại, còn đất nước lửa gió (địa thủy hỏa phong) chỉ là tứ đại tùy tăng: cứng nhiều hơn là đất, cho đến động nhiều hơn là gió, và mỗi thứ trong tứ đại tùy tăng ấy đều có đủ cả tứ đại.

Vì đời đời thọ sinh nên phải cứu sinh và phóng sinh. Cứu sinh có 2 cách: tìm cách mà cứu khi sinh vật bị bắt (cách đó, phóng sinh là một) và tìm cách khuyên người đừng bắt sinh vật nữa (cách đó, giảng Bồ tát giới là một). Cách sau cứu được cả người bắt và sinh vật bị bắt, nên gọi là cứu hộ chúng sinh.

Gặp ngày chết của cha mẹ anh em, ngày chết là ngày mới chết và ngày ky. Việc giảng Bồ tát giới có ích lợi lớn lao trong việc cứu hộ chúng sinh, nên gặp ngày chết mà giảng Bồ tát giới thì người chết phi sinh tịnh độ (thấy Phật) cũng sinh nhân thiên. Giảng Bồ tát giới là giảng giới ấy với những cách thức thích nghi, chứ không phải chỉ giảng giải chính văn.

Thông thường Phật tử phóng sinh chỉ vì thương sinh vật theo lời Phật dạy và muốn được phước như lời Phật dạy. Nhưng lý thuyết phóng sinh nói trong giới này còn bác bỏ cái thuyết cho sinh vật với người đều do thượng đế tạo ra, và thượng đế tạo ra sinh vật là để cho người ăn.

Mười giới pháp nhẹ như vậy các người phải học, phải cung kính phụng trì, như trong phẩm Diệt trừ tội lỗi Như lai sẽ nói rộng rãi về mỗi một giới pháp ấy.

Kết thúc 10 giới pháp nhẹ thứ hai.

Số 21: Không Được Giận Dữ Báo Thù

Phật tử thì không được đem sự giận dữ trả lại sự giận dữ, không được đem sự đánh đập trả lại sự đánh đập, cũng không được giữ tâm niệm trả thù những kẻ tàn sát cha mẹ anh em bà con của mình hay những kẻ sát hại quốc chúa. Tàn sát sự sống để trả thù sự sống là điều không thuận với đạo hiếu. Không nuôi nô bộc tỳ thiếp mà đánh đập mắng chửi, ngày ngày ba nghiệp bùng dậy, nhất là tội lỗi khẩu nghiệp lại càng vô lượng, huống chi cố làm đến bảy tội nghịch. Là Bồ tát xuất gia mà không có tâm từ bi, cố giữ ý niệm trả thù đến nỗi trong hàng bà con cũng quyết không tha, thì phạm tội khinh cầu.

Cái khác của người học đạo với người thế gian là ở chỗ trả thù hay cảm hóa. Câu chót hết, chính văn là "nhi xuất gia bồ tát vô từ tâm, báo thù, nãi chí lục thân trung cố báo giả, phạm khinh cầu tội". Chính văn này có một cách hiểu mà theo đó thì phải dịch "nếu bồ tát xuất gia mà không có từ tâm, cố ý báo thù, cho đến vì lục thân mà cố ý báo thù, thì phạm tội khinh cầu". Hiểu như vậy là cố ép chính văn cho đúng với đoạn trên đã nói không được trả thù kẻ giết cha mẹ thân nhân. Nhưng chính văn này rõ ràng muốn nói, là Bồ tát, lại là Bồ tát xuất gia, mà quyết tâm trả thù (bất cứ trả thù cho ai) đến nỗi không những đối với người ngoài mà đối với bà con cũng không tha, thì phạm giới này. Về chữ Bồ tát xuất gia, có bản chép và có người nói không có, nhưng tìm xét thì có đúng hơn

(Chính 62/202). Có điều nói như vậy không có nghĩa giới này chỉ răn cấm người xuất gia, mà là có nghĩa răn cấm người xuất gia hơn.

Số 22: Không Được Kiêu Ngạo Không Học

Phật tử nếu mới xuất gia, chưa lý giải gì, mà tự thị thông minh, tự thị cao sang, tự thị tuổi tác, tự thị dòng họ, tự thị giai cấp, kiến thức to lớn, phước đức to lớn, giàu có to lớn, đủ cả thất bảo, ý thị những thứ ấy mà kiêu ngạo, không chịu học hỏi kinh luật với các vị pháp sư đã học hỏi trước mình. Các vị pháp sư ấy có thể có người dòng họ nhỏ, tuổi tác nhỏ, giai cấp nhỏ, nghèo nàn, thấp thỏi, các giác quan không hoàn chỉnh, nhưng thật là người có đức, lý giải thấu đáo hết thảy kinh luật. Nếu các vị Bồ tát mới học mà dòm ngó dòng họ và giai cấp, không chịu đến học hỏi đệ nhất nghĩa nơi vị pháp sư ấy, thì phạm tội khinh cấu.

Đệ nhất nghĩa là chân lý tuyệt đối, tức Phật tánh thường trú. Nếu kiêu ngạo mà không thỉnh cầu học hỏi giáo pháp và giới pháp Phật tánh, thì thế là để sự kiêu ngạo vùi lấp cả một kiếp làm người.

Số 23: Không Được Không Truyền Kinh Giới

Phật tử nếu, sau khi Như lai nhập niết bàn rồi, muốn đem tâm nguyện tốt đẹp lãnh thọ Bồ tát giới mà bằng cách tự nguyện lãnh thọ giới ấy trước hình tượng Phật đà, hình tượng Bồ tát, thì phải bảy ngày sám hối trước hình tượng Phật đà, hình tượng Bồ tát, hễ thấy được tướng tốt thì thọ giới là được giới. Nếu chưa thấy được tướng tốt, thì phải hai lần hay ba lần bảy ngày, cho đến một năm, phải sám hối cho thấy được tướng tốt. Thấy được tướng tốt rồi thì có thể thọ giới trước hình tượng Phật đà, hình tượng Bồ tát. Nếu không thấy được tướng tốt, thì dẫu thọ giới trước hình tượng Phật đà, hình tượng Bồ tát, cũng không thể gọi là được giới. Nếu lãnh thọ Bồ tát giới bằng cách hiện diện đối trước vị pháp sư đã thọ giới ấy trước mình, thì không cần phải thấy được tướng tốt, tại sao, vì vị pháp sư ấy đã do các vị pháp sư trước nữa truyền giới cho nhau, và nay truyền lại cho mình, nên không bắt buộc phải thấy tướng tốt. Và thọ giới trước vị pháp sư như vậy thì được giới liền, được bởi cái tâm cùng cực cần trọng phát sinh trong lúc ấy. Nếu trong vòng ngàn dặm, không ai có thể làm vị pháp sư truyền thọ Bồ tát giới, thì người muốn thọ giới ấy có thể tự nguyện mà lãnh thọ trước hình tượng Phật đà, hình tượng Bồ tát, nhưng với điều kiện phải sám hối thấy được tướng tốt. Nếu là vị pháp sư mà tự thị sự lý giải của mình đối với kinh luật và giới pháp đại thừa, chỉ làm bạn với quốc vương, vương tử và bách quan, còn các vị Bồ tát mới học đến xin hỏi hoặc nghĩa ý của kệ kinh, hoặc nghĩa ý của giới luật, vị pháp sư ấy vì tâm lý khinh miệt, tâm lý xấu xa, tâm lý kiêu ngạo, không nhất nhất giải đáp một cách tốt đẹp những câu của họ thưa hỏi, thì phạm tội khinh cấu.

Không truyền kinh giới là không truyền dạy và truyền thọ cho hậu học về khế kinh và giới luật, chủ yếu là Bồ tát giới Phạm võng; và như vậy là chính mình làm cho giống Phật đứt đoạn. Giới vẫn công kích sự xu phụ quyền quý mà khinh miệt hậu học, không chu toàn nhiệm vụ của mình. Nhiệm vụ ấy, như vừa nói, là truyền dạy và truyền thọ Bồ tát giới. Phần người thọ giới, nếu trong vòng ngàn dặm không có vị thầy xứng đáng thì có thể tự nguyện thọ Bồ tát giới trước tượng Phật và cũng có thể được giới, với điều kiện trước đó phải sám hối cho đến lúc thấy được tướng tốt mà giới 41 sẽ nói. Còn nếu thọ Bồ tát giới với thầy truyền giới thì phải là vị thầy đã do các vị thầy trước truyền lần, và nay làm cả 2 nhiệm vụ đại sư Hòa thượng và đại sư Xà lê mà truyền giới cho mình, nhưng mình chỉ được giới nếu có cái tâm cùng cực cẩn trọng trong lúc thọ giới (và tiếp sau đó trong lúc trì giới). Vị thầy tự nguyện thọ giới dĩ nhiên không được truyền giới, nhưng vị thầy do các vị thầy trước truyền lần cũng chỉ được truyền giới với điều kiện ít nhất là biết quý trọng tương lai của Phật pháp mà không xu phụ quyền quý, là lãnh thọ và truyền trao đúng với sự qui định của Bồ tát giới Phạm võng.

Kinh Anh lạc nói thọ Bồ tát giới có 3: đối trước Phật đà Bồ tát mà thọ là thượng phẩm, đối trước pháp sư thọ trước mà thọ là trung phẩm, nếu trong vòng ngàn dặm không có vị pháp sư ấy nên đối trước tượng Phật đà và Bồ tát mà thọ là hạ phẩm (Chính 24/1020). Vì sao thọ giới trước vị pháp sư hơn thọ giới trước tượng Phật thì xét thấy (a) trong hình thức, thọ giới với vị pháp sư thì có vị thầy hiện diện là Phật, có vị thầy hiện diện là pháp sư, (b) trong sự việc, thọ giới với vị pháp sư thì trước, trong và sau khi thọ giới, vị pháp sư thường dạy bảo, khuyến khích, nhất là kiểm tra.

Số 24: Không Được Học Các Sách Khác

Phật tử nếu có chánh pháp đại thừa trong kinh luật Như lai đã dạy, chánh pháp đủ cả chánh kiến, chánh tánh, chánh pháp thân, mà không nỗ lực học hỏi tu tập, lại bỏ chánh pháp quý báu như thất bảo ấy mà học tập sách vở phủ nhận Phật tánh của nhị thừa, ngoại đạo và thế tục, như các bộ a tỳ đàm, các luận thuyết hỗn tạp, những thi văn truyện ký, thì thế là làm mất Phật tánh, làm cản đạo nghiệp, chứ không phải thực hành Bồ tát đạo. Nếu cố ý học tập thì phạm tội khinh cấu.

Chánh pháp đại thừa trong kinh luật Như lai đã dạy là trong kinh luật Phật dạy có kinh luật đại thừa. Các kinh luật Phật dạy khác cũng có chánh pháp đại thừa ít nhiều trong đó. Chánh pháp đại thừa là chánh kiến: kiến giải về Phật tánh, là chánh tánh: thực hành đức tánh của Phật tánh, và là chánh pháp thân: thành tựu Phật tánh (thành tựu pháp thân: thực hiện bản thể đầy đủ đức tánh). Ba điều này bao gồm tất cả nội dung về lý, hạnh và quả của đại thừa. So với sách vở của tiểu thừa, ngoại đạo, và thế tục, thì đại thừa như vậy quý như thất bảo, nhưng thông đạt đại thừa rồi, muốn biết những sách vở ấy để tiện việc hóa độ, thì lại là việc khác. Sách vở phủ nhận Phật tánh, chính văn là tà kiến, chữ ấy ở đây có nghĩa là những kiến thức phủ nhận Phật tánh, không có căn bản Phật tánh ấy. Tà kiến như vậy bao gồm cả nhị thừa, ngoại đạo và thế tục. Nhưng nhị thừa ở đây, là các bộ a tỳ đàm,

nói như vậy là chỉ nói thời kỳ bộ phái, không nói thời kỳ nguyên thủy, lại càng không nói về giới luật. Do vậy mà người xuất gia thọ Bồ tát giới càng phải lãnh thọ, học hỏi và tuân giữ cho nghiêm về Tỷ kheo giới. Còn ngoại đạo ở đây là các chủ thuyết phức tạp và hỗn tạp của hết thầy học phái cùng tôn giáo khác. Thế tục là những thi văn truyện ký của thế tục, nhưng có người chú giải ký là toán học, bao gồm cả toán pháp, lý số và thiên văn, có người còn dẫn luận Du đã mà chứng minh cho chú giải ấy.

Số 25: Không Được Lạm Dụng Gây Rối

Phật tử nếu, khi Như lai nhập niết bàn rồi, làm chủ sự thuyết pháp, làm chủ sự hành đạo, làm chủ nơi tăng phòng, làm chủ sự giáo hóa, làm chủ sự tọa thiền, làm chủ sự đi lại, thì phải phát sinh tâm từ bi, khéo hòa giải mọi sự mâu thuẫn, khéo hộ vệ vật của Tam bảo, đừng sử dụng vô độ như là của riêng. Nếu trái lại, làm cho Tăng chúng rối loạn vì sự tranh chấp, mặc sức sử dụng của Tam bảo, thì phạm tội khinh cầu.

Các chức vị làm chủ trong giới văn này, tùy qui chế và định nghĩa mà xưa nay gọi bằng những tên hoặc đồng hoặc khác, như làm chủ sự thuyết pháp gọi là pháp sư, cho đến làm chủ sự đi lại gọi là tri khách. Nhưng làm pháp sư hay làm trú trì, bất cứ chức vị gì mà nắm trọn phần hay nắm một phần quyền hành trong Tăng chúng, thì phần tự lợi không được lạm dụng, phần lợi tha phải khéo điều giải mâu thuẫn. Nếu lạm dụng và gây rối thì chính mình là tên giặc phá hoại Tăng chúng.

Số 26: Không Được Không Đãi Khách Tăng

Phật tử nếu đã ở trước trong tăng phòng, sau thấy các vị tỷ kheo hay tỷ kheo bỏ tát, đến nơi tăng phòng, đến nơi nhà cửa, thành thị hay thôn ấp của mình, đến nơi nhà của quốc vương thiết lập, đến nơi chỗ đang kiết hạ an cư, hay nơi chỗ đang thiết lập đại hội cầu phước, thì mình là chủ tăng ở trước, phải đón rước, tiễn đưa, và hiến cúng ẩm thực; phòng ở, đồ nằm, giường giầy hay giường cây, mọi sự đều cung cấp. Nếu không có sẵn, thì dầu phải bán mình, bán cả con cái, cũng gắng mà cung phụng những thứ các vị ấy cần dùng. Rồi nếu có thí chủ đến thỉnh chủ tăng, thì các vị khách tăng ấy cũng có đồng phần, nên vị chủ tăng phòng phải y theo thứ tự mà mời các vị khách tăng ấy thọ thỉnh. Nếu chủ tăng ở trước chỉ thọ thỉnh riêng, không mời các vị khách tăng, thì vị chủ tăng phòng tội lỗi vô lượng, không khác gì loài vật, không phải sa môn, không phải dòng giống họ Thích. Nếu cố ý làm như vậy thì phạm tội khinh cầu.

Giới này cốt nói cho người xuất gia thọ Bồ tát giới, nhất là các vị tri sự hay trú trì mà trong giới văn gọi là vị chủ tăng xá. Nhưng trong chi tiết lại có vài chỗ nói chung hoặc nói riêng cho cả người tại gia thọ Bồ tát giới. Nhà cửa, thành thị hay thôn ấp của mình là nói chung cho cả xuất gia tại gia mà nói cho tại gia nhiều hơn. Nhà của quốc vương thiết

lập là thời xưa ở Ấn, vua chúa hay làm những nhà cửa nghỉ chân cho tu sĩ, du khách. Phòng ở, đồ nằm, giường cây hay giường giây, toàn là nói về đồ nằm, nhưng sự hiến cúng thường có 4, là đồ ăn, đồ mặc, đồ nằm và dược phẩm. Bán mình, bán cả con cái, có bản chép thêm cắt thịt thân mình mà bán, nhưng nhiều bản không có, và không có thì đúng hơn. Câu này nói riêng cho người tại gia thọ Bồ tát giới, và đó là nói cái tình đãi sư tăng và đồng đạo cực kỳ chí thiết, nên nói như vậy có nghĩa giả sử nhiều hơn. Tuy nhiên, cách nói ấy cũng nên hiểu. Nói bán mình và bán con như kiểu đi ở thì xưa và nay hay có. Nói bán mình và bán con là bán sức lao động chân tay và trí thức thì ở đâu và thời nào cũng có và có dưới nhiều hình thức. Nhưng nói bán thịt mình, nếu thật giới này có nói, thì chỉ là giả sử, trừ ra bán thịt có nghĩa như bán mình. Y theo thứ tự mà mời các vị khách tăng ấy thọ thỉnh, cách thức này quan trọng, sẽ được giải thích trong giới 28 sau đây. Nếu khách tăng bị kỳ thị, không được tiếp đãi chu tất, không được lợi hòa đồng quân đúng luật, thì sự kỳ thị ấy bị Phật kết án gần như chưa từng thấy.

Số 27: Không Được Thọ Thỉnh Riêng Biệt

Phật tử thì trường hợp nào cũng không được thọ thỉnh riêng biệt, thu đồ hiến cúng về cả nơi mình. Đồ hiến cúng là thuộc về chư tăng mười phương. Nếu thọ thỉnh riêng biệt thì ấy là lấy vật của chư tăng mười phương thu về nơi mình; lại xâm phạm đến vật của Phật đà, thánh giả, đại sư, chư tăng, cha mẹ và bình nhân trong tám ruộng phước, vì lẽ mình chỉ dùng cho mình mà thôi, nên phạm tội khinh cầu.

Đồ hiến cúng là thuộc về chư tăng mười phương, chư tăng mười phương là các vị tỷ kheo và tỷ kheo thọ Bồ tát giới trong mọi phương hướng, bất cứ ở đâu. Đồ hiến cúng, theo luật, là của chung chư tăng như vậy. Nói nôm na, theo luật, không có chùa riêng và đồ riêng của chư tăng ở trước trong mỗi chùa, mà tất cả chùa chiền, và đồ vật được hiến cúng đã lâu hay mới có, trong đó có sự trai tăng, đều là của chư tăng 10 phương mà chư tăng ở trước chỉ là một bộ phận, một số đại diện. Tám ruộng phước là Phật đà, thánh giả (Bồ tát, Duyên giác, La hán), đại sư Hòa thượng (vị truyền giới), đại sư Xà lê (vị dạy cách thọ giới), chư tăng, cha, mẹ và bình nhân; 8 bậc và người này là những đám ruộng tốt mọc lên và nuôi lớn phước đức cho người, nên gọi là 8 ruộng phước. Đồ hiến cúng, theo luật, cũng là của chung 8 ruộng phước như vậy. Nếu không thọ thỉnh theo thứ tự như giới 28 sau đây nói, mà thọ thỉnh riêng biệt, lại sử dụng một mình, thì thế là chiếm đoạt 2 lớp: chiếm đoạt của chư tăng 10 phương và của 8 ruộng phước. Thọ thỉnh riêng biệt, nói nôm na, là nhận lời mời trai tăng riêng, nhận đồ hiến cúng riêng, chứ không lợi hòa đồng quân cho chư tăng, nhất là cho khách tăng. Thu đồ hiến cúng về nơi mình, mình chỉ dùng riêng cho mình, những chữ mình trong 2 câu này chỉ cho vị trú trì hay tri sự, lại chỉ cho chư tăng ở trước trong mỗi ngôi chùa. Nếu người thỉnh tăng mà thỉnh riêng, nếu tăng thọ thỉnh mà thọ riêng, thì không được gọi là thỉnh tăng hiến cúng và không được cái phước ấy. Hãy coi kỹ giới 28 dưới đây.

Số 28: Không Được Thỉnh Tăng Riêng Biệt

Phật tử thì dầu xuất gia thọ Bồ tát giới, dầu tại gia thọ Bồ tát giới, hay vị trí thí chủ nào, khi muốn thỉnh chư tăng để hiến cúng cầu nguyện, cũng phải đến tăng phường, hỏi vị trí sự mà bạch rằng muốn theo thứ tự thỉnh chư tăng để hiến cúng cầu nguyện. Như vậy là thỉnh được Hiền thánh tăng mười phương. Nếu thỉnh riêng biệt như thế nhân, thì thỉnh năm trăm vị tăng La hán và Bồ tát, cũng không bằng thỉnh một vị tăng phạm phu trong thứ tự của chư tăng. Thỉnh riêng là nề nếp của ngoại đạo, bầy đực Phật không có qui chế thỉnh riêng. Sự ấy không thuận với đạo hiếu. Nếu cố ý thỉnh riêng thì phạm tội khinh cầu.

Thỉnh tăng riêng biệt, nói nôm na là mời các Thầy ăn riêng, cho riêng; ý riêng thích ai thì mời thì cho người ấy. Như vậy không được gọi là thỉnh tăng và không có cái phước thỉnh tăng. Do đó, giới 27 trên đã cấm tăng thọ thỉnh riêng biệt, giới 28 này lại cấm người thỉnh tăng riêng biệt, mà thỉnh và thọ thỉnh đều phải theo thứ tự của chư tăng. Thỉnh và thọ thỉnh theo thứ tự của chư tăng là thế này. Chư tăng cùng ở 1 trú xứ, vốn phải phân thứ tự theo năm thọ Tỷ kheo giới mà giới 38 sẽ nói. Có thể phân thứ tự ấy bằng 1 bảng danh sách. Và thứ tự phân theo năm thọ giới như vậy gọi là thứ tự của chư tăng. Các vị khách tăng cũng vậy, ngay khi mới đến, sẽ ở lại mau hay lâu, hay vô hạn định, vị trí tri hay tri sự phải hỏi năm thọ Tỷ kheo giới của các vị ấy mà đưa vào thứ tự của chư tăng trong trú xứ. Rồi ai muốn thỉnh thì hãy đến trú xứ ấy mà bạch với vị trí tri hay tri sự, rằng xin thỉnh tăng theo thứ tự, lại phải bạch rõ thỉnh cúng được mấy vị. Nếu người thỉnh không biết cách thỉnh tăng theo thứ tự thì vị trí tri hay tri sự phải hỏi và phải chỉ cho họ. Đến lượt chư tăng thọ thỉnh theo thứ tự là vị trí tri hay tri sự bạch chư tăng rõ ý nguyện của người thỉnh, và chư tăng cùng thọ thỉnh theo ý nguyện ấy. Vị trí tri hay tri sự lại coi cái số mà người thỉnh có thể cúng, nếu đủ cả chư tăng thì bạch chư tăng đi dự cả, nếu không đủ thì vị trí tri hay tri sự theo thứ tự của chư tăng mà cử đi. Cử số này cho lần này rồi cử đến số khác cho lần khác, khi chư tăng ai cũng đi rồi thì bắt đầu trở lại mà cử. Như vậy, không kể thỉnh và thọ thỉnh là bao nhiêu vị, mà ý nguyện người thỉnh là thỉnh Hiền thánh tăng mười phương, còn tăng thọ thỉnh thì một hay mấy vị, và là phạm phu tăng đi nữa, cũng là thay mặt Hiền thánh tăng mười phương mà thọ thỉnh. Do đó mà người thỉnh dầu chỉ thỉnh cúng được một vị, và là một vị phạm phu tăng mà thôi, cũng vẫn gọi là thỉnh tăng, và vẫn được cái phước thỉnh tăng ấy. Nếu người thỉnh tăng cũng như tăng thọ thỉnh mà không theo sự thỉnh và thọ thỉnh thứ tự, lại thỉnh và thọ thỉnh riêng biệt, thì đó là ngoại đạo, không phải qui chế của Phật, và người thỉnh dầu thỉnh hàng trăm vị, và toàn là thánh tăng cả, cũng vẫn không được gọi là thỉnh tăng, và không có cái phước của sự thỉnh tăng. Tuy nhiên, trên đây là nói thỉnh và thọ thỉnh trong sự hiến cúng cầu nguyện, ngoài sự đó thì không phải là điều mà giới này nói đến.

Câu phải đến tăng phường, hỏi vị trí sự mà bạch rằng muốn theo thứ tự thỉnh chư tăng để hiến cúng cầu nguyện, như vậy là thỉnh được Hiền thánh tăng mười phương, có bản

chép thêm mấy chữ mà theo đó thì phải chuyển văn nhiều hơn một chút mới dịch rõ được: Phải đến tăng phùng, hỏi vị tri sự mà bạch rằng muốn thỉnh chư tăng để hiến cúng cầu nguyện; vị tri sự trả lời hãy thỉnh theo thứ tự. Người ấy y lời mà thỉnh theo thứ tự. Như vậy là thỉnh được Hiền thánh tăng mười phùng. Cách chép này kém, nhưng rõ hơn được chút nữa cho giới này, lại làm cho giới này dạy được cả người thí chủ và vị tri sự.

Số 29: Không Được Sống Bằng Tà Mạng

Phật tử nếu vì độc ác và vụ lợi mà buôn bán dâm nam dâm nữ, tự tay làm đồ ăn, tự xay tự giã, coi tướng nam nữ, đoán mộng tốt xấu, đoán thai trai gái, làm các chú thuật, xảo thuật, luyện tập chim săn thú săn như luyện chim ưng, pha chế thuốc độc bằng trăm thứ ngàn thứ độc hợp lại, độc rắn, độc vàng bạc sống, độc sâu cỏ, không còn gì là từ bi, hiền thuận. Nếu cố ý làm thì phạm tội khinh cầu.

Tà mạng, là sống bằng những cách sống thiếu uy nghi, thiếu tư cách, thiếu từ tâm. Người xuất gia thì "hoàng pháp thị gia vụ, lợi sinh vi sự nghiệp" nên phải sống bằng sự giúp đỡ của tín đồ, còn người tại gia thì "như lý cầu tài" kiếm của một cách hợp lý mà sống, ngoài ra đều là tà mạng cả. Tự tay làm đồ ăn, tự xay tự giã là nói sự thiếu uy nghi của vị tỷ kheo. Độc sâu cỏ là bắt cả trăm thứ sâu bỏ vào 1 cái hộp cho chúng ăn nhau, con nào còn sống gọi là sâu cỏ. Đem phân sâu cỏ ấy tán ra mà đầu độc thì phát điên cuồng hay bị cỏ trướng. Lấy phân cả trăm thứ sâu nuôi chung mà đầu độc, cũng gọi là độc sâu cỏ.

Số 30: Không Được Bất Kính Hảo Thời

Phật tử nếu vì tâm lý bất lương, chính mình phỉ báng Tam bảo bằng cách tỏ ra thiết cốt với Tam bảo, nhưng, mở miệng ra là nói về không mà việc làm thì toàn ở trong có: kinh lý cho thế nhân, vì thế nhân mà mai mối nam nữ, kết hợp sắc dục, tạo ra đủ thứ hệ lụy; sáu ngày chay trong mỗi tháng, hay ba tháng chay trong mỗi năm, cũng sát sinh, trộm cướp, phá trai, phạm giới, thì phạm tội khinh cầu.

Hảo thời là những thì gian quý báu, cần phải da tăng sự cẩn trọng, như những ngày lục trai hàng tháng (8, 14, 15, 23, 29 và 30) và ba tháng trường trai hàng năm (giêng, năm và chín), hay các ngày kỷ niệm Phật đản, Bồ tát. Những thì gian quý báu như vậy mà phá giới phạm trai, thì đã phạm những tội phá giới phạm trai mà còn phạm giới này nữa. Giới này răn sự xảo trá đối với Tam bảo, răn sự nói và làm nghịch nhau, sự kinh lý cho thế nhân, và như vậy là răn tà nghiệp, răn thêm tà mạng, nhất là răn cấm đích thân phỉ báng Tam bảo bằng những sự ấy, nên các bản chú thích đặt tên khác nhau theo những sự răn như vậy. Kinh lý cho thế nhân, ngoài sự mai mối nam nữ còn có lắm việc, như kinh tài, môi giới chính trị ...

Mười giới pháp nhẹ như vậy, các người phải học, phải cung kính phụng trì, như trong phẩm Thiết chế giới luật Như lai đã giải thích đầy đủ.

Kết thúc 10 giới nhẹ thứ ba.

Số 31: Không Được Không Cứu Không Chuộc

Phật tử nếu, sau khi Như lai nhập niết bàn, trong thời kỳ dữ dội, thấy ngoại đạo và những kẻ tàn ác, những kẻ đạo tặc, chiếm đoạt và đem bán hình tượng Phật đà, hình tượng Bồ tát, những hình tượng mà mình tôn thờ như cha mẹ, bán kinh bán luật, bán các vị tỷ kheo, tỷ kheo ni, bán bồ tát mới phát bồ đề tâm, cho quan lại sai sử hay cho kẻ khác làm nô bộc tỳ thiếp - Nếu là Bồ tát thì thấy những sự tình ấy phải phát sinh tâm từ bi, tìm mọi phương cách mà cứu hộ, đi khắp nơi khuyến hóa mọi người để kiếm tiền của mà chuộc hình tượng của Phật đà và Bồ tát, chuộc các vị tỷ kheo, tỷ kheo ni và bồ tát mới phát tâm, chuộc kinh chuộc luật. Nếu không chuộc như vậy thì phạm tội khinh cấu.

Giới văn này nói đã quá rõ về tình trạng đau buồn của đạo pháp, đã xảy ra và chắc chắn còn xảy ra. Bốn phận của người thọ Bồ tát giới là phải duy trì ngôi Trú trì tam bảo, nên tự mình vô lực thì phải cực lực khuyến hóa mọi người, cùng nhau cứu chuộc về cho đạo pháp những vật và những người đã bị bức đoạt một cách bất lương và bẩn thỉu. Bán các vị tỷ kheo, tỷ kheo ni và bồ tát mới phát tâm, cho quan lại sai sử hay cho kẻ khác làm nô bộc tỳ thiếp, câu này ngày xưa có thể là nghĩa đen cả, nhưng ngày nay thì sự thể biến ảo vô lường, ý nghĩa đen đúa hơn mà danh từ lại rất bóng nhoáng, và chẳng phải chỉ bán Phật tử, lại cũng chẳng phải chỉ bán cho kẻ khác làm lao công mà thôi. Hình tượng Phật đà, hình tượng Bồ tát, những hình tượng mà mình tôn thờ như cha mẹ, Vạn 60/57A giải thích là hình tượng của Phật đà, của Bồ tát và của cha mẹ, nhưng xét ra không đúng với câu kết của giới này. Tuy nhiên, nói như vậy không phải bảo Phật tử đừng quan tâm đến cha mẹ, thân nhân và ân nhân.

Số 32: Không Được Tôn Hại Chúng Sinh

Phật tử thì không được cất chứa buôn bán dao gậy cung tên, buôn bán bình thường mà dùng dụng cụ cân lường nhẹ và nhỏ, dựa vào uy thế của quan quyền mà chiếm đoạt tài vật của người, giam cầm và phá hoại sự thành công của người bằng tâm địa độc hại, nuôi lớn những loài mèo chồn heo chó. Nếu cố ý làm những việc như vậy thì phạm tội khinh cấu.

Tôn hại chúng sinh bằng cách với người thì buôn bán bất lương, ý thế cướp của, giam cầm và phá hoại sự thành công; với vật thì nuôi để ăn để bán, nuôi những vật săn bắt tàn hại vật khác. Đến như buôn bán vũ khí thì khỏi nói.

Số 33: Không Được Tà Dâm Làm Quấy

Phật tử thì không được bằng tâm lý đen tối mà xem sự đấu sức nam nữ, của quân trận, của tướng sĩ, của giặc cướp ... Không được xem nghe ca vũ, không được cờ bạc, không được bói toán, không được làm liên lạc cho đạo tặc. Những việc như vậy nhất nhất không được làm. Nếu cố ý làm thì phạm tội khinh cầu.

Ngoại trừ đam mê thanh sắc, cờ bạc, du hí, là các thứ mới răn ở đây, ở đây vẫn còn răn thêm về tà mạng và tà nghiệp (bói toán và làm việc cho giặc).

Xem nghe ca vũ là dịch tất cho rõ và đủ hơn. Dịch sát là nghe thổi ốc, đánh trống, đánh mõ sừng (chính văn là giặc, có người nói thổi còi sừng), đàn cầm, đàn sắt, đàn tranh, thổi sáo (có bản tiếp đây chép thêm thổi sanh), đàn không hầu, nam nữ ca hát, ngâm vịnh (chính văn là kiêu, có sự giải thích đó là huân, một nhạc khí bằng đất, hay đi đôi với trì, một nhạc khí khác bằng tre), và mọi thứ tiếng diễn tấu các nhạc khí khác.

Cờ bạc cũng là dịch tất cho rõ và đủ. Dịch sát là đánh sư bờ (cờ ngũ mộc), cờ vây, cờ tướng (ba la tặc hý), cờ đàn (vật tròn chọi vào lỗ hay chọi vào nhau), lục bác, phách cúc (hay cầu, là đánh bóng, đá bóng), ném đá, gieo hồ, và khiên đạo bát đạo hành thành (còn gọi là bát đạo hành thành, chỉ có ở Ấn).

Bói toán, chính văn là bốc thệ (bốc: bói bằng mai rùa, thệ: bói bằng cỏ thi), nhưng ở đây tôi dùng chữ này để dịch tất cho đủ và rõ về mọi sự bói toán. Dịch sát là móng kính (luyện thuốc bôi vào móng tay hay ngón tay cho bóng như kính, làm hiện lên điềm tốt xấu, bôi trên kính trên vách cũng vậy, nên Tàu gọi là phép bói sáng ngời), cỏ thi (như bói dịch), nhánh dương (bói bằng nhánh dương liễu), bát bồn (bát phải viết trên chữ hữu là bạn, dưới chữ mãnh là đồ sành, bát bồn là bói nước đựng trong chén bát), đầu lâu (lấy đầu lâu luyện cho linh rồi nghe mách thầm bên tai về sự tốt xấu). Trong loại bói toán này, kinh Niết bàn còn cấm coi tướng tay, chân, mặt, mắt.

Các loại ca vũ, cờ bạc và bói toán trên đây, nếu dịch sát thì Ấn khác Tàu khác, xưa khác nay khác, xưa nay ở nước ta với các nước lại càng khác hơn nữa, nên dịch sát và cắt nghĩa chỉ như nói chuyện đồ cổ của một địa phương, chỉ làm cho khó hiểu, và loảng đi về ca vũ, cờ bạc và bói toán hiện hành tại mỗi xứ mà chủ ý giới này răn cấm.

Số 34: Không Được Rời Bò Đè Tâm

Phật tử thì phải nghiêm trì giới pháp, bằng cách trong mọi cử động đi đứng nằm ngồi và ngày đêm sáu buổi đều phải đọc tụng giới pháp ấy, và giữ với lòng bền chắc như ngọc kim cương, giữ như giữ chiếc phao nổi khi bơi qua biển cả, giữ với quyết chí của vị tỷ kheo bị buộc bằng cổ, vĩnh viễn phát sinh nơi mình đức tin cao đẹp của đại thừa, là tự biết chắc mình là Phật sẽ thành như chư Phật là Phật đã thành, tâm

bồ đề không một thoáng nào rời khỏi tâm trí. Như vậy mà nếu nổi lên một ý niệm của tâm lý nhị thừa hay ngoại đạo thì phạm tội khinh cẩu.

Không rời bồ đề tâm là thể hiện thường xuyên đức tin đại thừa và hành trì thường xuyên giới pháp đại thừa. Nếu tâm lý có ý niệm tự lợi hay nghi hoặc xen vào là rời bồ đề tâm, là tiểu thừa và ngoại đạo. Bằng cách mọi cử động đi đứng nằm ngồi, và ngày đêm sáu buổi, đều phải đọc tụng giới pháp, đọc tụng ở đây không phải là bồ tát tụng giới, mà là nói tắt về 5 pháp hạnh đối với Bồ tát giới: thọ trì, độc tụng, chánh ức niệm, giải nghĩa thú, như thuyết hành (hoặc thọ trì, độc, tụng, giải thuyết, sao chép). Vị tử kheo bị buộc bằng cỏ, sự tích nằm trong Đại trang nghiêm kinh luận, nói vị tử kheo vì tuân lời Phật dạy không được bứt cỏ, nên bị giặc trói bằng cỏ mà vẫn cố chịu chứ không chịu làm trái lời Phật.

Số 35: Không Được Không Phát Đại Nguyện

Phật tử thì phải thường phát khởi mọi lời nguyện, như nguyện hiếu thuận cha mẹ, đại sư, chư tăng, Tam bảo; nguyện gặp được vị pháp sư tuyệt hảo và các vị thiện tri thức đồng một sở học, để luôn luôn dạy cho mình kinh luật đại thừa và các bồ tát vị là mười phát thú, mười trưởng dưỡng, mười kim cang và mười địa, làm cho mình lý giải và thực hành chính xác; nguyện kiên trì giới pháp của Phật, dầu phải mất tánh mạng đi nữa, một thoáng cũng không để rơi mất khỏi tâm trí cái niệm kiên trì ấy. Nếu là Bồ tát mà không phát khởi mọi lời nguyện như vậy thì phạm tội khinh cẩu.

Mọi lời nguyện ở đây là nguyện được hiếu thuận với cha mẹ và Tam bảo, nguyện được thầy bạn tuyệt hảo để học và hành bồ tát giới và bồ tát vị, và căn bản là nguyện được cái chí kiên trì giới pháp của Phật. Tóm tắt thì như vậy, kê ra thì có 10 lời nguyện như sau: nguyện hiếu thuận với cha mẹ, đại sư, chư tăng và Tam bảo, nguyện được thầy tuyệt hảo, nguyện được bạn đồng sở học, nguyện được chỉ dạy cho kinh luật đại thừa là Bồ tát giới Phạm võng, nguyện được hiểu thập trú, nguyện được hiểu thập hạnh, nguyện được hiểu thập hướng, nguyện được hiểu thập địa, nguyện được thực hành chính xác, nguyện kiên trì giới pháp.

Số 36: Không Được Không Phát Đại Thệ

Phật tử thì phát khởi mười lời nguyện rộng lớn rồi, để kiên trì giới pháp của Phật, lại có những lời thề như sau. Thà đem thân này gieo xuống hố lửa, núi đao, quyết không phá hủy giới pháp của tam thế chư Phật bằng cách làm sự bất tịnh với bất cứ nữ nhân nào. Lại thề rằng thà bị lưới sắt nóng ngàn lớp quấn lấy thân thể, quyết không đem cái thân phá giới mà mặc y phục của tín đồ hiền cúng; thề rằng thà miệng phải nuốt viên sắt nóng hay dòng lửa dữ đến cả trăm ngàn đời, quyết không đem cái miệng phá giới mà ăn thực phẩm của tín đồ hiền cúng; thề rằng thà thân này phải nằm trong lưới sắt đỏ hay trên đất sắt nóng, quyết không đem cái thân phá

giới mà nằm ngồi giường ghế của tín đồ hiền cúng; thề rằng thà thân này một đời vài đời chịu hàng trăm mũi giáo đâm vào, quyết không đem cái thân phá giới mà dùng dược phẩm của tín đồ hiền cúng; thề rằng thà thân này gieo vào vạc sắt nóng đến cả trăm ngàn đời, quyết không đem cái thân phá giới mà ở phòng ốc, nhà cửa, vườn tược và đất đai của tín đồ hiền cúng. Lại thề rằng thà thân này bị chùy sắt giáng đập từ đầu đến chân nát như bụi nhỏ, quyết không đem cái thân phá giới mà nhận sự cung kính lễ bái của tín đồ. Lại thề rằng thà bị cả trăm cả ngàn khí cụ bằng sắt nóng móc mất đôi mắt đi, quyết không đem đôi mắt ấy với tâm phá giới mà nhìn vào sắc đẹp; thề rằng thà một đời hai đời bị cả trăm cả ngàn dùi sắt đâm vào hai tai, quyết không đem hai tai ấy với tâm phá giới mà nghe đến tiếng hay; thề rằng thà bị cả trăm cả ngàn dao bén cắt mất mũi đi, quyết không đem cái mũi ấy với tâm phá giới mà ngửi đến hơi thơm; thề rằng thà cái lưỡi bị cả trăm cả ngàn dao bén cắt đứt, quyết không đem cái lưỡi ấy với tâm phá giới mà nếm vào mùi ngon; thề rằng thà thân này bị chặt bị xả bởi búa sắc, quyết không đem cái thân ấy với tâm phá giới mà chạm vào chỗ ưa thích. Lại phát khởi lời thề như sau, thề làm cho hết thấy chúng sinh đều thành Phật đà. Nếu là Bồ tát mà không phát khởi những lời thề như vậy thì phạm tội khinh cầu.

Để hoàn thành 10 lời nguyện mà quan trọng là nguyện kiên trì giới pháp của Phật, phải có những lời thề như sau. Thứ nhất, thề không làm sự bất tịnh; giới này lấy nam làm điển hình mà nói đến nên đối tượng là nữ, như vậy nữ thì đối tượng là nam, và chúng tỏ sinh lý làm cho phá giới hơn cả. Thứ hai, thề nếu phá giới thì không nhận đồ mặc, đồ ăn, đồ nằm, dược phẩm và chỗ ở, chúng tỏ nhu cầu hay làm cho phá giới. Thứ ba, thề nếu phá giới thì không nhận sự tôn kính lễ bái, chúng tỏ sự không biết hổ thẹn hay làm cho phá giới. Thứ tư, thề 5 căn không tiếp xúc 5 cảnh bằng tâm phá giới, chúng tỏ giác quan hay làm cho phá giới. Thứ năm, thề làm cho chúng sinh được làm Phật cả, lời thề này là tổng quát và căn bản, chúng tỏ thệ nguyện lớn lao thì khó mà có sự phá giới. Mười lời nguyện rộng lớn, ai cũng nói là 10 lời nguyện nói trong giới nhẹ 35 ở trên, nhưng có người dẫn kinh Phát bồ đề tâm mà đưa ra pháp số khác, và không ai đồng ý (Vạn 60/96A và 231A). Dòng lửa dữ, chính vẫn là đại lưu mãnh hỏa, là nhỏ thì như nước đồng sôi mà rót ra, lớn thì như thác lửa tuôn ra khi hỏa diệm sơn phun lửa.

Số 37: Không Được Mạo Hiểm Tai Nạn

Phật tử thì thường mỗi năm phải có hai kỳ thực hành đầu đà, mùa đông mùa hạ phải tọa thiền an cư. Thực hành đầu đà thì thường dùng nhánh dương để làm tắm, đậu để rửa, ba pháp y, bình, bát, tọa cụ, tích trượng, lư hương, dây lọc nước, khăn tay, con dao, đồ lấy lửa, nhíp, giường giầy, kinh luật Bồ tát giới và tượng Phật bồ tát. Là Bồ tát thì khi thực hành đầu đà và khi đi du hóa, dầu đi lại cả trăm dặm ngàn dặm đi nữa, mười tám vật ấy vẫn thường mang theo mình. Hai kỳ đầu đà là từ rằm tháng giêng đến rằm tháng ba, từ rằm tháng tám đến rằm tháng mười, trong hai kỳ

Ấy, mười tám vật cũng thường mang theo mình như hai cái cánh với con chim. Bồ tát tụng giới thì các vị Bồ tát mới học đã phải nửa tháng nửa tháng bồ tát, tụng mười giới nặng và bốn mươi tám giới nhẹ; khi tụng thì đối trước tượng Phật Bồ tát mà tụng; một người bồ tát thì một người tụng, mà hai ba cho đến hàng trăm hàng ngàn người cũng chỉ một người tụng; người tụng ngồi cao, người nghe ngồi thấp, ai cũng mang pháp y chín điều bảy điều hay năm điều. Kiết hạ an cư thì nhất nhất phải làm cho đúng phép. Khi thực hành đầu đà thì đừng đến chỗ tai nạn; chỗ nguy hiểm, chỗ quốc chúa tàn bạo, chỗ đất quá cao thấp, chỗ cây cỏ rậm rạp, chỗ cộp beo sư tử, chỗ hay bị nạn nước lửa gió, chỗ có đạo tặc, chỗ đường sá đầy rắn độc, những chỗ tai nạn như vậy đều không được đến đó. Thực hành đầu đà, cho đến kiết hạ an cư, đều không được đến ở những chỗ tai nạn như vậy. Nếu cố ý đến thì phạm tội khinh cầu.

Trừ ra sự du hóa phải tìm hết cách mà thâm nhập quần chúng, với sự đề phòng càng cẩn thận càng tốt ; lại trừ ra sự bồ tát tụng giới chỉ cần thì gian ngắn và luật đã dạy cách ứng phó ; còn 2 sự này không được đến ở những chỗ tai nạn: đầu đà và an cư. Giới văn dạy các hạnh du hóa, đầu đà, bồ tát, an cư, nhưng đầu đà và bồ tát được nói đến nhiều hơn.

Về đầu đà (đập rủ sự tham lam về ăn, mặc, ở) có 12 hạnh và 18 vật. Mười hai hạnh như sau, kê theo Đại bát nhã mà Vạn 60/231B và 438B trích dẫn và tôi xếp lại thứ lớp: ăn có 5 hạnh, là thường khát thực chứ không thọ thỉnh, khát thực theo thứ tự không lựa chọn giàu nghèo quen lạ hay cùng đạo khác đạo, mỗi ngày ăn 1 bữa và ngồi ăn 1 lần, ăn chừng mực là đáng ăn 3 phần mới no thì ăn 2 phần thôi, và sau đứng bóng thì nước vắt trái cây cũng không dùng ; mặc có 2 hạnh, là mặc 3 pháp y thứ vải thô mà chấp vá, và chỉ mặc 3 pháp y mà thôi; ở có 5 hạnh, là ở chỗ thanh vắng mà cách làng xóm bò rống lớn mới nghe, chỗ tha ma để dễ quán bất tịnh và sự chết, chỗ dưới gốc cây chứ không che cát chòi thất, chỗ đất trống để đêm trăng thanh để nhập Không tam muội, và thường ngồi mà ngồi ngay thẳng chứ không nằm. Du dà luận nói sự tham lam về ăn mặc ở không thuận lợi cho phạm hạnh; như lông không đập thì không thể làm thảm, đầu đà đập rủ sự tham lam ấy để thành tựu phạm hạnh. Trí độ luận nói, Phật pháp chỉ lấy tuệ giác làm căn bản, không lấy khổ hạnh làm ưu tiên, nhưng 12 hạnh đầu đà giúp cho tuệ giác nên Phật thường ca tụng. Còn 18 vật của hạnh đầu đà thì cũng là của hạnh du hóa, và chính văn kê đã rõ. Tựu trung, bát là nói về sự ăn, 3 pháp y là nói về sự mặc, và tọa cụ là liên quan sự ở. Ngoài ra, nhánh dương để làm tấm mà xía răng và nhám, nay là tấm và đồ đánh răng; đậu để rửa vốn dùng các thứ đậu và hạt, hoặc nước tro, bồ kết, bồ hòn, nay là xà phòng; tích trượng phòng rắn và thú dữ, lại để báo hiệu trong khi đi khát thực; đồ lấy lửa là dùng cây, đá, thủy tinh mà lấy lửa, nay là diêm, quẹt; giường giầy là lòng giường đan mây, đan giầy, là võng ; nhíp để nhổ gai vì đi chân trần.

Về du hóa, càng đi xa càng phải mang theo 18 vật như đầu đà. Về an cư, nói nhất nhất phải làm cho đúng phép là đúng như trong Luật đã qui định. Về bố tát, nói ai cũng mang pháp y 9 điều 7 điều hay 5 điều là nói cho người xuất gia thọ Bồ tát giới. Nói bồ tát mới học là nói ngay các vị này đã phải tụng giới, không phải nói chỉ các vị này mới phải tụng giới còn các vị trên nữa thì khỏi. Trong sự bố tát tụng giới, điều quan trọng là phải ngồi theo thứ tự mà giới 38 sau đây sẽ nói; còn người tụng giới thì cũng theo thứ tự ấy mà chọn người có khả năng nhất trong chúng cao nhất của các chúng đồng bố tát. Không có cái phép trong chúng cao mà không có người có khả năng tụng giới đến nỗi phải chọn người trong chúng dưới; nói cách khác, bất cứ ai thọ Bồ tát giới rồi, không có cái phép không thể tụng giới ấy : đoạn 2 mục 3 của tiết 1 Phạt đã qui định như vậy.

Thực hành đầu đà cho đến kiết hạ an cư đều không được đến ở những chỗ tai nạn, "cho đến" là nói lược về du hóa và bố tát. Du hóa thì cần thâm nhập mọi nơi, bố tát thì chỉ cần thì gian ngắn, nên có thể không cần tránh những chỗ tai nạn; nhưng chỉ có thể, không phải hoàn toàn không cần. Còn đầu đà và an cư thì phải tránh. Trong những chỗ tai nạn phải tránh, chỗ nguy hiểm, chính vẫn là ác quốc giới: nước dữ, có bản chép quốc nạn: tai nạn cả nước, như vậy cũng có nghĩa là chỗ đang bị tai nạn như chiến tranh, khủng hoảng ... , nhưng Vạn 60/440A nói ác quốc giới là chỗ mà người và cảnh đều không hiền, vậy thì chỗ nguy hiểm còn là nơi nhân tâm hung dữ. Nghĩa này đủ và quan trọng hơn. Sự cấm mạo hiểm tai nạn của giới này cho thấy đối với thân người, Phật pháp khinh là khinh như thế nào mà quý là quý như thế nào.

Sau hết, bố tát thì các vị Bồ tát mới học đã phải nửa tháng nửa tháng thường bố tát, tụng 10 giới nặng và 48 giới nhẹ; khi tụng thì đối trước tượng Phật Bồ tát mà tụng; một người bố tát thì một người tụng ..., có bản chép gọn hơn, theo đó thì phải dịch: ngày bố tát, khi các vị Bồ tát mới học nửa tháng nửa tháng bố tát tụng 10 giới nặng và 48 giới nhẹ, thì đối trước Phật Bồ tát, 1 người bố tát 1 người tụng ... Những chỗ tai nạn như vậy không được đến đó. Thực hành đầu đà cho đến kiết hạ an cư đều không được đến ở những chỗ tai nạn như vậy. Nếu có ý đến thì phạm tội khinh cấu, có bản chép hơi khác, theo đó thì phải dịch : những chỗ tai nạn như vậy đều không được đến đó. Vì đó là những chỗ tai nạn cho hạnh đầu đà. Kiết hạ an cư mà những chỗ tai nạn ấy cũng không được đến, huống chi thực hành đầu đà. Thấy chỗ tai nạn mà có ý đến thì phạm tội khinh cấu.

Số 38: Không Được Ngồi Không Thứ Tự

Phật tử thì sự ngồi phải có thứ tự đúng như chánh pháp, nghĩa là ai thọ giới trước thì ngồi trước, ai thọ giới sau thì ngồi sau. Không kể già trẻ, tử kheo tử kheo ni, quý nhân quốc vương vương tử, cho đến hoàng môn nô bộc tỳ thiếp, tất cả đều nên ai thọ giới trước thì ngồi trước, ai thọ giới sau thì tuân tự mà ngồi. Đừng như ngoại đạo ngu si, già cũng như trẻ không trước không sau, ngồi hỗn tạp như bình nô. Trong chánh pháp của Như lai, người trước ngồi trước, người sau ngồi sau. Nếu là

Bồ tát mà ai nầy không ngồi theo thứ tự đúng như chánh pháp, thì phạm tội khinh cầu.

Không phải chỉ một sự ngồi, mà mọi sự cư xử, bình thường cũng như nghi lễ, đều phải căn cứ thứ tự. Thứ tự ấy có 2, tóm tắt theo Vạn 60/373B-376B, như sau.

Một là thứ tự giữa các chúng. Các chúng có 9, chia ra 2 bộ. Khi 2 bộ ngồi riêng, thì bên tăng bộ thứ tự như sau: tỳ kheo đứng đầu, kế đến sa di, đến cận trú nam, đến cận sự nam; bên ni bộ thứ tự như sau: tỳ kheo ni đứng đầu, kế đến thức xoa, đến sa di ni, đến cận trú nữ, đến cận sự nữ. Khi 2 bộ ngồi chung thì thứ tự như sau: hết tỳ kheo đến tỳ kheo ni, hết tỳ kheo ni đến thức xoa, hết thức xoa đến sa di, hết sa di đến sa di ni, hết sa di ni đến cận trú nam, hết cận trú nam đến cận trú nữ, hết cận trú nữ đến cận sự nam, hết cận sự nam đến cận sự nữ.

Hai là thứ tự trong các chúng. Thứ tự này cũng có 2. Thứ nhất, 2 chúng tỳ kheo và tỳ kheo ni phải lấy tuổi tỳ kheo giới làm thứ tự, vì giới ấy là bản thể của Tăng bảo. Thọ bồ tát giới trước tỳ kheo giới mấy năm cũng không kể, vì giới ấy không biến thành tỳ kheo giới; nhưng thọ bồ tát giới sau tỳ kheo giới thì tỳ kheo giới biến thành bồ tát giới, nên tuổi bồ tát giới bấy giờ được kể theo tuổi tỳ kheo giới. Thứ 2, 7 chúng còn lại thì y theo tuổi bồ tát giới mà làm thứ tự (khi tụng Bồ tát giới).

Riêng thứ tự lấy theo tuổi tỳ kheo giới thì gọi là "thứ tự của chư tăng" mà các giới nhẹ 26, 27 và 28 đã nói.

Thứ tự như trên đây là ý niệm bình đẳng có lý: ý niệm bình đẳng theo tư cách giới pháp. Nếu thứ tự kể theo giai cấp và tuổi tác, nếu bình đẳng một cách hỗn tạp, thì đó là bình nô: chỉ lấy sức mạnh mà giành phần.

Nếu là bồ tát mà ai nầy không ngồi theo thứ tự đúng như chánh pháp, có bản chép gọn hơn, theo đó thì chỉ dịch: Nếu là Bồ tát mà không ngồi theo thứ tự ...

Số 39: Không Được Không Làm Lợi Lạc

Phật tử thì thường khuyến hóa mọi người kiến thiết tăng phường, tạo lập núi rừng, ruộng vườn, xây dựng tháp Phật, thiết lập những chỗ để mùa đông mùa hạ tọa thiền an cư, nói tóm, tất cả những cơ sở hành đạo đều nên kiến thiết. Là Bồ tát thì lại phải diễn giảng cho mọi người về kinh luật đại thừa. Nhưng lúc tật bệnh, quốc nạn, giặc giã, những ngày mạng vong của cha mẹ, anh em, của đại sư hoà thượng và đại sư xà lê thì từ ngày ấy cho đến ngày tam thất và chung thất, cũng nên trì tụng và diễn giảng kinh luật đại thừa. Những lúc làm chay cầu phước, đi lại làm ăn mà có thể bị lửa dữ thiêu đốt, nước lớn trôi chìm, gió bão thổi bạt thuyền bè nguy khốn trong sông to biển cả đầy nạn la sát, thì trước đó cũng nên đọc tụng giảng nói kinh

luật đại thừa. Cho đến hết thủy khổ báo là ba ác, bảy nghịch, tám nạn, công cùm, xiềng xích, trói buộc, đa dâm, đa sân, đa si, đa bệnh, đều nên giảng nói kinh luật đại thừa. Nếu vị Bồ tát mới học không làm như vậy thì phạm tội khinh cầu.

Thường khuyến hóa mọi người kiến thiết, nếu là tại gia thọ Bồ tát giới thì phải thêm: thường tự mình và khuyến hóa ... Ngoài việc tạo lập các cơ sở hành đạo, giới pháp này đặc biệt khuyến khích tụng và giảng Bồ tát giới Phạm võng trong mọi trường hợp cầu an, cầu siêu, cầu nguyện, cầu diệt khổ nhân, cầu trừ khổ báo. Như vậy Bồ tát giới Phạm võng có thể bao gồm hết thủy công năng các kinh Dược sư, Phổ môn, Di đà, Bát nhã. Tạo lập núi rừng, là tạo lập những khu vườn lớn, cây có nước có, có đủ tầng xá. Từ ngày mạng vong cho đến ngày tam thất và chung thất, nói như vậy không phải các ngày và các tuần khác không cần cầu siêu, mà chỉ nói quan trọng nhất là ngày mới chết, ngày tam thất và ngày chung thất, chứ không phải chỉ ngày chung thất mới quan trọng như ta thường làm. Gió bão, chính văn là hắc phong (gió đen), là cuồng phong vùng tâm bão, vùng gió mưa mây nước tạo thành bầu trời đen tối. Khổ báo 3 ác là 3 đường dữ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; nhưng có người thấy có bản chép 3 báo nên giải thích là khổ báo chịu trong đời này (hiện báo) đời sau (sinh báo) hay những đời sau nữa (hậu báo). Khổ báo 7 nghịch là vô gián ngục.

Chín giới pháp nhẹ như vậy các người phải học, phải cung kính phụng trì, như Như lai sẽ nói rõ trong phẩm Phạm đàn.

Kết thúc 9 giới nhẹ thứ nhất.

Số 40: Không Được Chọn Lựa Truyền Giới

Phật tử thì khi cho người thọ Bồ tát giới không được chọn lựa. Hết thủy quốc vương vương tử, tể tướng bách quan, tỷ kheo tỷ kheo ni, thiện nam tín nữ, dâm nam dâm nữ, phạm thiên mười tám tầng trời cõi Sắc, thiên nhân sáu tầng trời cõi Dục, những kẻ vô căn, hai căn, hoàng môn, nô bộc, tỳ thiếp, tất cả quỷ thần, ai cũng được thọ Bồ tát giới cả. Phải dạy người thọ Bồ tát giới nhuộm pháp y bằng hoại sắc cho hợp với chánh pháp. Hoại sắc là nhuộm tất cả pháp y và ngọa cụ bằng màu sắc phá hủy các màu sắc chính là xanh vàng đỏ trắng đen tía. Mọi thứ y phục khác cũng nhuộm hoại sắc như vậy. Nói tổng quát, tại bất cứ quốc độ nào, dân chúng ở đó ăn mặc ra sao thì vị tỷ kheo ăn mặc phải khác với lối ăn mặc ấy. Khi sắp thọ Bồ tát giới, vị pháp sư bồ tát phải xét hỏi người ấy, rằng thân hiện tại có làm bảy tội nghịch không? Vị pháp sư bồ tát không được cho những người thân hiện tại làm bảy tội nghịch được thọ Bồ tát giới. Bảy tội nghịch là làm cho thân Phật xuất huyết, giết cha, giết mẹ, giết hòa thượng, giết xà lê, phá kiết ma tăng và pháp luân tăng, giết thánh giả. Nếu có bảy tội nghịch thì kẻ ấy thân hiện tại không thể được Bồ tát giới. Ngoài ra, ai cũng có thể thọ và được giới ấy. Cái phép của người xuất gia là không lạy quốc vương, không lạy cha mẹ, không lạy bà con, không lạy quỷ thần, nên không

thiên vị hoặc khước từ ai hết, hễ ai hiểu được tiếng nói của vị pháp sư Bồ tát, từ trăm dặm ngàn dặm vẫn đến cầu Bồ tát giới, mà vị pháp sư ấy vì tâm lý xấu xa, tâm lý ghét ghen, không truyền ngay cho họ giới pháp mà tất cả chúng sinh đều có phần thì phạm tội khinh cầu.

Bồ tát giới là của chúng sinh; trừ những kẻ phạm 7 tội nghịch thì thân đời này của họ không thể thọ và được giới ấy, còn bất cứ ai hảo tâm cầu giới ấy cũng đáng được truyền ngay. Hãy coi lại và đối quán chính văn này với chính văn đoạn 3 mục 3 tiết 1.

Bảy tội nghịch là ngoài 5 tội nghịch còn thêm 2 tội giết hòa thượng và giết xà lê. Làm thân Phật xuất huyết là tội nghịch 1. Xưa kia, Đề bà lãn đá hại Phật, nhưng thân Phật không thể hại được, chỉ làm chảy máu ngón chân của ngài. Nay thì đốt phá kinh Phật tượng Phật là cùng loại. Giết cha, giết mẹ là tội nghịch 2 và 3. Ấy là giết 2 người sinh ra sinh thân của mình. Giết hòa thượng, giết xà lê là tội nghịch 4 và 5. Ấy là giết 2 vị sinh ra giới thân cho mình. Giết thánh giả, nói hẹp là giết La hán, là tội nghịch 6. Ấy là giết các vị giải thoát. Phá tăng là tội nghịch 7. Tội này phân ra có 2: phá kiết ma tăng và phá pháp luân tăng. Phá kiết ma tăng: mở đầu, Đề bà dụ dỗ một số tỷ kheo tách ra kiết ma thuyết giới riêng; sau đó, chỉ cần tối thiểu 8 vị tỷ kheo cùng ở 1 chỗ, 1 kẻ trong đó dụ dỗ 3 người cùng kẻ ấy là 4, tách ra làm 1 nhóm mà kiết ma thuyết giới hay làm những sự kiết ma khác, là cùng loại. Phá pháp luân tăng: mở đầu, Đề bà lập ra tam bảo giả trá để chống phá Tam bảo chân thật; sau đó chỉ cần tối thiểu 9 vị tỷ kheo không cần cùng ở 1 chỗ, 1 kẻ trong đó dụ được 4 người cùng kẻ ấy tách ra, kẻ ấy tự xưng giáo lãnh, lập giáo pháp và họp 4 kẻ kia làm giáo đoàn riêng, là cùng loại. Cả 2 tội trên đây chung lại gọi là phá tăng hay phá tăng hòa hợp, có nghĩa làm tan rã sự cùng sống với nhau bằng giới pháp và giáo pháp của chư tăng. Nói cách khác là phá hoại Phật giáo. Do vậy mà nay bất cứ chủ trương và hành động nào phá hoại Phật giáo, là cùng loại. Tất cả 6 tội trước trong 7 tội nghịch là sát sinh cực nặng (dầu làm thân Phật xuất huyết chỉ là phần da hành của tội ấy), còn tội thứ bảy là vọng ngữ cực nặng. Bảy tội nghịch là tội đọa vô gián ngục, nhất là tội phá pháp luân tăng, vì làm thương tổn pháp thân của Phật (Câu xá, Chính 28/92-94).

Ở đây, đối với Bồ tát giới thì chỉ những kẻ phạm 7 tội nghịch mới không thể thọ và không thể được giới ấy. Do đó, 7 tội ấy có bản chép là 7 sự cản trở (thất giá). Ngoài những kẻ phạm 7 tội nghịch, mọi người ai cũng phải được cho thọ Bồ tát giới, không được lựa chọn, khước từ. Thế nhưng, những kẻ trà trộn hay mai phục để phá hoại Phật giáo thì đó cũng là 1 trong 6 loại tặc trú, không thể không tra xét cho kỹU mà cứ cho thọ Bồ tát giới. Lại nữa, giới này cấm là cấm lựa chọn theo tà ý, còn vị truyền giới phải xét người cầu giới có xứng đáng không, người cầu giới phải xét vị truyền giới có xứng đáng không, thì lại là sự răn dạy phải làm của Bồ tát giới du đà (mà Vạn 60/378B trích dẫn). Cho nên lựa chọn hay không lựa chọn theo tà ý thì toàn là cung cách làm cho Phật pháp suy tàn.

Sau hết, đây là mấy chỗ cần giải thích. Vô căn: không có cả 2 bộ phận sinh thực. Hai căn: ngược với vô căn. Hoàng môn: gọi chung 5 loại người lại cái. Phải dạy người thọ Bồ tát giới nhuộm pháp y bằng hoại sắc: do chính văn liên tiếp dưới câu này nói rõ mà biết đây là dạy cho tỳ kheo (và mọi người xuất gia). Ngọa cụ ở đây là những thứ đồ nằm. Mọi thứ y phục khác là mọi thứ khác nữa thuộc về y phục, trong đó có các thứ khăn. Cái phép của người xuất gia là không lay ..., câu này cho thấy rõ vị truyền Bồ tát giới phải là người xuất gia.

Số 41: Không Được Vụ Lợi Làm Thầy

Phật tử nếu giáo hóa cho người phát sinh đức tin đại thừa rồi, mình là Bồ tát làm vị pháp sư chỉ bảo cho người, thì thấy người ấy muốn thọ Bồ tát giới, mình phải chỉ bảo cách thỉnh hai vị đại sư là hòa thượng và xà lê. Hai vị đại sư phải hỏi người ấy có hay không có phạm bảy tội nghịch là bảy tội cản trở sự thọ và được Bồ tát giới. Nếu thân hiện tại phạm bảy tội nghịch thì vị pháp sư không được cho người ấy thọ Bồ tát giới; nếu không phạm bảy tội nghịch thì được cho họ thọ. Nếu người nào phạm mười giới pháp nặng thì phải chỉ bảo người ấy sám hối bằng cách đối trước hình tượng Phật đà, hình tượng Bồ tát, ngày đêm sáu buổi tụng mười giới pháp nặng và bốn mươi tám giới pháp nhẹ, cực kỳ khẩn thiết lễ bái ba ngàn đức Phật thuộc ba thì gian quá khứ hiện tại và vị lai, cầu cho thấy được tướng tốt. Dầu một lần bảy ngày hay ba lần bảy ngày, cho đến một năm, cũng phải làm sao cho thấy được tướng tốt. Tướng tốt là thấy được Phật đến xoa trên đỉnh đầu, thấy ánh sáng của Phật, thấy hoa sen của Phật, hoặc thấy các tướng kỳ lạ khác, thì tội lỗi tức thì tan biến. Nếu không thấy được những tướng tốt như vậy thì dầu sám hối cũng không có cái ích lợi làm cho người ấy thân hiện tại được lại giới pháp, nhưng có cái lợi ích thọ lại giới pháp ấy. Nếu ai phạm bốn mươi tám giới pháp nhẹ thì chỉ bảo người ấy sám hối bằng cách đối diện mà phát lộ, thì tội lỗi tức thì tan biến. Phạm giới nặng hay nhẹ đều không như bảy tội nghịch. Làm pháp sư chỉ bảo thì trong các cách trên đây nhất nhất phải thấu hiểu. Nếu không thấu hiểu sự đúng sai và tội nặng nhẹ của giới pháp đại thừa, không lý giải đệ nhất nghĩa đế, tập chủng tánh, trưởng dưỡng tánh, bất hoại tánh, đạo chủng tánh, chánh pháp tánh, trong tất cả các tánh của Bồ tát vị như vậy không thấu rõ quán hạnh nhiều ít và ra vào như thế nào, cho đến mười thành phần thiên định và bao nhiêu quán hạnh khác, cũng nhất nhất không thấu hiểu nghĩa ý trong đó; mà, là Bồ tát, lại vì quyền lợi, vì danh vọng, vì ham hồ đồ đệ với tâm lý ham cầu xấu xa và quá đáng, làm ra như thấu hiểu tất cả, thì ấy là tự lừa dối mình lại lừa dối kẻ khác. Vậy mà cố ý truyền Bồ tát giới cho người thì phạm tội khinh cầu.

Giới này nối tiếp các giới 16, 40, nhất là giới 23, răn dạy cách làm pháp sư. Pháp sư này trước đây đã gọi là pháp sư đại thừa, pháp sư bồ tát, nay đây gọi là pháp sư chỉ bảo. Pháp sư chỉ bảo là đại sư giáo thọ. Nhưng sự chỉ bảo này không phải chỉ có lúc sắp thọ

giới hay lúc thọ giới, mà là trước nữa, phải giáo hóa làm sao cho người có thể thọ và giữ Bồ tát giới. Giới 41 này gần như tổng hợp cách làm pháp sư như vậy. Cách ấy có 4: một, dạy cho người phát sinh đức tin đại thừa, hai, dạy cách thọ giới, ba, dạy cách sám hối phạm giới, bốn, thấu hiểu về Bồ tát giới và Bồ tát vị.

Một, dạy cho người phát sinh đức tin đại thừa là tin mình sẽ làm Phật. Nhưng nói như vậy là nói tắt về những sự khác nữa, ấy là dạy cho người biết đại thể về Bồ tát giới, dạy cho người có chí nguyện và khả năng để thọ và giữ giới ấy, như đã nói trong các giới nhẹ trước liên quan đến những việc này.

Hai, dạy cách thọ Bồ tát giới. Là xét và không truyền giới ấy cho người phạm 7 tội nghịch, nhưng càng phải giáo hóa sao cho người này có những cái phước khác. Còn ai không phạm 7 tội nghịch thì cho thọ Bồ tát giới bằng cách dạy thỉnh 2 vị đại sư hòa thượng và đại sư xà lê. Nhưng xét Phạm võng (giới 23) Anh lạc (Chính 24/1020) Thiện giới (Chính 30/1014) Du đà (Chính 24/1104) và Địa trì (Chính 30/912) đều thấy Bồ tát giới chỉ do 1 vị thầy truyền thọ. Chính 1 vị thầy ấy, trước khi truyền giới thì làm pháp sư chỉ bảo, khi truyền giới thì làm 2 nhiệm vụ đại sư hòa thượng và đại sư xà lê. Giới văn nói chỉ bảo cách thỉnh 2 vị đại sư là hòa thượng và xà lê, là vị thầy chỉ bảo cho người xin thọ giới biết cách thức thỉnh mình làm cả 2 nhiệm vụ hòa thượng và xà lê mà truyền giới cho người ấy. Giới văn nói 2 vị đại sư phải hỏi người ấy có hay không có phạm 7 tội nghịch, là vị thầy ấy, bây giờ, với tư cách hòa thượng và xà lê, hỏi để xác định người xin thọ giới có hay không có phạm vào những tội cản trở sự thọ giới và sự được giới. Việc này giới 40 đã hỏi, nhưng hỏi để tra xét, nay chỉ hỏi theo nghi thức. Nghi thức mà 1 vị thầy phải nói và phải làm trong việc kiết ma truyền Bồ tát giới thì Chính 24/1104 và 1105 chỉ dẫn rất rõ. Nhất là lời kiết ma, xin lược dịch như sau: Vị thầy truyền giới đối trước tượng Phật lay và bạch, rằng kính bạch vô lượng Phật đà và Bồ tát hiện tại vô lượng thế giới, hiện thời ở đây có bồ tát tên XX, đối trước con là bồ tát XX, 3 lần nói thọ Bồ tát giới, con đã tác chứng cho. Con thỉnh cầu vô lượng Phật đà và Bồ tát cũng tác chứng cho bồ tát XX thọ Bồ tát giới. Bạch lần thứ 2 và lần thứ 3 cũng như vậy. Như vậy là kiết ma thọ Bồ tát giới được hoàn tất (chính 24/1105). Thế nhưng đối với câu "thỉnh 2 vị đại sư", các vị chú thích có nhiều ý kiến, xin tóm tắt ghi lại như sau. Có vài người lướt qua, rõ ràng có ý thận trọng; có vài ba người nói vị pháp sư chỉ cách thỉnh đức Thích ca làm hòa thượng, thỉnh mình làm xà lê; có người nói chỉ cách thỉnh mình làm hòa thượng, thỉnh 1 vị khác là kiết ma xà lê; có người nói mình làm giáo thọ xà lê, chỉ cách thỉnh đức bổn sư Thích ca làm hòa thượng, chỉ cách thỉnh đức đương lai Di lạc làm xà lê. Ấy là chỉ kể những ý kiến đáng chú ý. Những ý kiến này gợi lên sự xét lại cách truyền Bồ tát giới. Cách ấy trong lý thuyết và thực tế thấy có 2. Thứ nhất là cách 1 thầy truyền cho 1 trò. Cách này nên lấy sự chỉ dẫn của luận Du đà làm chính (Chính 24/1104-1105). Tham khảo thì có thể coi thêm Vạn 59/197A và 198B. Đặc biệt nếu truyền cho cận sự nam và cận trú nam theo Ưu bà tắc giới kinh thì có thể làm theo kinh ấy (Chính 24/1047-1049). Thứ hai là cách tổ chức giới đàn truyền cho nhiều người như nghi thức hiện hành, thì có

2 lớp tam sư thấy được và không thấy. Lớp tam sư không thấy là đức Thích ca làm hòa thượng, đức Văn thù làm kiết ma, đức Di lạc làm giáo thọ; lớp này căn cứ kinh Thiện giới và Phổ hiền, và "từ lớp này mà được giới là do sức trợ phát của đức Phổ hiền" (Chính 62/246). Lớp tam sư thấy được là hòa thượng, kiết ma và giáo thọ trong giới đàn; lớp này dạy thỉnh và đứng thỉnh lớp trước kiết ma hoàn tất. Cách truyền giới 1 thầy 1 trò có cái ưu điểm là nghĩa vụ của vị thầy rất quan trọng cho người thọ giới, còn cách truyền giới trong giới đàn thì nhược điểm ở chỗ thọ giới rồi thầy trò hầu như chẳng còn biết gì đến nhau nữa.

Ba, dạy cách sám hối phạm giới. Trước hết, phạm 7 tội nghịch thì đời này không được thọ Bồ tát giới, còn gì nữa mà nói đến sám hối. Nếu thọ Bồ tát giới rồi mới phạm 7 tội nghịch thì đời này mất giới pháp ấy, không thể sám hối để được lại hay thọ lại gì hết. Nhưng nói không thể sám hối là đối với giới pháp, chứ sự sám hối về 7 tội nghịch thì vẫn có. Đó là chuyện A xà thế vương sám hối tội giết cha, ngay trong thời Phật còn và được ngài chấp nhận (Chính 1/109). Làm vị pháp sư thì phải biết như vậy để đừng ruồng bỏ người phạm tội nghịch, làm họ tuyệt vọng, lại phủ nhận năng lực Phật pháp đối với tội ấy.

Ngoài kẻ phạm 7 tội nghịch, ai cũng có thể thọ và được Bồ tát giới. Nhưng thọ và được rồi, nếu phạm 10 giới nặng thì vị pháp sư dạy cho họ phải sám hối thấy tướng tốt mới được phục hồi giới pháp, khỏi phải thọ lại. Sám hối mà không thấy tướng tốt thì được thọ lại, vì người này không phạm 7 tội nghịch. Giới vẫn nói nếu không thấy được những tướng tốt như vậy thì dầu sám hối cũng không có cái ích lợi làm cho người ấy thân hiện tại được lại giới pháp, nhưng có cái ích lợi thọ lại giới pháp ấy, chính vẫn là nhược vô tướng hảo, tuy sám vô ích, thì thân hiện thân diệt bất đắc giới, nhi đắc tăng ích thọ giới. Tăng ích thọ giới, có bản chỉ chép tăng thọ giới, có nghĩa là thọ giới lại. Câu chính văn này có nhiều ý kiến. Ý kiến có nhiều nhất, điển hình như ngài Pháp tạng (Vạn 60/100A) là sám hối thấy tướng tốt thì phục hồi giới pháp, không cần thọ lại, còn sám hối không thấy tướng tốt thì không phục hồi giới pháp nhưng được thọ lại giới pháp ấy. Có vài ý kiến thêm chữ "sau này" vào trước chữ thọ lại, có 1 ý kiến thêm chữ "đời sau". Ý kiến như chính văn là đời này có thể thọ lại, ý kiến thêm chữ sau này là đời này hay đời sau có thể thọ lại, ý kiến thêm chữ đời sau là đời sau mới thọ lại. Nay xét thọ Bồ tát giới là xuất gia hay tại gia thọ giới ấy, vậy Bồ tát giới tùy thuộc Tỷ kheo giới và tại gia giới. Như vậy, sự phạm giới nặng, nhất là phạm cả 3 phần da hành, căn bản và hậu khởi của mỗi giới, thì dầu nói Bồ tát giới có thể sám hối mà phục hồi hay thọ lại đi nữa, tỷ kheo giới và tại gia giới cũng không có cái sự phục hồi hay thọ lại ấy. Trên lý thuyết, nếu có trường hợp chỉ thọ Bồ tát giới thì được thọ lại hay không, thọ lại trong đời này hay đời sau, phải hoàn toàn do vị pháp sư thọ lại, vị thầy rất xứng đáng, có trách nhiệm quyết định, như đã quyết định lúc mới cho họ thọ.

Sau hết, ai phạm 48 giới nhẹ thì dạy cho họ sám hối theo cách đối diện bặc bạch mà sám hối là được tiêu trừ. Cách này luận Du đà (Chính 24/1106) cũng dạy rất rõ. Đối diện,

chính văn là đối thủ, có nghĩa đối diện, giáp đầu mặt mà bộc bạch sám hối. Có người đọc đối thú, có nghĩa đối diện mà thú tội, ý nghĩa như đọc đối thủ. Phạm giới nặng hay nhẹ đều không như 7 tội nghịch, sát chính văn thì chỉ "không như 7 tội nghịch", nên phải bỏ túc như trên.

Bốn, thấu hiểu về Bồ tát giới và Bồ tát vị. Thấu hiểu về Bồ tát giới là hiểu làm như thế nào thì đúng, làm như thế nào thì sai, phạm như thế nào thì nặng, phạm như thế nào thì nhẹ, lại còn phải hiểu lý do và nội dung của Bồ tát giới, hiểu cách truyền thọ, cách lãnh thọ và cách sám hối. Thấu hiểu về Bồ tát vị là hiểu căn bản của Bồ tát vị, hiểu chủng tánh của Bồ tát vị, hiểu pháp hạnh của Bồ tát vị. Căn bản của Bồ tát vị là đệ nhất nghĩa đế, tức Phật tánh, cũng gọi là thật tướng bát nhã. Chủng tánh của Bồ tát vị thì kinh Anh lạc nói có 6, và phối hợp rõ như sau: 1, tập chủng tánh là 10 trú, 2, tánh chủng tánh là 10 hạnh, 3, đạo chủng tánh là 10 hướng, 4, thánh chủng tánh là 10 địa, 5, đẳng giác tánh là đẳng giác, 6, diệu giác tánh là diệu giác (Chính 24/1012). Còn ở đây, kinh Phạm võng nói thì ngài Pháp tạng chép có 5 và phối hợp như sau: 1, tập chủng tánh là 10 phát thú (10 trú), 2, trưởng dưỡng tánh là 10 trưởng dưỡng (10 hạnh), 3, bất hoại tánh là 10 kim cang (10 hướng), 4, đạo chủng tánh là 10 địa, 5, chánh pháp tánh là Phật địa (Vạn 60/99B-100B). Nay xét chính văn Phạm võng và Anh lạc, thấy 10 trú 10 hạnh và 10 hướng thì 2 kinh ấy và thông thường nói như nhau, "ý nghĩa thì đồng, danh từ thì khác" (Trí húc, Vạn 60/314A). Nhưng 10 địa thì Anh lạc cũng như thông thường tách đẳng giác và diệu giác ra làm 2 chủng tánh nữa; còn 10 địa trong Phạm võng thì xét thấy bao gồm cả 10 địa và 2 giác. Vậy nên phối hợp lại như sau: một, tập chủng tánh là 10 phát thú (10 trú), hai, trưởng dưỡng tánh là 10 trưởng dưỡng (10 hạnh), ba, bất hoại tánh là 10 kim cang (10 hướng), bốn, đạo chủng tánh và 5, chánh pháp tánh là 10 địa (10 địa và 2 giác). Ý nghĩa 5 danh từ Bồ tát tánh và 4 danh từ Bồ tát vị như trên có thể lược giải như sau. Một, tập chủng tánh: phẩm cách luyện tập, là xuất phát đi mau đến (phát thú), nghĩa là vững vàng trong Bồ tát vị (trú). Hai, trưởng dưỡng tánh: phẩm cách bồi dưỡng, là bồi dưỡng hơn lên nữa (trưởng dưỡng), nghĩa là đi tới về Bồ tát vị (hành). Ba, bất hoại tánh: phẩm cách kiên cố, là kiên cố như kim cương (kim cang), nghĩa là đã hướng đến chân như (hướng). Bốn, đạo chủng tánh: phẩm cách bát nhã, và Năm, chánh pháp tánh: phẩm cách chân như, là sinh trưởng mọi diệu dụng và đã gần như là Phật (địa và đẳng giác diệu giác). Cũng nên ghi chú thêm rằng có bản chép 6 chủng tánh: sau trưởng dưỡng tánh thêm tánh chủng tánh, nhưng xét thấy bất ổn không ít.

Pháp hạnh của Bồ tát vị là các quán hạnh và pháp hạnh. Quán hạnh có 3, là không quán, giả quán và trung quán: 10 phát thú thì từ giả quán vào không quán, không quán còn ít; 10 trưởng dưỡng thì ra không quán vào giả quán, không quán thì nhiều mà giả quán còn ít; 10 kim cang thì xoay không quán giả quán vào trung quán, giả quán thì nhiều mà trung quán còn ít; 10 địa thì trung quán mới nhiều. Không quán là thể hội thật tướng, siêu việt các phạm trù tư duy; giả quán là hoạt dụng thật tướng, lợi ích cho hết thấy chúng sinh; trung quán là dung hóa thật tướng, vô công dụng hạnh đã nhiệm vận

hiện tiền. Pháp hạnh thì ở đây đưa ra 10 thiên chi (10 thành phần thiên định). Pháp số này là 10 nhất thế xứ. Trí độ luận nói như sau, trong cuốn 21, "bội xả làm cửa đầu, thắng xứ là đi giữa, nhất thế xứ là hoàn thành, 3 loại này của thiên quán mà đầy đủ thì bản thể thiên quán thành tựu". Vậy là 10 thiên chi (nhất thế xứ, biến xứ) còn lược 2 pháp số nữa, đó là 8 bội xả (giải thoát) và 8 thắng xứ.

Vị pháp sư truyền Bồ tát giới thì căn bản là phải nghiêm trì giới ấy, lại phải hiểu rõ và chỉ dạy được 4 điều trên đây. Nhưng nếu truyền Bồ tát giới với tâm lý ham danh lợi và ham đồ đệ thì hiểu mà truyền cũng vẫn phạm giới này, hướng chi không hiểu. Giới văn câu chót làm ra như thấu hiểu tất cả, có bản chép thêm "để được hiển cúng", thêm như vậy vừa thừa vừa thiếu.

Số 42: Không Được Thuyết Giới Ác Nhân

Phật tử thì không được vì quyền lợi mà nói giới pháp vĩ đại của hàng ngàn đức Phật trước những kẻ chưa thọ Bồ tát giới, những kẻ ngoại đạo và ác nhân. Trước những kẻ phủ nhận Phật tánh cũng không được nói. Trừ quốc vương, không được nói với ai cả. Những kẻ ngoại đạo và ác nhân không lãnh thọ giới pháp của chư Phật thì như loài vật, đời đời sinh ra ở đâu cũng không gặp được Phật pháp tăng, như cây như đá không có tâm hồn, nên gọi là ngoại đạo và ác nhân. Còn những kẻ phủ nhận Phật tánh thì khác gì đầu gỗ. Là Bồ tát mà trước những kẻ như vậy nói đến giáo pháp và giới pháp của bảy đức Phật đà thì phạm tội khinh cầu.

Không phải lúc nào, ở đâu, với ai cũng thuyết Bồ tát giới một cách cầu thả. Nhất là đối với những kẻ không có tâm hồn, những kẻ không có giống Phật, những kẻ ngoan cố, vô tín ngưỡng, nghe Bồ tát giới thì chỉ phỉ báng, không thể lãnh thọ mà cũng không chịu lãnh thọ. Còn đối với quốc vương, tức đối với các vị nguyên thủ quốc gia, thì không phải được nói mà là phải nói ; địa vị ấy, quyền sinh sát ở cả trong tay, không cố mà nói cho họ, bằng cách này hay cách khác, về Bồ tát giới, thì không còn sự răn đe nào khác nữa.

Giới 39 nói phải diễn giảng Bồ tát giới trong mọi trường hợp, vậy tránh sao cho khỏi có những kẻ mà giới này hạn chế? Nên người diễn giảng phải xét người nghe, để có khi có thể diễn giảng đủ cả, có khi chỉ nên trích giảng mà thôi.

Giới pháp vĩ đại của hàng ngàn đức Phật, nói rõ là của 3 ngàn đức Phật thuộc 3 thời kỳ quá khứ hiện tại và vị lai. Ấy là lấy 3 ngàn đức Phật liên tiếp, gần gũi và của quốc độ này, trong đó có đức Bổn sư, mà nói sự trọng đại của Bồ tát giới. Của 7 đức Phật đà là lấy 7 đức Phật gần nhất trong số 3 ngàn đức Phật mà đức Bổn sư là vị Phật hiện tại, để nói sự trọng đại của Bồ tát giới. Như loài vật, 1 nhà giải thích nói vì không thọ Bồ tát giới thì sống cũng như chết chỉ là sống chết vô ích.

Số 43: Không Được Cố Tâm Phạm Giới

Phật tử nếu đã đem đức tin đại thừa mà xuất gia và lãnh thọ giới pháp chính yếu của chư Phật rồi, lại cố ý sinh tâm vi phạm giới pháp phát sinh tuệ giác vô lậu như vậy, thì không nên nhận mọi sự hiển cúng của thí chủ, không đáng đi đất của quốc gia, uống nước của quốc gia. Cả năm ngàn quỷ dữ thường án trước mặt kẻ ấy mà bảo với nhau, rằng đó là tên giặc lớn. Vào phòng ốc, thành thị, thôn ấp, nhà cửa, thì bọn quỷ thường quét dấu chân của người ấy đi. Thế nhân ai cũng nhục mạ, rằng đó là tên giặc trong Phật pháp. Chúng sinh không ai muốn nhìn. Kẻ phạm giới có khác gì loài vật, đầu gối. Nếu cố ý vi phạm giới pháp chính yếu của chư Phật thì phạm tội khinh cầu.

Hoặc là vô ý, hoặc là phiền não quá nặng mà phạm giới, thì dầu sao cũng còn hơn kẻ phạm giới bằng sự cố ý. Lại còn không sám hối mà nhận lãnh của tín đồ hiển cúng, thì đó là kẻ không còn chút tâm quý nào trong lòng. Kẻ ấy đất tuy rộng cũng không đáng có một chỗ để đi, nước tuy nhiều cũng không đáng có một giọt để uống. Đất của quốc gia, nước của quốc gia, quốc gia, chính vẫn là quốc vương, chữ này không những có nghĩa là vua mà còn chỉ cho tất cả nguyên thủ quốc gia dưới những danh từ khác nữa. Nói đất nước của nguyên thủ quốc gia là nói của quốc gia, của cả nước. Quý án trước mặt thì vì vậy mà họa không ít và phước khó toàn.

Số 44: Không Được Không Trọng Kinh Luật

Phật tử thì thường phải nhát tâm mà thọ trì đọc tụng kinh luật đại thừa, lột da làm giấy, thích huyết làm mực, rút tủy làm nước, chẻ xương làm bút, để sao chép giới pháp của chư Phật. Lại sao chép mà giữ bằng giấy vỏ cây như giấy gió, giấy dạ, bằng lụa, lụa trắng, lụa tơ trần, bằng thẻ tre. Rồi thường đem bảy thứ quý báu, hay những thứ tạp ngọc vô giá, thơm và đẹp, làm hộp làm đỡ mà tôn trí kinh luật đại thừa ấy. Nếu không hiển cúng đúng cách như vậy thì phạm tội khinh cầu.

Kinh luật phải hiển cúng, phần chính vẫn là kinh luật đại thừa, tức Bồ tát giới Phạm võng. Hiển cúng bằng cách ấn hành mà truyền bá, trang sức mà thờ cúng. Phật tánh nằm trong đó, nên phải hiển cúng như hiển cúng Phật. Lột da làm giấy, thích huyết làm mực, rút tủy làm nước, chẻ xương làm bút, là nói tinh thần vị pháp vong thân, không phải nói thực sự. Sao chép (thư tả) là xưa chỉ viết tay, chưa in. Nay thì in chứ không phải viết.

Số 45: Không Được Không Có Giáo Hóa

Phật tử thì tâm đại bi phải thường xuyên nổi dậy, khi vào những nơi thành thị, thôn ấp hay nhà cửa, thấy bất cứ ai cũng đều nói lên như thế này: các người nên lãnh thọ ba quy y và mười giới pháp. Nếu thấy tất cả cầm thú thì bất cứ bò ngựa heo dê, đều nên tâm nghĩ miệng nói như sau: cầm thú các con, các con nên phát Bồ đề tâm. Là Bồ tát thì đến bất cứ chỗ nào, dầu là núi non, rừng rú hay khe suối, đồng

nội, cũng làm cho hết thầy chúng sinh phát bồ đề tâm. Nếu Bồ tát mà không giáo hóa chúng sinh như vậy thì phạm tội khinh cầu.

Chủ đích của sự giáo hóa là làm cho tất cả phát bồ đề tâm. Cách giáo hóa mà giới này dạy chính là cái điển hình Thường bất khinh trong Pháp hoa. Cách này không mấy ai không cho là tầm thường, lỗ lã, nên không mấy ai không phạm giới này. Nhưng cách này không những đem sức mạnh của tâm nguyện ảnh hưởng đến đối tượng, mà còn tự huân tập và hiện hành thường xuyên nơi bản thân về tâm đại bi. Lãnh thọ ba qui y và mười giới pháp là như truyền thọ Bồ tát giới rồi đó. Nhưng câu giới văn dạy nói lên khi gặp người thì không phải chỉ làm theo một cách máy móc và giản dị như vậy. Phải coi đó là đầu đề mà cách trình bày phải sao cho thích hợp, hiệu quả. Riêng câu giới văn dạy nói lên khi gặp vật thì làm theo dễ hơn: hãy luôn luôn chú nguyện cho chúng như vậy. Nhưng phải chú ý chữ tâm nghĩ: phải vận dụng và tập trung tất cả sự chân thành của tâm đại bi mà chú nguyện.

Số 46: Không Được Thuyết Không Đúng Phép

Phật tử thì thường đi giáo hóa với tâm niệm đại bi mà mình thường phát khởi. Nhưng, dẫu vào nhà tín đồ hay nhà quyền quý, đối với bất cứ tập thể nào, người xuất gia cũng không được đứng mà thuyết pháp cho người tại gia. Phải ngồi lên chỗ cao, ở trước mặt họ. Pháp sư tỷ kheo thì dẫu thuyết pháp cho cả bốn chúng, cũng không được đứng đất mà nói. Khi thuyết pháp thì vị pháp sư phải được mời ngồi chỗ cao, hương hoa hiến cúng; còn bốn chúng thánh giả thì ngồi chỗ thấp, bằng ý niệm như hiếu thuận đối với cha mẹ mà kính thuận những lời giáo huấn của vị pháp sư, lại kính thuận liên tục như các đạo sĩ thờ lửa giữ lửa không tắt. Nếu người thuyết pháp mà thuyết không đúng phép như vậy thì phạm tội khinh cầu.

Thuyết không đúng phép là thuyết pháp không đúng nghi lễ thuyết pháp. Dẫu phải giáo hóa mọi người phát bồ đề tâm, nhưng chính vì để họ quý trọng chánh pháp mà phát bồ đề tâm, nên phải thuyết pháp cho đúng nghi lễ. Dầu thân như nhà tín đồ hay sang như nhà quyền quý, ở đâu cũng không được dễ dãi hay hạ mình, sao cũng nói được, bộc lộ tinh thần thị thường chánh pháp ngay khi chưa nói và khi đang nói. Như vậy thì phải ngồi, lại ngồi chỗ cao và trước mặt người nghe. Nhưng nếu trường hợp cũng theo nghi lễ, người nói phải đứng nói mới tôn nghiêm thì lại khác. Khi thuyết pháp thì vị pháp sư ... giữ lửa không tắt, dịch sát thì như sau, dẫu không đúng ý và việc: Nếu khi thuyết pháp, pháp sư ngồi cao, hương hoa hiến cúng; bốn chúng thánh giả ngồi thấp như hiếu thuận cha mẹ, kính thuận lời thầy như bà la môn thờ lửa.

Số 47: Không Được Kèm Chế Phi Lý

Phật tử như quốc vương, thái tử, bách quan hay bốn bộ, đã đem đức tin đại thừa lãnh thọ giới pháp của chư Phật rồi, lại tự thị quyền quý cao sang mà phá hoại

giáo pháp và giới pháp của Như lai, bằng cách đặt ra qui chế để kèm chế bốn bộ đệ tử của Như lai, không cho họ xuất gia, hành đạo, cũng không cho họ tạo lập hình tượng, chùa tháp, và truyền bá kinh luật. Lại đặt chức thống quản để chế ngự chư tăng, lập sách tịch để kiểm kê chư tăng. Tỷ kheo Bồ tát thì để cho đứng đất, bạch y cư sĩ lại tự ngồi chỗ cao, làm nhiều điều phi chánh pháp, tạo thành tình trạng như bất bình nô thờ chủ. Nhưng tỷ kheo Bồ tát chính là bậc để cho mọi người kính trọng, có đâu lại bị đem làm kẻ sai sử của quan quyền một cách trái với giáo pháp, trái với giới pháp. Nếu hàng quốc vương bách quan đã đem tâm lý tốt đẹp lãnh thọ giới pháp của chư Phật rồi, thì đừng làm những tội lỗi phá hoại Tam bảo như vậy. Nếu cố ý làm những biện pháp phá hoại Tam bảo thì phạm tội khinh cầu.

Giới này tự nói đã rõ, một cách không ngờ, về những sự kèm chế phi pháp, và đã mệnh danh những sự ấy là phá hoại Tam bảo. Một quốc độ mà cường quyền lấn áp đạo đức, buộc đạo đức và những người tiêu biểu cho đạo đức phải phục dịch mình bằng những qui chế phi lý, nhất là qui chế ấy có tính cách kèm chế, giám sát người và việc của một tôn giáo như Phật pháp, thì đó là "nước của quỷ la sát". Nhưng cường quyền ở đây, ngoài chính quyền mà chính sách căn bản không dung Phật pháp, còn là chính quyền mà cầm đầu hoặc nội bộ có những kẻ bất trung của Phật pháp, tự làm hoặc chịu làm tay sai, lợi dụng ngay sự làm Phật tử mà làm những việc hại đạo của Phật, thì đó là điều mà giới này muốn nói đến : nói đến Phật tử tại gia phản bội Phật pháp. Bốn bộ, bốn bộ đệ tử, ở đây là ưu bà tắc, ưu bà di, đồng nam, đồng nữ. Câu lại đặt chức thống quản ... phá hoại Tam bảo như vậy, được biết có bản bị vua quan xưa đục bỏ.

Số 48: Không Được Phá Hoại Đạo Pháp

Phật tử nếu đã đem tâm lý tốt đẹp mà xuất gia rồi, lại vì danh vọng và quyền lợi nên trước mặt quốc vương và bách quan, nói về giới pháp của chư Phật mà lại nói một cách rất phi lý, làm cho các vị tỷ kheo tỷ kheo ni và những người thọ Bồ tát giới bị trói buộc bằng những hình thức lao tù, những biện pháp quân dịch. Như thế đó là con sâu trong thân sư tử tự ăn thịt sư tử, không phải con sâu ở ngoài: chính những kẻ Phật tử như trên tự phá Phật pháp, không phải ngoại đạo ma vương mà phá được. Nên người lãnh thọ giới pháp của chư Phật thì phải ái hộ giới pháp ấy như người mẹ thương đứa con một, như người con thờ cha mẹ, không được vi phạm. Là Bồ tát thì khi nghe cái tiếng của ngoại đạo và ác nhân đem lời nói ác phỉ báng phá hoại giới pháp của chư Phật, lúc ấy khác nào tim mình bị ba trăm mũi nhọn đâm vào, thân mình bị ngàn lưỡi dao vạn cây gậy đánh đập chém chặt. Thà là chính mình vào trong địa ngục cả trăm kiếp, chứ không muốn một lần phải nghe cái tiếng của kẻ ác đem lời ác phỉ báng phá hoại giới pháp của chư Phật, huống chi chính mình tự phá hoại giới pháp của chư Phật bằng cách tạo điều kiện khuyến khích kẻ khác phá hoại Phật pháp, không còn gì gọi là tâm hiếu thuận. Nếu cố ý làm như vậy thì phạm tội khinh cầu.

Giới 47 phần nhiều nói Phật tử tại gia mà phản bội Phật pháp, giới 48 này phần nhiều nói sự phản bội ấy của Phật tử xuất gia. Sự phản bội tàn tệ nhất là chính mình giải thích giáo pháp và giới pháp, đem ngay sự giải thích ấy mà gây ra hay công nhận sự bị nguy khôn đầy ải cho đồng đạo, nhất là đồng đạo xuất gia. Cường quyền, tay sai của ma vương hay chính ma vương hiện thân, phá hoại Phật pháp được là do hành động này tạo cơ hội hay tạo điều kiện. Trong kinh Thắng man, bà hoàng này bạch đức Thế tôn, hằng sa đại nguyện đều nên nhập vào một đại nguyện, ấy là nguyện hộ trì chánh pháp. Hộ trì chánh pháp là đại nguyện cực kỳ lớn lao ... Đức Thế tôn dạy, Thắng man, đúng như vậy; chút ít của sự hộ trì chánh pháp cũng làm cho ma vương cả sợ. Như lai không thấy có một việc thiện nào làm cho ma vương cả sợ bằng một chút của sự hộ trì chánh pháp (Chính 12/218). Câu bằng những hình thức lao tù, những biện pháp quân dịch, được biết có bản cũng bị đục bỏ.

Chín giới pháp nhẹ như vậy, các người phải học, phải cung kính phụng trì.

Kết thúc 9 giới nhẹ thứ hai.

Đoạn 3: Kết Thúc 48 Giới Nhẹ Bồ Tát Giới Phạm Võng

Các Phật tử, bốn mươi tám giới pháp nhẹ như trên đây, các người hãy thọ trì như chư Bồ tát quá khứ đã tụng, chư Bồ tát vị lai sẽ tụng, chư Bồ tát hiện tại đang tụng.

Tổng kết 48 giới nhẹ đã nói bằng 3 lần 10 và 2 lần 9, tức kết thúc phần đăng lưu của Bồ tát giới

Tiết 3: Kết Thúc Và Khuyến Cáo Thọ Trì Bồ Tát Giới Phạm Võng

- I. Mục 1 : Kết Thúc Phần Bồ Tát Giới (Phần Giới Pháp Vô Tận)
- II. Mục 2 : Kết Thúc Phẩm Bồ Tát Tâm Địa Giới (Phẩm Pháp Môn Tâm Địa)
- III. Mục 3 : Phụ Lục Kết Thúc Phần Bồ Tát Giới Bằng Thể Chính Cú
 - A. Đoạn 1 : Nói Về Yếu Tố Và Hiệu Quả Của Bồ Tát Giới
 - B. Đoạn 2 : Nói Về Căn Bản Thật Tướng Bát Nhã Của Bồ Tát Giới
 - C. Đoạn 3 : Khuyến Cáo Và Hướng Nguyện Về Bồ Tát Giới

Mục 1: Kết Thúc Phần Bồ Tát Giới

(Phần Giới Pháp Vô Tận)

Các Phật tử, hãy nghe cho kỹ. Giới pháp gồm có mười điều nặng và bốn mươi tám điều nhẹ như trên đây, các đức Phật đã trong ba thì gian đã tụng sẽ tụng và đang tụng. Như lai nay cũng tụng y như vậy. Đại chúng các người, không cứ quốc vương, vương tử, bách quan, tử kheo, tử kheo ni, thiện nam, tín nữ, hễ lãnh thọ Bồ tát giới thì phải thọ trì, đọc, tụng, giảng thuyết và viết chép đối với cuốn kinh nói về giới pháp của Phật tánh thường trú, truyền bá cho chúng sinh trong tất cả thì gian, làm cho sự cảm hóa của giới pháp này được liên tục mãi, không bao giờ đứt đoạn. Như vậy thì các người sẽ được thấy ngàn đức Phật, đức Phật nào cũng trao tay cho, đời đời không sa vào đường dữ, tám nạn, thường sinh trong nhân loại hay chư thiên. Và như vậy là hôm nay, ở dưới cây bồ đề này, Như lai đã tóm tắt khai thị giới pháp của cả bảy đức Phật. Đại chúng các người hãy nhất tâm mà học giới pháp ấy, và hoan hỷ mà phụng hành, như Như lai đã nhất nhất khai thị phong phú trong phần Khuyên học của phẩm Vô tướng thiên vương. Bảy giờ ba ngàn người học tập Bồ tát đạo trong số thánh giả hiện diện lúc ấy, nghe đức Thế tôn tự tụng lại giới pháp như vậy, ai cũng tâm kính thuận, hoan hỷ phần chân mà thọ trì.

Đây là kết thúc về toàn thể Bồ tát giới Phạm võng, tức kết thúc phần Giới pháp vô tận trong phẩm Pháp môn tâm địa. Kết thúc bằng cách khuyên thực hành 5 pháp hạnh đối với giới pháp ấy, và nói về kết quả của 5 pháp hạnh này. Về 5 pháp hạnh, thọ trì là tiếp nhận ghi nhớ, đọc là đọc xét văn nghĩa, tụng là tụng được thuộc lòng, giảng thuyết là giảng nói cho người, viết chép là sao chép ấn hành. Nhưng thọ trì còn có nghĩa tiếp nhận kính giữ, vì chữ trì nghĩa là giữ cho còn trong trí, giữ cho còn giữa đời. Giảng nói cho người, trước hết còn là giới thiệu, loan báo cho người biết về Bồ tát giới Phạm võng. Và 5 pháp hạnh trên đây cũng còn bao gồm các pháp hạnh chánh ức niệm (nhớ nghĩ chính xác), giải nghĩa thú (lý giải ý nghĩa), như thuyết hành (làm đúng kinh dạy).

Thực hành 5 pháp hạnh thì Bồ tát giới sẽ tồn tại lâu dài và rộng rãi, do đó mà người thực hành được kết quả là thấy ngàn đức Phật, và khi lâm chung thì thấy ngàn đức Phật trao tay cho. Pháp hoa cũng có kết quả này. Được thấy ngàn đức Phật là như người niệm Phật, lúc gần lâm chung, đức A di đà Phật và vô số chư Phật hóa thân, cùng với Thánh chúng hiện ra trước mắt của họ. Khi lâm chung được ngàn đức Phật trao tay cho là như người niệm Phật thì khi lâm chung thân không bệnh khổ, tâm không lưu luyến, ý không thác loạn, y như nhập định, đức A di đà Phật cùng vô số đức Phật hóa thân và Thánh chúng bùng dài kim cương, đưa tay đón dắt. Thường sinh trong nhân loại hay chư thiên, nói cách khác thì như Đại bát nhã đã nói "từ nước Phật này sinh ở nước Phật khác" - tức như người niệm Phật tuy ở trong thế giới ngũ trược này mà cũng như ở trong thế giới Cực lạc, và chết rồi sinh ra ở thế giới này hay ở thế giới nào cũng như ở trong thế giới Cực lạc ấy.

Trọn đoạn văn mục này là trả lời 2 câu hỏi: kính giữ Bồ tát giới bằng cách nào ? kính giữ Bồ tát giới thì khi chết sẽ thế nào, chết rồi sinh ra ở đâu?

Ba ngàn người học tập Bồ tát đạo ... phần chân mà thọ trì, 3.000 ở đây chỉ là một số trong đại hội mà thọ trì Bồ tát giới Phạn vãng ngay khi Phật thuyết xong giới ấy. Thọ trì ở đây không phải chỉ là nghe nhớ: tiếp nhận nắm giữ cho còn trong trí, cũng không phải chỉ là truyền bá: tiếp nhận nắm giữ cho còn trong đời, mà chính yếu là thọ trì Bồ tát giới Phạn vãng: tiếp nhận giữ gìn giới ấy cho thật nghiêm cẩn. Và đó là cách thượng phẩm thọ Bồ tát giới Phạn vãng. Kinh Anh lạc nói thọ Bồ tát giới có 3 cách: đối trước Phật đà hay Bồ tát mà thọ là thượng phẩm, đối trước vị pháp sư thọ trước mình mà thọ là trung phẩm, nếu trong vòng ngàn dặm không có vị pháp sư ấy nên đối trước tượng Phật đà và Bồ tát mà thọ là hạ phẩm (Chính 24/1020).

Mục 2: Kết Thúc Phẩm Bồ Tát Tâm Địa Giới

(Phẩm Pháp Môn Tâm Địa)

Bấy giờ đức Thích ca mâu ni nói xong phần Giới pháp vô tận trong phẩm Pháp môn tâm địa của đức bản thân Lô xá na ở Hoa tạng thế giới đã nói, thì một ngàn và một ngàn lần trăm ức đức Thích ca khác cũng nói y như vậy. Sự từ cung Đại tự tại thiên vương xuống đến cây bồ đề, trải qua mười chỗ thuyết các pháp phẩm cho hết thấy Bồ tát, và cho đại chúng nhiều đến số lượng không thể nói hết, được thọ trì, đọc tụng và giảng nói, cũng như nhau. Nói tóm, một ngàn và một ngàn lần trăm ức thế giới, Hoa tạng thế giới, và các Hoa tạng thế giới khác nhiều như vi trần, cũng diễn về tất cả kho tàng chánh pháp của chư Phật là kho tàng tâm, kho tàng địa, kho tàng giới, kho tàng vô lượng hạnh nguyện, kho tàng nhân quả Phật tánh thường trú. Và như vậy là chư Phật đã nói hoàn tất về tất cả kho tàng chánh pháp. Hết thấy chúng sinh trong một ngàn và một ngàn lần trăm ức thế giới đều thọ trì, hoan hỷ và phụng hành. Nếu khai thị một cách rộng lớn các nghĩa tướng của tâm địa thì phải như trong phẩm Phật hoa quang vương đã nói.

Đây là kết thúc phẩm Pháp môn tâm địa mà trong đó có phần Giới pháp vô tận, tức là kết thúc trọn phẩm thứ 10 của kinh Phạn vãng. Phần Giới pháp vô tận, chính văn là thập vô tận giới phẩm, phẩm ở đây là phần, là phần dưới của phẩm Pháp môn tâm địa; 10 giới pháp vô tận hay Giới pháp vô tận là 10 giới nặng, và như đã nói, nói 10 giới ấy là nói về Bồ tát giới. Các pháp phẩm là nội dung của 10 chỗ thuyết pháp đã kê trong số 2 mục 1 của Tiết 1. Nhưng 10 chỗ ấy đáng lẽ phải nói tắt rằng từ dưới cây bồ đề lên đến cung Đại tự tại thiên vương; nói từ cung Đại tự tại thiên vương xuống đến cây bồ đề là nói ngược thứ tự một chút. Nội dung 10 chỗ thuyết pháp ở đây: tâm là 30 tâm, địa là 10 địa, và cả 2 là nói về Bồ tát vị; giới là 10 giới nặng và 48 giới nhẹ, là nói về Bồ tát giới; vô lượng hạnh nguyện là nói về các Bồ tát hạnh và Bồ tát vị khác mà 10 chỗ thuyết pháp cũng đã kê; nhân quả Phật tánh thường trú thì 4 kho tàng trên là nhân, pháp thân là quả. Các Hoa tạng thế giới khác nhiều như vi trần là dịch rõ chính văn vi trần thế giới. Chúng sinh trong 1 ngàn và 1 ngàn lần trăm ức thế giới đều thọ trì, hoan hỷ và phụng hành, là nói

chúng sinh thuộc Hoa tạng thể giới này để làm điển hình. Phật hoa quang vương, có bản chép thêm: 7 hạnh của Phật hoa quang vương.

Mục 3: Phụ Lục Kết Thúc Phần Bồ Tát Giới Bằng Thể Chính Cú

Mục này dĩ nhiên không thể cho là chính văn của Bồ tát Phạm võng như có nhà chú thích cho như vậy. Có thể nguyên thi tụng Bồ tát giới Phạm võng chỉ có bài tựa mở đầu và bài văn chính cú này làm lời mở và lời kết. Văn và ý của mục chính cú này kết hợp văn và ý của luận Du đà và luận Trung quán. Do vậy, chỉ nên gọi là phụ lục mà thôi. Tuy nhiên, mục chính cú này thật đặc biệt, nói đến căn bản quan trọng của Bồ tát giới là thật tướng bát nhã. Thật tướng bát nhã là ánh sáng giới pháp mà đoạn 2 mục 3 của tiết 1 đã nói. Thật tướng bát nhã ấy là tư tưởng căn bản của dịch chủ La thập.

Mục này có 3 đoạn: đoạn 1 nói về yếu tố và hiệu quả của Bồ tát giới, đoạn 2 nói về căn bản thật tướng bát nhã của Bồ tát giới, đoạn 3 khuyến cáo và hướng nguyện về Bồ tát giới.

Đoạn 1: Nói Về Yếu Tố Và Hiệu Quả Của Bồ Tát Giới

**Những người thông minh thật
thì đức tính nhẫn nhịn
và khả năng tuệ giác
cả hai đều mạnh mẽ.
Nhờ đó thọ trì được
giới pháp Bồ tát này,
từ nay đến thành Phật
thường được năm lợi ích:
Một là được chư Phật
thương tưởng hộ trì luôn.
Hai là khi lâm chung
chánh kiến, tâm hoan hỷ.
Ba là sinh chỗ nào
cũng làm bạn Bồ tát.
Bốn là công đức tụ
giới độ thành tựu cả.
Năm là trong đời này
và các đời sau nữa
đủ cả phước và tuệ
của giới pháp tự tánh.**

Đoạn này lấy văn ý luận Du đà, nói về yếu tố và hiệu quả của sự thọ trì Bồ tát giới. Yếu tố ấy là đức tính nhẫn nhịn và khả năng tuệ giác. Còn hiệu quả ấy là 5 lợi ích mà

luận Du đã nói rõ hơn: Cho đến chưa chứng vô thượng bồ đề, nhờ nỗ lực tu tập một cách chính xác đối với vô lượng Bồ tát giới, nên thường được 5 lợi ích vượt bậc. Một là thường được mười phương chư Phật giữ gìn. Hai là khi sắp bỏ thân mạng thì lòng rất hoan hỷ. Ba là sau khi thân mạng kết thúc, sinh ra chỗ nào cũng thường cùng các vị Bồ tát giới hạnh thanh tịnh hoặc bằng hoặc hơn mình làm đồng phạm, đồng pháp hữu và thiện tri thức. Bốn là thành tựu kho tàng vô lượng công đức to lớn, có thể viên mãn tịnh giới ba la mật. Năm là đời này và các đời sau thường thành tựu được tịnh giới của tự tánh, tịnh giới thành ra cá tính (Chính 30/522). Những lợi ích này cho thấy thọ trì Bồ tát giới thì ở đâu cũng là nước Phật.

Sau đây là mấy từ ngữ cần chú thích. Chánh kiến, ở đây, khi sắp chết, là như người niệm Phật thì khi ấy tâm trí không hôn mê, thác loạn, thấy Phật đưa tay đón đắt. Công đức tụ: cái đồng công đức. Giới độ: tịnh giới ba la mật.

Đoạn 2: Nói Về Căn Bản Thật Tướng Bát Nhã Của Bồ Tát Giới

**Giới pháp như thế này
là sở hành của Phật,
với chỗ sở hành ấy
trí giả hãy khéo nghĩ:
Tâm hạnh như ngoại đạo
trước tướng và chấp ngã,
thì giới pháp như vậy
không thể nào tin thọ.
Tuệ giác của Thanh văn
diệt tận chứng niết bàn,
cũng không phải là chỗ
gieo giống giới pháp này.
Muốn nuôi lớn mầm mống
lúa tuệ giác bồ đề
để ánh sáng tuệ ấy
chiếu tỏa cả thế gian,
thì cần phải thường xuyên
yên tịnh tâm trí mình
mà quán sát thật tướng
của tất cả các pháp
siêu việt mọi khái niệm
đối lập nhau như sau:
phát sinh với tiêu diệt
vĩnh cửu với hư vô
đồng nhất với mâu thuẫn**

**xuất hiện với biệt dạng.
Bằng sự quán sát ấy
nỗ lực mà trang hoàng:
việc Bồ tát phải làm,
phải tuân tự học tập.
Với tất cả các vị
tu học còn tiếp tục
tu học đã hoàn tất
đừng sinh tâm phân biệt,
thì đó: đệ nhất nghĩa,
ùng gọi là đại thừa.
Mọi hý luận làm lỗi
đều bật dấu ở đây,
và từ đây xuất phát
trí toàn giác của Phật.**

Đoạn này lấy văn ý của Trung luận, của Bát nhã, và của chính Phạm võng (đoạn 2 mục 3 tiết 1). Giới pháp như thế này là sở hành của Phật, chính văn là thử thị Phật hành xứ, một số bản chép thử thị chư Phật tử, chép như vậy là sai đến nỗi rất đáng ngạc nhiên. Sở hành của Phật là cái của Phật biết và Phật làm. Sở hành ấy chính là thật tướng bát nhã, Bồ tát giới xuất phát từ căn bản ấy. Tâm hạnh như ngoại đạo ... gieo giống giới pháp này là nói Bồ tát giới thì ngoại đạo và nhị thừa không kham thọ trì. Nhưng nói như vậy chỉ để đề cao Bồ tát giới, và là nói trong 1 lúc nên đối với Bồ tát giới có người có thể thọ trì, có người không thể thọ trì, còn nói trong nhiều lúc thì lúc này có người còn không thể mà lúc khác người ấy đã có thể, do vậy nên nói ai cũng có thể thọ trì Bồ tát giới và trở thành Phật đà, đó mới là tư tưởng chính yếu của Bồ tát giới Phạm võng. Muốn nuôi lớn mầm mống ... của tất cả các pháp : Tuệ giác bồ đề là thật tướng bát nhã: tuệ giác thể nhập thật tướng của các pháp. Mầm mống của tuệ giác bồ đề thì chính là tuệ tâm sở trong 5 tâm sở biệt cảnh; sử dụng tâm sở này thì tập quán sát được về thật tướng. Siêu việt mọi khái niệm ... xuất hiện với biệt dạng: Thật tướng là gì? là bản chất thật: bản chất siêu việt mọi khái niệm mà thực chất chỉ là đối lập nhau mà hình thành. Mọi khái niệm ấy, ở đây đưa ra 4 phạm trù thành 8 khái niệm để làm tiêu biểu. Tất cả 6 câu này nếu dịch sát chính văn đến gần như không dịch thì phải là không sinh với không diệt, không thường với không đoạn, không nhất với không dị, không lai với không khứ. Bằng sự quán sát ấy, nỗ lực mà trang hoàng: việc Bồ tát phải làm, phải tuân tự học tập : Bằng sự quán sát ấy, chính văn là như thị nhất tâm trung, nhất tâm là sự quán sát thật tướng, chỉ lấy thật tướng làm chủ đề duy nhất (chứ chưa thể nói là đồng nhất với thật tướng). Nỗ lực mà trang hoàng, trang hoàng (trang nghiêm) là nói tắt, nói đủ là trang hoàng quốc độ bằng cách giáo hóa chúng sinh (thành ngữ: trang nghiêm quốc độ, thành thực chúng sinh). Và đó là việc phải làm của Bồ tát. Việc phải làm ấy - mà chính yếu là Bồ tát giới - là xuất phát từ thật tướng bát nhã. Nên người thọ Bồ tát giới thì, với sự quán sát thật tướng bát nhã, phải nỗ lực mà học

và hành. Với tất cả các vị ... cũng gọi là đại thừa: Tu học còn tiếp tục là hữu học, tu học đã hoàn tất là vô học. Đối với các vị ấy - mà người thọ Bồ tát giới sống với - người thọ Bồ tát giới không phân biệt để khinh trọng, thì đó là một bước biểu hiện của bát nhã. Hý luận lầm lỗi, hý luận ở đây là hết thấy tư duy và mô tả theo các phạm trù đối lập nhau; đối với thật tướng bát nhã thì tư duy mô tả như vậy đã là hý luận, mà là hý luận lầm lỗi. Trí toàn giác của Phật, trí toàn giác, chính vẫn là bát bà nhã.

Đoạn 3: Khuyến Cáo Và Hưởng Nguyện Về Bồ Tát Giới

**Thế nên các Phật tử
hãy nổi đại dũng mãnh:
đối với giới của Phật
giữ như giữ ngọc sáng.
Các Bồ tát quá khứ
đã học về giới ấy,
vị lai thì sẽ học,
như hiện tại đang học.
Giới ấy chư Phật làm,
giới ấy chư Phật khen,
và tôi hôm nay đây
đã kính theo chư Phật
mà tụng lại giới pháp
phước đức vô lượng ấy
hồi hướng cho chúng sinh
để cùng nhau xoay về
trí toàn giác của Phật,
cầu nguyện cho các vị
được nghe giới pháp này
chóng thành đạt trí Phật.**

Và tôi hôm nay đây, tôi là vị tụng giới tự xưng. Mà tụng lại giới pháp phước đức vô lượng ấy, chính vẫn là thuyết phước đức vô lượng tự, có người hiểu là nói về giới pháp, sự nói ấy được vô lượng phước đức; nay xét phước đức vô lượng tự - mà ở trên nói là công đức tự - nghĩa đen là cái đồng phước đức vô lượng, cái đồng ấy chính là giới pháp Bồ tát của Phạm võng.

Kính lạy đức Lô xá na như lai. Kính lạy đức Thích ca mâu ni như lai. Kính lạy kho tàng Bồ tát giới Phạm võng.

Cả 3 danh hiệu này là của nghi thức tụng giới. Vị tụng giới niệm 3 danh hiệu này trước khi nói lời tác bạch cuối cùng.

Phụ Lục 1:

Danh Sách Bồ Tát Giới Phạn Vỡng

Ghi chú.- Nhiều vị chú thích nói khi tụng giới không nên tụng tên của mỗi giới. Lý do là vì tên ấy do các vị chú thích đặt ra, và có nhiều tên không gồm hết ý nghĩa. Nhưng kinh nghiệm cho thấy nếu tụng những tiêu đề cần thiết, trong đó có tên của mỗi giới, thì vẫn hơn. Nhất là khi tụng lược thì câu " còn các giới khác như thường đã tụng" không làm sao bằng cách tụng tên các giới.

10 Giới Nặng

1. Không được tàn sát,
2. Không được trộm cướp,
3. Không được dâm dục,
4. Không được vọng ngữ,
5. Không được buôn rượu,
6. Không được nói xấu đồng đạo,
7. Không được khen mình chê người,
8. Không được tiếc lẫn tài pháp,
9. Không được giận dữ không nguôi,
10. Không được phỉ báng Tam bảo.

48 Giới Nhẹ

1. Không được bắt kính thầy bạn,
2. Không được uống các thứ rượu,
3. Không được ăn các thứ thịt,
4. Không được ăn đồ cay nóng,
5. Không được không khuyên sám hối,
6. Không được không cầu chánh pháp,
7. Không được không đi nghe pháp,
8. Không được phản đại thừa giới,
9. Không được không giúp bệnh tật,
10. Không được tàng trữ khí cụ,
11. Không được làm kẻ quốc tặc
12. Không được buôn bán tàn nhẫn,
13. Không được phỉ báng không thật,
14. Không được cố ý thiêu đốt,
15. Không được chỉ dạy sai lệch,
16. Không được nói pháp rối loạn

17. Không được ỷ thế ham cầu,
 18. Không được mù mờ làm thầy,
 19. Không được phi báng giữ giới,
 20. Không được không cứu phóng sinh,
 21. Không được giận dữ báo thù,
 22. Không được kiêu ngạo không học,
 23. Không được không truyền kinh giới,
 24. Không được học các sách khác,
 25. Không được lạm dụng gây rối,
 26. Không được không đãi khách tăng,
 27. Không được thọ thỉnh riêng biệt,
 28. Không được thỉnh tăng riêng biệt,
 29. Không được sống bằng tà mạng
 30. Không được bắt kính hảo thời.
 31. Không được không cứu không chuộc,
 32. Không được tổn hại chúng sinh,
 33. Không được tà tâm làm quấy,
 34. Không được rời bỏ đề tâm,
 35. Không được không phát đại nguyện,
 36. Không được không phát đại thệ,
 37. Không được mạo hiểm tai nạn,
 38. Không được ngồi không thứ tự,
 39. Không được không làm lợi lạc,
 40. Không được chọn lựa truyền giới,
 41. Không được vụ lợi làm thầy,
 42. Không được thuyết giới ác nhân,
 43. Không được cố tâm phạm giới,
 44. Không được không trọng kinh luật,
 45. Không được không có giáo hóa,
 46. Không được thuyết không đúng phép,
 47. Không được kèm chế phi lý,
 48. Không được phá hoại đạo pháp.
-

Phụ Lục 2:

Phân Loại Bò Tát Giới Phạm Võng Đối Với Xuất Gia Tại Gia

Ghi chú.- Phụ lục này cốt bổ túc cho tiết 9 của chương 1. Phân loại này, thật ra mới làm tạm, chưa nói chi tiết kỹ càng. Phân loại ghi dấu A B C, không phải biểu thị nặng nhẹ mà chỉ ghi theo nhiều ít.

Một, Phân Loại 10 Giới Nặng

1. Loại A răn cả xuất gia tại gia:

1. Không được tàn sát,
2. Không được trộm cướp,
4. Không được vọng ngữ,
6. Không được nói xấu đồng đạo,
7. Không được khen mình chê người,
8. Không được tiếc lẩn tài pháp,
9. Không được giận dữ không nguôi,
10. Không được phỉ báng Tam bảo.

2. Loại B răn xuất gia nhiều tại gia ít:

3. Không được dâm dục,
3. Loại C răn tại gia:
5. Không được buôn rượu (h) .

Hai, Phân Loại 48 Giới Nhẹ

1. Loại A răn cả xuất gia, tại gia:

2. Không được uống các thứ rượu (a) ,
3. Không được ăn các thứ thịt,
4. Không được ăn đồ cay nồng,
6. Không được không cầu chánh pháp,
7. Không được không đi nghe pháp (b) ,
8. Không được phản đại thừa giới (c) ,
9. Không được không giúp bệnh tật,

- 13. Không được phỉ báng không thật,
- 19. Không được phỉ báng giữ giới,
- 20. Không được không cứu phóng sinh,
- 22. Không được kiêu ngạo không học,
- 24. Không được học các sách khác (c) ,
- 29. Không được sống bằng tà mạng,
- 30. Không được bất kính hảo thời,
- 31. Không được không cứu không chuộc,
- 33. Không được tà tâm làm quấy,
- 34. Không được rời bỏ đề tâm,
- 38. Không được ngồi không thứ tự,
- 39. Không được không làm lợi lạc,
- 44. Không được không trọng kinh luật,

2 Loại B răn xuất gia:

- 5. Không được không khuyên sám hối,
- 16. Không được nói pháp rối loạn,
- 18. Không được mù mờ làm thầy (d) ,
- 23. Không được không truyền kinh giới,
- 25. Không được lạm dụng gây rối,
- 26. Không được không đãi khách tăng (d) ,
- 27. Không được thọ thỉnh riêng biệt,
- 36. Không được không phát đại thế,
- 37. Không được mạo hiểm tai nạn,
- 40. Không được chọn lựa truyền giới,
- 41. Không được vụ lợi làm thầy,
- 42. Không được thuyết giới ác nhân (d) ,
- 46. Không được thuyết không đúng phép (d) ,
- 48. Không được phá hoại đạo pháp.

3. Loại C răn tại gia:

- 1. Không được bất kính thầy bạn (f) ,
- 10. Không được tàng trữ khí cụ,
- 11. Không được làm kẻ quốc tặc,
- 12. Không được buôn bán tàn nhẫn,
- 32. Không được tổn hại chúng sinh,
- 47. Không được kèm chế phi lý,

4. Loại D răn xuất gia nhiều tại gia ít:

- 15. Không được chỉ dạy sai lệnh,
- 35. Không được không phát đại nguyện,
- 43. Không được cố tâm phạm giới,
- 45. Không được không có giáo hóa.

5. Loại Đ răn tại gia nhiều xuất gia ít:

- 14. Không được cố ý thiêu đốt (e) ,
- 17. Không được ý thể ham cầu (e) ,
- 21. Không được giận dữ báo thù,
- 28. Không được thỉnh tăng riêng biệt (g) .

Chú Thích (a)

Cũng có thể nói răn tại gia nhiều.

Chú Thích (b)

Cũng có thể nói răn xuất gia nhiều.

Chú Thích (c)

Răn những người chỉ tôn cái gọi là Phật giáo nguyên thi đó.

Chú Thích (d)

Cũng có răn tại gia.

Chú Thích (e)

Coi chừng xuất gia cũng bị răn không ít.

Chú Thích (f)

Tại gia còn răn như vậy, huống chi xuất gia.

Chú Thích (g)

Ngày nay xuất gia cũng bị răn.

Chú Thích (h)

Không lẽ xuất gia mà buôn rượu